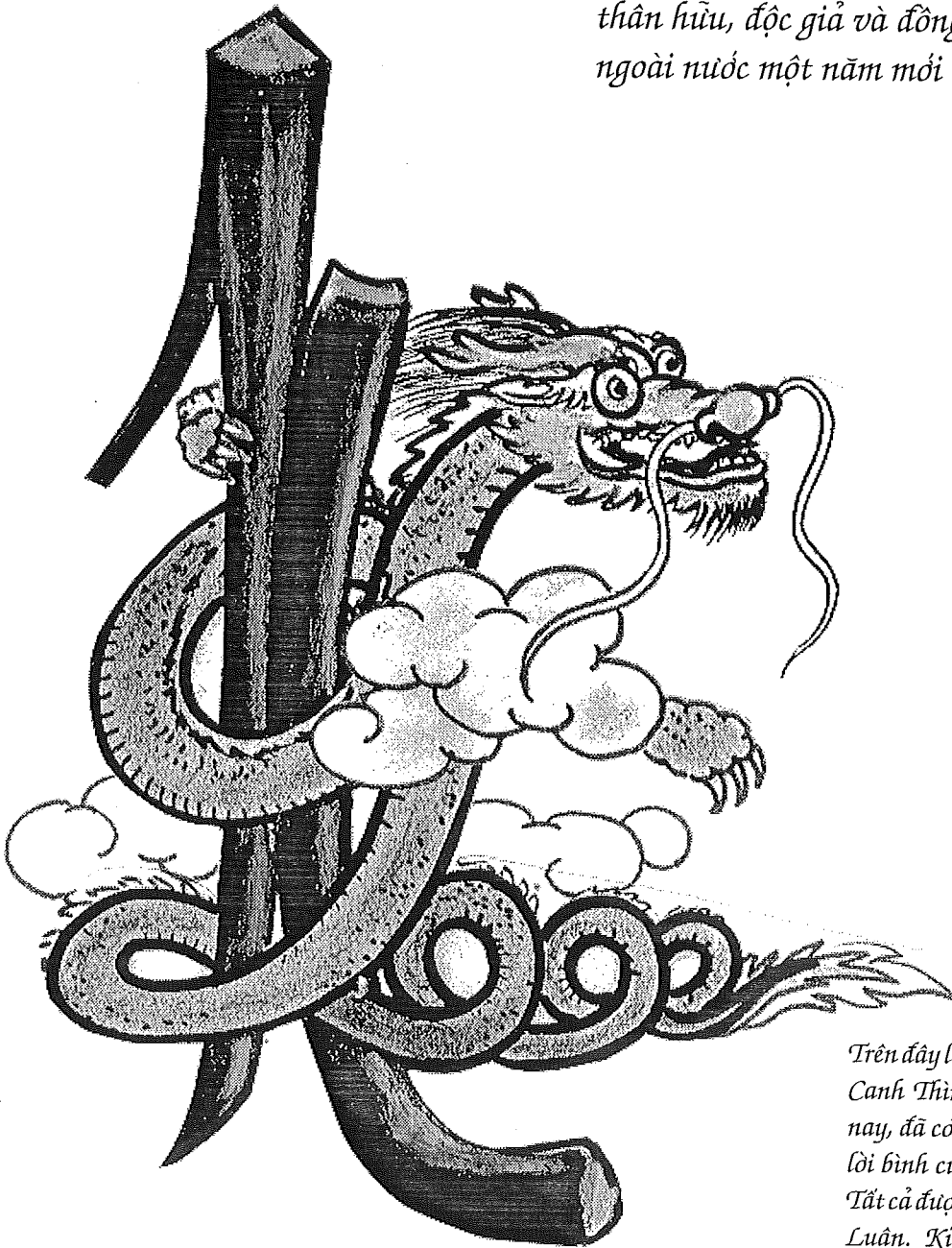


# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Ass. Viet Nam Fraternité, 37 rue du Clos de l'Erable, 77400 Saint Thibault des Vignes, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

*Trước thềm Tết Canh Thìn Thông Luận xin chúc thân hữu, độc giả và đồng bào trong cũng như ngoài nước một năm mới an khang, hạnh phúc.*



*Trời  
đã  
sang  
Canh,  
đừng  
vị  
Kỷ*

*Trên đây là câu thách đố nhân dịp Tết Canh Thìn của Hà Sĩ Phu. Cho đến nay, đã có gần 50 câu đố lại cùng các lời bình của nhiều độc giả, thân hữu. Tất cả được đăng trên Web Site Thông Luận. Kính mời quý vị tham gia đố lại hoặc vào đọc các câu đố ở địa chỉ:  
<http://www.thongluan.org>*

## Những sắp xếp nhân sự không gây được sự chú ý

Hành động quan trọng đầu tiên trong năm 2000 của đảng cộng sản đã là những sắp xếp lại nhân sự ở mức độ cao của đảng và nhà nước.

Ông Trương Tấn Sang, ủy viên bộ chính trị, bí thư thành ủy Sài Gòn, sẽ ra Hà Nội nhận chức trưởng ban kinh tế trung ương đảng và có khả năng sẽ kiêm nhiệm chức vụ phó thủ tướng đặc trách công nghiệp đang bỏ trống sau khi ông Ngô Xuân Lộc bị cách chức.

Ông Nguyễn Minh Triết, ủy viên bộ chính trị, thôi chức vụ trưởng ban dân vận để làm bí thư thành ủy Sài Gòn thay ông Trương Tấn Sang.

Ông Phan Diễn, ủy viên bộ chính trị, cựu trưởng ban kinh tế trung ương đảng, sẽ là bí thư tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng thay ông Trương Quang Được.

Ông Trương Quang Được trở thành trưởng ban dân vận trung ương thay ông Nguyễn Minh Triết.

Về phía chính phủ, ông Nguyễn Di Niên thay thế ông Nguyễn Mạnh Cầm làm bộ trưởng ngoại giao. Ông Vũ Khoan, thứ trưởng ngoại giao sẽ trở thành bộ trưởng thương mại thay ông Trương Đình Tuyển trở thành bí thư tỉnh Nghệ An.

Những thay đổi ở cấp cao như vậy và ở ngay đầu thế kỷ đáng lẽ phải lôi kéo được một sự chú ý lớn, nhưng trên thực tế chúng đã chỉ gặp một lãnh đạm tuyệt đối của mọi người, quần chúng Việt Nam cũng như giới quan sát quốc tế và các nhà đầu tư. Lại thêm một nhát kiếm chém vào nước.

Lý do đầu tiên là những thay đổi đã diễn ra như một sự mất chức của những người không làm tròn phận sự. Ông Trương Tấn Sang rời chức bí thư thành ủy Sài Gòn là rất đúng. Trong hơn bốn năm đứng đầu thành phố, sau nhiều năm làm chủ tịch ủy ban nhân dân, ông đã để thành phố dần dần ngạt thở vì bụi bặm, hôi thối, bế tắc giao thông, xây cất bừa bãi. Sài Gòn là cả một thảm kịch về

thiết kế đô thị. Chưa kể là các tệ đoan xã hội, trộm cắp, mại dâm, nghiện hút gia tăng nhanh chóng. Đã thế, ông cũng không có sáng kiến đặc biệt nào để ngăn chặn được sự sút giảm của đầu tư. Đáng lẽ ông phải ra đi từ lâu như một người bất lực. Ông Nguyễn Minh Triết từ gần hai năm nay làm trưởng ban dân vận đã không đưa ra một ý kiến nào có khả năng động viên dân chúng. Vẫn những khẩu hiệu nhảm chán "chủ nghĩa Mác-Lênin", "tư tưởng Hồ Chí Minh", tự phê bình và phê bình. Đóng góp quan trọng nhất của ông Triết là đã biết giữ im lặng trong suốt thời gian qua. Ông Phan Diễn trong chức vụ trưởng ban kinh tế đã không đưa ra được một chính sách nào trong một giai đoạn kinh tế bế tắc toàn diện. Ông không hề có tiếng nói, có lẽ vì ông không có ý kiến nào, trong hai vấn đề quan trọng là hiệp ước thương mại Việt-Mỹ và cải tổ hệ thống ngân hàng. Ông Trương Quang Được đáng lẽ phải bị chế tài nghiêm khắc sau vụ lù lục miền Trung. Trong nhiều năm trách nhiệm tại Quảng Nam - Đà Nẵng ông đã không ngăn chặn được việc phá hủy cây rừng, nguyên nhân của lũ lụt, và cũng không tổ chức nổi công tác cứu trợ.

Về phía chính phủ, ông Nguyễn Mạnh Cầm đã vắng mặt từ nhiều tháng qua sau khi đã chứng tỏ một sự kém cỏi rõ rệt. Việt Nam hầu như không còn hoạt động ngoại giao nữa. Riêng ông Trương Đình Tuyển, ông đã bị hy sinh như một con dê tế thần vì sự trục trặc trong việc ký kết hiệp ước thương mại Việt-Mỹ mặc dầu ông không có trách nhiệm nào.

Tóm lại, những sắp xếp nhân sự trên đây đã chỉ là sự hoán chuyển những cấp trách nhiệm bất lực từ chức vụ này sang chức vụ khác. Không có những khuôn mặt mới và cũng không có những sáng kiến mới. Một lần nữa đảng cộng sản phơi bày sự kiệt quệ về nhân lực. Họ chỉ

còn những con người tầm thường về khả năng và mờ nhạt về cá tính.

Quần chúng Việt Nam cũng như các quan sát viên quốc tế không chờ đợi gì ở các cấp lãnh đạo cộng sản. Điều duy nhất có thể gây được sự chú ý là một thay đổi về đường lối và chính sách. Khi chính sách và đường lối vẫn như cũ thì sự thờ ơ chỉ là một lẽ dĩ nhiên.

Đối với những người thật quan tâm theo dõi những tình hình Việt Nam, điều đáng chú ý là khuôn khổ của những sắp xếp nhân sự này. Tại sao các biện pháp này đã không được quyết định trong hội nghị 8 của trung ương đảng vừa mới kết thúc hơn một tháng trước? Như vậy thì trên nguyên tắc ban chấp hành trung ương cũng không còn là cơ quan quyền lực tối cao của đảng nữa. Ai cũng biết phần lớn quyết định đều do bộ chính trị, nhưng cho tới nay ít nhất đảng cộng sản còn giữ thể diện, để cho ban chấp hành trung ương thông qua những thay đổi quan trọng. Phải hiểu là sự phân hóa nội bộ đã đến một mức độ mà người ta không còn cảm thấy cần giữ những nghi thức bề ngoài nữa. Sự phân hóa và tề liệt của ban chấp hành trung ương đã từng được phơi bày qua một sự kiện ngược đời: trung ương đảng đề nghị quốc hội cách chức ông Ngô Xuân Lộc khỏi chính phủ nhưng lại không loại bỏ ông Ngô Xuân Lộc khỏi chính trung ương đảng.

Sự rệu rạo của ban chấp hành trung ương đã quá rõ rệt từ hai năm qua. Cả bốn hội nghị 6a, 6b, 7 và 8 đã không lấy được một quyết định nào. Các phe phái chống đối nhau mà không triệt hạ được nhau đã làm cho nó hoàn toàn tề liệt. Nhưng sự loại bỏ trên thực tế của ban chấp hành trung ương đã chỉ là sự co cụm về một bộ chính trị cô lập, với toàn bộ 19 nhân vật vừa không uy tín vừa không gắn bó. Và chính bộ chính trị cũng đã tự lộ bịch hóa khi hai ông cố vấn

già nua, trong đó một ông già đã từng mắc bệnh tâm thần, có thể ngăn cản việc ký kết hiệp ước thương mại Việt-Mỹ. Ai đang cầm vận mạng đất nước là câu hỏi lớn hiện nay. Có lẽ không ai cả. Sự sắp xếp nhân sự vừa qua là một bằng chứng: nó chỉ là sự di chuyển vô thường vô phạt các nhân vật từ một địa vị này sang một địa vị khác. Các quyết định này không những không có tác dụng nào trên sinh hoạt xã hội mà cũng không có ảnh hưởng nào trên một bộ máy đảng không còn điều động được nữa vì tính ý của nó.

Tóm lại Việt Nam ngày nay không khác gì một con tàu không người lái, trôi giạt không biết về đâu với một đoàn thủy thủ vừa không điều khiển được tàu vừa không đoàn kết với nhau nhưng vẫn tiếp tục khổng chế hành khách.

Tình trạng tòi tệ này kéo dài vào giữa lúc mà xu hướng toàn cầu hóa đang làm thế giới thay đổi từng ngày và đặt mọi dân tộc trước những chọn lựa cơ bản. Không tuần nào không có những sát nhập lớn giữa các công ty, tạo ra những tổ hợp mới mà trọng lượng lớn hơn gấp nhiều lần những quốc gia chưa phát triển, quá lớn để có thể chỉ là những thế lực thuần túy kinh tế. Các thế lực kinh tế áp đảo đang xuất hiện nhanh chóng, trong khi một trật tự chính trị và văn hóa cho thế giới chưa có dấu hiệu thành hình. Thương mại quốc tế, phần chính của những trao đổi trên thế giới, đang được qui luật hóa theo ý muốn của những quốc gia phát triển và, trong những quốc gia phát triển, theo ý muốn của những thế lực tư bản lớn. Sự bành trướng mau chóng của các phương tiện giao thông và truyền thông đã khiến nhiều biên giới quốc gia chỉ còn giá trị tượng trưng. Những biến cố tại Kosovo và Đông Timor cũng chứng tỏ quan niệm chủ quyền quốc gia đang bị xét lại.

Tất cả những gì đang xảy ra không phải là xấu, trái lại, trong toàn bộ thế giới đang biến chuyển theo chiều hướng tốt, nhưng giai đoạn chuyển hóa này đòi hỏi mọi quốc gia và mọi dân tộc một sự sáng suốt và tỉnh táo cao độ, nếu không muốn bị bỏ lại bên lề đường.

Chúng ta đang bị bỏ lại bên lề đường trong khi phần lớn các dân tộc đang tiến

về tương lai. Các nước Châu Á trừ trường hợp đặc biệt của Indonesia đã khắc phục xong các hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính mùa hè 1997. Họ đang phát triển trở lại và lần này họ phát triển một cách lành mạnh, họ sẽ không còn phải lo sợ một sự gãy đổ nửa đường nữa. Sự tụt hậu của chúng ta so với thế giới và nhất là so với các nước trong vùng đã rất lớn, nhưng sẽ còn lớn hơn nữa trong những năm sắp tới vì chúng ta chưa giải tỏa được một bế tắc nào cả, kể cả và nhất là bế tắc trong quan hệ giữa nhân dân và chính quyền.

Đĩ nhiên chúng ta cần một chính quyền mạnh để giải quyết mau chóng những vấn đề đối nội và đối ngoại chông chắt từ nhiều thập niên. Nhưng một chính quyền mạnh không phải là một chính quyền có nhiều công an, nhà tù và kiểm duyệt. Trái lại đó là một chính quyền được người dân chấp nhận và hỗ trợ. Đó chỉ có thể là một chính quyền do dân chúng chọn lựa qua những cuộc bầu cử tự do. Không một người Việt Nam yêu nước và có trách nhiệm nào lại không nhìn nhận rằng tiến trình dân chủ hóa có nhiều khó khăn và do đó chúng ta rất cần tới đối thoại trong tinh thần xây dựng và hòa giải để tìm một lộ trình hợp tình hợp lý, chấp nhận được cho mọi người. Nhưng cũng không người Việt Nam nào có thể phủ nhận dân chủ hóa là giải pháp bắt buộc để đưa đất nước ra khỏi bế tắc.

Thái độ ngoan cố ôm chặt lấy một chế độ độc tài đảng trị đã mất hết sự kính trọng của người dân, và cũng đã mất hết cả nội dung và sức sống, của ban lãnh đạo cộng sản hiện nay là một sự mù quáng tai hại cho chính họ. Họ đang làm thất vọng mọi người và đang tích lũy những phần nợ. Những "thay đổi" như những sắp xếp nhân sự vừa qua chẳng còn làm ai để ý. Hy vọng rằng ít nhất chúng cũng đóng góp để những cán bộ và đảng viên cộng sản sáng suốt nhận ra những gì không phải là giải đáp và từ đó nhận ra đâu là giải đáp thực sự cho tình trạng bế tắc hiện nay. Để từ đó đứng lên cứu nước, cứu mình và cứu cả sinh mạng chính trị của đảng mình.

**Thông Luận**

## Những câu đối Tết Canh Thìn (KỶ mao sang CANH Thìn)

*Câu đối 1:*

Tết đã khép hai mươi thế KỶ,  
dựng Nêu cao cho Quý kế lùi xa !  
Xuân còn mong một cuộc tân  
CANH,  
khai Bút thép mừng Nhân  
quyền tiến tới !

*Câu đối 2:*

Nhân loại khép hai mươi thế  
KỶ,  
mỏi Nụ xuân cùng thắp sáng  
Nhân quyền,  
thời Tin học: Địa cầu thu nhỏ  
lại !  
Nước nhà mong một cuộc tân  
CANH,  
ngàn Nêu tết cùng đẩy lùi Quý  
kế,  
buổi Thị trường: Nhân trí mở  
mang ra!

*Câu đối 3:*

Hòa nhập chẳng hòa tan ý chí:  
giữ tự do, giữ độc lập tư duy,  
đem Trí tuệ đón thiên niên KỶ  
mới !

Đổi mới không đổi màu dân  
tộc:

hãy trung thực, hãy khoan hòa  
ứng xử,  
mở Tâm lòng chào một cuộc  
CANH tân !

*Câu đối 4: (dán trước Ở Quốc  
nạn):*

MÈO trắng mèo đen già hóa  
CÁO,  
CÁO trạng còn ghi !  
RỒNG vàng rồng bạc khoải lên  
TIÊN,  
TIÊN nàu thì khổ !

**Hà Sĩ Phu**

## Cuộc chiến thắng của nền kinh tế mới

Nền kinh tế của Tây phương bước vào thiên niên kỷ thứ ba bằng một cuộc thay đổi thời đại. Nó tiến từ thời đại cơ khí và nguyên liệu sang thời đại điện tử, truyền thông và thông tin, nghĩa là internet.

Kỷ nguyên mới này đã được rầm rộ đánh dấu bằng cuộc kết hợp giữa công ty dịch vụ Internet lớn nhất thế giới, American On Line (AOL), và số một của thế giới truyền thông, Time Warner, vào ngày 10/01/2000, để trở thành một công ty mới với tên là AOL-Time Warner. Cuộc kết hợp này được thực hiện bằng một cuộc trao đổi cổ phần trị giá 280 tỷ USD, được đánh giá là một cuộc nghiệp vụ lớn nhất trong lịch sử thị trường chứng khoán.

Cuộc kết hợp này đánh dấu một chiến thắng của nền kinh tế mới dựa trên internet. Tại Hoa Kỳ, các hoạt động của nó có một trọng lượng lớn hơn cả khu vực truyền thông và vận tải. Chữ mới ở đây có tất cả ý nghĩa của nó: các công ty của nền kinh tế này rất trẻ, trước 1996, chỉ có hai trên ba công ty hoạt động.

Tham vọng của Steve Case, chủ tịch của AOL và là tân chủ tịch của công ty mới AOL-Time Warner, là đem internet vào trung tâm đời sống con người, y hệt như điện thoại và truyền hình. Nó sẽ thay đổi tận gốc rễ phương cách tìm kiếm tin tức cũng như truyền thông của con người.

Về mặt chiến thuật, cuộc kết hợp này sẽ giúp cho mỗi công ty có thể bỏ túi các thiếu sót của mình. Trước hết Time Warner có một tổng mục chương trình xi nê ma với 5700 phim rất thành công như Matrix, Wild Wild West, Austin Powers, với hai hãng sản xuất phim nổi tiếng Warner Bros và New Line Cinema. Time Warner còn nắm trong tay nhiều chương trình truyền hình hấp dẫn ăn khách như Urgences, Friends, và nhiều chương trình hoạt họa rất phổ biến như Bugs Bunny, Daffy Duck. Ngoài ra, Time Warner còn là chủ nhân ông của các đài truyền hình như Home Box Office (HBO, phim), CNN (tin tức liên tục) .... Sự kết hợp với AOL cho phép Time Warner dùng mạng lưới internet để đem các chương trình xi nê ma, truyền hình... này đến 22 triệu

khách hàng bao thuê của AOL. Mặt khác, với 13 triệu gia đình khách hàng của hệ thống điện tuyến của Time Warner, AOL-Time Warner có thể khai trương một tổng hợp của tất cả các loại truyền thông: điện thoại, hệ thống internet, tuyến tin tức, xi nê ma, buôn bán bằng internet .... và chuyển vận chúng qua một điện tuyến độc nhất.

AOL với doanh số và nhân viên bằng 1/5 của Time Warner, đã nuốt Time Warner bởi vì tiền lời của nó gấp năm lần Time Warner và trị giá tư bản trên thị trường chứng khoán gấp hai lần Time Warner. Điều này đã nói lên sự lớn mạnh của các hãng xưởng của nền tân thương mại đối với các hãng xưởng cổ truyền.

Một bằng chứng khác của sự lớn mạnh này đã được tờ Business Week chuyên về kinh tế đưa ra, khi công bố kết quả cuộc thăm dò ý kiến của 150 kỹ giả về 25 nhà lãnh đạo các hãng xưởng đã có những thành tích đáng kể vào năm 1999. Khu vực thuộc về tân kinh tế đã chiếm giải quán quân, đứng hàng đầu là các công ty internet, siêu kỹ thuật truyền thông, thông tin và buôn bán bằng điện tử. Trong số đó phải kể Steve Case của AOL, Timothy A. Koogle của Yahoo!, của vào internet lớn nhất thế giới, Steve Job, cứu tinh của hãng hình trái táo (Apple). Ngoài ra, những tiến triển của nền tân kinh tế lại là chủ đề của cuộc họp hàng năm tại Davos (Thụy Sĩ) quy tụ các nhà chỉ huy kinh tế thế giới cũng như chủ tịch các công ty lớn.

Những nước chậm tiến, như Việt Nam, sẽ có vị trí như thế nào trước những thành công của nền tân kinh tế? Để phát triển con đường cổ điển là xuất khẩu các hàng hóa mà các nước tiền tiến tây phương không muốn sản xuất vì lợi nhuận kém và phải cần dùng nhiều nhân công quá đắt đỏ. Nhưng các thị trường này đã bị Trung Quốc, Ấn Độ... chiếm giữ.

Nền tân kinh tế có thể mở một sinh lộ cho các nước này, với một số điều kiện. Điều kiện trước nhất là thanh niên sinh viên phải có có năng khiếu về toán học. Điều kiện thứ hai là các nhà lãnh đạo phải sáng suốt có viễn kiến biết đầu tư đúng

lúc vào khu vực này. Đó là trường hợp của Ấn Độ. Nước này, từ khi độc lập dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Nehru đã đào tạo một đội ngũ chuyên viên các ngành siêu kỹ thuật (high-tech). Họ đã đáp ứng nhu cầu rất lớn về chuyên viên siêu kỹ thuật của Hoa Kỳ. Tại Palo Alto, kiều dân Ấn độ sinh sống về ngành siêu kỹ thuật ở đây đông đến nỗi đã sinh ra câu nói đùa đầy ý nghĩa và mỉa mai: "Nếu cuộc canh tân kỹ thuật có mùi, thì đó là mùi cà ri". Từ 1995 đến 1998, một chuyên gia khảo cứu về nền văn hóa Silicon Valley đã đánh giá là 10% các hãng mới mở trong ngành siêu kỹ thuật (thuật ngữ tiếng Anh gọi là start-up) đã do người gốc Ấn độ làm chủ. Một thành công của dân Mỹ gốc Ấn Độ điển hình là trường hợp Arun Netravali, được đào tạo tại một trường đại học về siêu kỹ thuật do Nehru sáng lập, đã trở thành chủ tịch hãng Bell Labs nổi tiếng tại New Jersey.

Thanh niên và sinh viên Việt Nam có năng khiếu về toán học. Nhưng các lãnh đạo Việt Nam đã không có viễn kiến như Nehru. Chỉ cần xem xét các con số về internet tại Việt Nam thì có thể có một ý niệm rõ ràng về sự thiếu sót này. Tại Việt Nam vào năm 1999 có 38000 người bao thuê internet, gấp hai lần vào năm 1998, năm dịch vụ internet được phép hoạt động. Các tiệm cà phê-internet được thiết lập tại các thành phố có nhiều khách du lịch như Hà Nội, Sài Gòn (quy tụ tại đường Đề Thám), Huế, Hội An, Nha Trang và ngay cả tại một vài đảo trong vịnh Hạ Long. Người sử dụng internet tại các tiệm cà phê này một nửa là khách du lịch ngoại quốc. Việc dùng internet tại các tiệm cà phê quá đắt: một phút nói giá từ 300 đến 500 đồng, tương đương với 0.2 đến 0.3 USD. Một tháng bao thuê internet giá 3.6USD. Giá biểu 10 giờ dùng internet vào khoảng 300000 đồng, trong khi lương lao động là 200000 đồng. Có năm công ty cung cấp dịch vụ internet, trong đó có một công ty của quân đội. Bộ Kế hoạch và Đầu tư mở một mạng lưới song ngữ để lôi kéo đầu tư ngoại quốc.

Cuộc đầu tư vào nền tân kinh tế là một công trình dài hạn. Vấn chưa muộn, nếu Việt Nam biết khai thông hoạt động internet để thanh niên, sinh viên làm quen với dụng cụ này của nền tân kinh tế. Trong tương lai, họ có thể mở ra một lối thoát cho Việt Nam.

Huỳnh Hùng



# Một thế giới quá cách biệt

Nguyễn Phi Phụng

## Giới thiệu

Từ trước đến nay khi nói tới năm châu, mậu dịch thế giới hay các hiệp hội như Diễn Đàn Hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC), Liên Hiệp Âu Châu (EU), Hiệp Ước Bang Giao Tự Do Bắc Mỹ (NAFTA), Hiệp Hội Đông Nam Á (ASEAN) v.v..., ít người biết rõ chính xác diện tích, nhân mãn, trọng lượng cũng như bình quân thu nhập của mỗi khối nói trên.

Nhân dịp nhật báo Le Monde vừa xuất bản tập Bilan du monde, édition 2000, người viết bài này dùng tư liệu trích từ tập Bilan nói trên để sắp xếp lại hầu cống hiến độc giả khi bước vào năm Canh Thìn 2000.

## Lời bình luận

Thế giới ngày nay vừa đa nguyên, đa cực, đa hình, đa dạng, đa biệt v.v... Đó là điều hiển nhiên thậm chí là điều tốt. Người ta khó tưởng tượng một thế giới đồng nhất, cùng khuôn mẫu, cùng tín ngưỡng, cùng chủng tộc v.v... Mô hình "XHCH" đã thất bại vì muốn đặt để một khuôn mẫu đồng nhất khắp nơi trên thế giới. Nhưng đa biệt về lợi nhuận, về tài nguyên, về văn hóa kỹ thuật giữa cùng xứ, cùng khối và giữa các lục địa mỗi ngày càng nói rộng là điều làm chúng ta đáng lo ngại cho tương lai thế giới. Dân tộc châu Phi có lẽ là dân tộc bất hạnh nhất. Thu nhập bình quân đầu người trong 14 năm chỉ tăng 2,6% từ 1984 đến 1998. Trong khi đó, thu nhập đầu người của Liên hiệp Âu Châu tăng 2,6 lần (từ 8.500 USD lên 21.950 USD), người Mỹ gần hai lần (từ 15.490 USD lên 29.068 USD).

## Bảng I:

Nhìn thoáng qua, diện tích Âu Châu và Mỹ Châu chiếm 50% diện tích thế giới, Phi Châu-Cận Đông, Á Châu và Úc Châu chiếm số còn lại. Trái lại, hai khối đầu chiếm 70% tài nguyên thế giới

nhưng chỉ có 1/3 về dân số thế giới. Đất rộng người thưa có thể là một trong những lý do để giải thích sự thu nhập cao nhưng không phải là quyết định. Nếu bình quân tỷ lệ tổng thu nhập trên dân số là 4,5 thì tỷ lệ này là 12,9 ở Mỹ Châu, 8 ở Âu Châu, 15,5 ở Úc Châu, 2,1 ở Á Châu, 0,8 ở Phi Châu-Cận Đông (0,6 ở Phi Châu). Bình quân thu nhập của người Mỹ Châu cao 23 lần hơn người Phi Châu và 6 lần hơn người Á Châu. Sự sai biệt quá nhiều về thu nhập giữa các lục địa làm tình trạng xã hội thế giới mất ổn định. Nếu sự phân phối tài nguyên được đồng đều thì người Phi Châu và người Á Châu đã không phải mạo hiểm sống chết để tìm cuộc sống tương đối khả quan hơn ở các xứ có thu nhập cao.

## Bảng II:

Âu Châu có 48 nước trong đó Bắc Âu có 14 nước, Đông Âu 5 nước, Nam Âu 14 nước và cuối cùng khối Liên Xô cũ với 15 nước. Bình quân thu nhập của người Bắc Âu là 25.000 USD. Bốn xứ có thu nhập vượt ngoài 30.000 USD theo thứ tự là: Lục Xâm Bảo (46.250 USD), Thụy Sĩ (39.550 USD), Na Uy (33.800 USD), Đan Mạch (33.260 USD). Nước Pháp chỉ đứng vào hạng trung bình với 24.800 USD, nước "bết" nhất trong khối này là Ai Nhĩ Lan với 18.200 USD.

Các xứ Nam Âu có bình quân thu nhập là 10.000 USD nhưng các xứ theo chế độ "XHCH" trước đây vẫn còn lặn dạn trên dưới 1.000 USD như An-Ba-Ni, Ma-Xê-Đoan (Macédoine), Nam Tư. Trong nhóm này, Ý Đại Lợi có thu nhập cao nhất với ngoài 20.000 USD.

Riêng về khối Đông Âu và Liên Xô cũ, bình quân thu nhập đầu người còn quá kém xa các nước Bắc Âu và Nam Âu. Nếu 5 xứ Đông Âu (Ba Lan, Hung, Lô, Tiệp, Slovaquie) có thu nhập 3.440 USD thì khối Liên Xô cũ chỉ có 1.650 USD trong đó nhiều xứ có không quá 500 USD như Moldavia (420 USD),

Tadjikistan (340 USD), Turkmékistan (350 USD), Armenia (470 USD) v.v...

## Bảng III:

Ngoài Úc Châu ra, Mỹ Châu với 29 nước là lục địa được thiên nhiên ưu đãi. Diện tích chiếm 30% diện tích thế giới nhưng chỉ có 13% dân số cư trú trong khi GDP chiếm 37% tài nguyên thế giới. Bình quân thu nhập người Châu Mỹ cao 23 lần người Phi Châu, 6 lần người Á Châu và 1,6 lần người Âu Châu. Người Bắc Mỹ lại có thu nhập 3 lần hơn bình quân thu nhập của khối này với 28.000 USD. Tuy vậy, cũng còn nhiều nước có thu nhập kém như Haiti (410 USD), Guyana (770 USD), Honduras (730 USD), Bolivie (1.000 USD), Cuba (1.400 USD) v.v...

## Bảng IV:

Phi Châu và Cận Đông hợp thành một khối có nhiều xứ nhất trên thế giới với  $52 + 14 = 66$  xứ mặc dù dân số chỉ chiếm 15% dân số trên thế giới. Phi Châu đứng một mình chỉ có thu nhập 565 USD về đầu người kể cả Nam Phi (2.800 USD) và 5 xứ Bắc Phi (1.400 USD). Bình quân thu nhập đã yếu kém nhưng nhiều nước không vượt 350 USD như Mô Dăm Bích (90 USD), Ethiopia (100 USD), Burundi (140 USD), Mã Đảo (260 USD) v.v... Cận Đông có thu nhập cao hơn Phi Châu nhờ có tài nguyên về dầu hỏa. Bình quân thu nhập của các xứ này là 1.635 USD trong đó Do Thái có thu nhập bình quân 15.600 USD. Bình quân thu nhập người Phi Châu và Cận Đông kém 15 lần người Mỹ Châu, 9,4 lần người Âu Châu, 2,5 người Á Châu.

## Bảng V:

Á Châu với 24 nước chiếm hơn phân nửa dân số thế giới (53%) nhưng chỉ có một phần tư tài nguyên thế giới. Bình quân thu nhập đầu người là 2.090 USD. Hai xứ đông nhất trên giới là Trung Quốc (1.254 triệu) và Ấn Độ (987 triệu). Hai xứ này chiếm 67,3% dân số Á Châu nhưng chỉ có 19,4% về tài nguyên. Ba xứ có bình quân thu nhập cao nhất là Nhật (32.280 USD), Hương Cảng

(24.500 USD), Xinh Ga Bo (23.800 USD).

Khối ASEAN với 10 nước có bình quân thu nhập bằng phân nửa của bình quân Á Châu với 1.100 USD. Không những vậy mà có nhiều nước không quá 350 USD như ba xứ Đông Dương cũ và Miến Điện. Việt Nam khôn thay nằm trong các xứ bần cùng này! Không cần phải đi so sánh thu nhập đầu người với Nhật mà xứ ta còn thua kém 100 lần. Chỉ cần so sánh với các nước cùng trình độ sau đệ nhị thế chiến, xứ ta còn kém Đài Loan 36 lần, Nam Hàn 24 lần, Thái Lan 6,6 lần, Phi Luật Tân 3 lần, Nam Dương 2 lần (3 lần nếu Nam Dương không bị khủng hoảng kinh tế)

#### Bảng VI:

Úc Châu với 5 nước (Úc, Tân Tây Lan, Fidji, Papousie-Tân Guinée, Vanuatu) có bình quân thu nhập cao nhất với 15.500 USD. GDP của Úc Châu (440,4 tỷ USD) cao hơn GDP của Phi Châu (397 tỷ USD).

#### Kết luận

Qua những số thống kê vừa nói trên, một nhận xét cuối cùng là các xứ trong "XHCN" cũ và hiện còn có thu nhập thấp nhất dù bất cứ ở nơi nào trên thế giới. Điều này quá hiển nhiên, không có giải thích nào khác. Như vậy, sự lựa chọn một thể chế chính trị xã hội rất trọng yếu cho mỗi dân tộc.

Hai thí dụ về Trung Quốc-Đài Loan và Nam Bắc Triều Tiên. Mỗi cặp này đều cùng chủng tộc, cùng văn minh, cùng ngôn ngữ, cùng thông minh v.v... Nhưng khi lựa chọn chế độ chính trị khác nhau, sự phát triển lại "ngàn trùng xa cách". Thu nhập người Đài Loan 16 lần hơn thu nhập của người lục địa. Thu nhập của người Đại Hàn (Nam Triều Tiên) 13 lần hơn người Bắc Triều Tiên (16 lần cách đây 2 năm nếu Đại Hàn không bị khủng hoảng về kinh tế).

**Nguyễn Phi Phụng**

(xem phụ bản) ⇨

**Bảng I :**

| Thế giới                        | Diện tích (1000 km2) | %     | Dân số (triệu) | %     | GDP (tỷ USD) | %     | GDP (/đầu ng.USD) |
|---------------------------------|----------------------|-------|----------------|-------|--------------|-------|-------------------|
| 1. Âu Châu                      | 27.932               | 21,1  | 1.231,8        | 19,4  | 9.790,8      | 34,4  | 7.926,0           |
| 2. Mỹ Châu                      | 39.775               | 30,0  | 808,9          | 12,8  | 10.473,5     | 36,8  | 12.950,0          |
| 3. Phi Châu-Cận Đông (Phi Châu) | 35.055               | 26,4  | 935,4          | 14,8  | 784,1        | 2,7   | 838,0             |
| (Cận Đông)                      | 28.654               | --    | 703,0          |       | 404,2        |       | 575,0             |
| 4. Á Châu                       | 6.401                | --    | 232,4          |       | 379,9        |       | 1.635,0           |
| 5. Á Châu                       | 21.374               | 16,1  | 3.330,0        | 52,6  | 6.956,0      | 24,5  | 2.088,0           |
| 6. Úc Châu                      | 8.451                | 6,4   | 28,5           | 0,4   | 442,4        | 1,6   | 15.522,0          |
| Tổng Cộng                       | 132.587              | 100,0 | 6.334,6        | 100,0 | 28.447,0     | 100,0 | 4.490,0           |

**Bảng II :**

|              |        |      |         |      |         |      |          |
|--------------|--------|------|---------|------|---------|------|----------|
| 1. Âu Châu   | 27.932 | 21,1 | 1.231,8 | 19,4 | 9.790,8 | 34,4 | 7.926,0  |
| *L.H.A.C (1) | 2.971  |      | 374,2   |      | 8.214,0 |      | 21.950,0 |
| *Liên xô cũ  | 22.270 |      | 291,3   |      | 480,4   |      | 1.647,0  |
| *(Nga)       | 17.075 |      | 174,0   |      | 338,0   |      | 2.300,0  |
| *(Bắc Âu)    | 2.676  |      | 270,0   |      | 6.775,2 |      | 25.095,0 |
| *(Pháp)      | 549    |      | 59,1    |      | 1.466,2 |      | 24.808,0 |
| *(Đông Âu)   | 771    |      | 87,0    |      | 299,5   |      | 3.442,0  |
| *(Nam Âu)    | 2.216  |      | 219,4   |      | 2.225,1 |      | 10.140,0 |

**Bảng III :**

|                |        |      |       |      |          |      |          |
|----------------|--------|------|-------|------|----------|------|----------|
| 2. Mỹ Châu     | 39.775 | 30,0 | 808,9 | 12,8 | 10.455,3 | 36,8 | 12.925,0 |
| - Bắc Mỹ (2)   | 19.349 |      | 303,1 |      | 8.533,5  |      | 28.154,0 |
| * Hoa Kỳ       | 9.373  |      | 272,5 |      | 7.921,3  |      | 29.068,0 |
| * NAFTA (3)    | 21.322 |      | 402,8 |      | 8.914,4  |      | 22.130,0 |
| - Trung Nam Mỹ | 20.426 |      | 505,8 |      | 1.921,8  |      | 3.800,0  |
| * Mercosur (4) | 11.862 |      | 213,2 |      | 1.111,6  |      | 5.213,0  |

**Bảng IV :**

|                         |        |      |       |      |       |     |        |
|-------------------------|--------|------|-------|------|-------|-----|--------|
| 3. Phi Châu và Cận Đông | 35.055 | 26,4 | 935,4 | 14,8 | 784,1 | 2,7 | 838    |
| * Phi Châu              | 28.654 | 21,6 | 703,0 | 11,5 | 404,2 | 1,4 | 564    |
| * Nam Phi               | 1.221  |      | 42,6  |      | 119,0 |     | 2.830  |
| * Bắc Phi (5)           | 5.784  |      | 76,1  |      | 106,5 |     | 1.400  |
| * Cận Đông (6)          | 6.401  | 4,8  | 232,4 |      | 379,9 | 1,3 | 1.635  |
| * Do Thái               | 21     |      | 6,1   |      | 95,2  |     | 15.600 |
| * Ai Cập                | 1.000  |      | 66,9  |      | 79,2  |     | 2.828  |
| * Ba Tư                 | 1.648  |      | 66,2  |      | 109,2 |     | 1.660  |

**Bảng V**

|              |        |      |         |      |         |      |        |
|--------------|--------|------|---------|------|---------|------|--------|
| 4. Á Châu    | 21.374 | 16,1 | 3.330,0 | 52,6 | 6.956,0 | 24,5 | 2.089  |
| * ASEAN (7)  | 4.488  |      | 520,0   |      | 572,0   |      | 1.100  |
| * Việt-Nam   | 330    |      | 79,5    |      | 25,6    |      | 320    |
| * Ấn Độ      | 3.287  |      | 986,6   |      | 421,3   |      | 427    |
| * Trung Quốc | 9.571  |      | 1.254,0 |      | 929,0   |      | 740    |
| * Nhật       | 372    |      | 126,7   |      | 4.089,9 |      | 32.280 |
| * Đài Loan   | 36     |      | 22,0    |      | 262,3   |      | 11.920 |
| * Nam Hàn    | 98     |      | 46,9    |      | 369,9   |      | 7.887  |
| * Bắc Hàn    | 120    |      | 21,4    |      | 12,6    |      | 588    |
| * Hồng Kông  | 1,1    |      | 6,5     |      | 159,0   |      | 24.460 |

**Bảng VI :**

|              |       |     |      |     |       |     |        |
|--------------|-------|-----|------|-----|-------|-----|--------|
| 5. Úc Châu   | 8.450 | 6,4 | 28,5 | 0,4 | 442,4 | 1,6 | 15.552 |
| *Úc          | 7.687 |     | 19,0 |     | 380,6 |     | 20.030 |
| *Tân Tây Lan | 469   |     | 3,8  |     | 55,8  |     | 14.684 |

**Bảng VII :**

|                 |        |  |         |  |          |  |        |
|-----------------|--------|--|---------|--|----------|--|--------|
| - Khối APEC (8) | 62.230 |  | 2.530,0 |  | 16.170,0 |  | 6.400  |
| .Mỹ Châu        | 23.364 |  | 444,4   |  | 9.047,0  |  | 20.357 |
| .Châu Âu        | 17.075 |  | 147,0   |  | 338,0    |  | 2.300  |
| .Châu Á         | 13.464 |  | 1.910,0 |  | 6.368,0  |  | 3.330  |
| .(K.T.H)(9)     | 9.608  |  | 1.286,0 |  | 1.445,0  |  | 1.120  |
| .Châu Úc        | 8.418  |  | 27,5    |  | 440,5    |  | 16.018 |
| - ASEM(10)      | 7.460  |  | 894,0   |  | 8.786,0  |  | 9.826  |
| - LHAC (11)     | 2.971  |  | 374,2   |  | 8.214,0  |  | 21.950 |
| - Mercosur (12) | 11.862 |  | 213,2   |  | 1.112,0  |  | 5.213  |
| - ASEAN (13)    | 4.488  |  | 520,0   |  | 572,0    |  | 1.100  |
| -NAFTA (14)     | 21.322 |  | 402,8   |  | 8.914,0  |  | 22.130 |

**Bảng VIII :****A-Mậu dịch thế giới năm 1998 (bằng tỷ USD)**

| Thế giới                | Xuất cảng      | %          | Nhập cảng      | %          | Tổng cộng       | Cán cân         |
|-------------------------|----------------|------------|----------------|------------|-----------------|-----------------|
| 1. Âu Châu              | 2.335,0        | 44,7       | 2.358,0        | 43,5       | 4.993,0         | - 0,23          |
| 2. Á Châu               | 1.290,6        | 24,7       | 1.087,4        | 20,1       | 2.378,0         | + 203,20        |
| 3. Bắc Mỹ               | 893,5          | 17,1       | 1.152,2        | 21,3       | 2.045,7         | - 258,70        |
| 4. Mỹ La-Tinh           | 276,9          | 5,3        | 340,8          | 6,3        | 617,7           | - 63,90         |
| 5. Những xứ chuyển tiếp | 177,7          | 3,4        | 214,7          | 3,8        | 392,4           | - 37,00         |
| 6. Trung Đông           | 141,1          | 2,7        | 135,2          | 2,5        | 276,3           | + 5,90          |
| 7. Phi Châu             | 109,7          | 2,1        | 129,8          | 2,4        | 239,5           | - 20,10         |
| <b>Tổng cộng</b>        | <b>5.224,5</b> | <b>100</b> | <b>5.418,1</b> | <b>100</b> | <b>10.635,0</b> | <b>- 185,00</b> |

Nguồn tin: *Le Monde* ngày 23.11.1999**B-Mười nước quan trọng trong mậu dịch thế giới (năm 1998)**

| Tên nước       | Xuất (tỷ USD) | Tên nước      | Nhập (tỷ USD) |
|----------------|---------------|---------------|---------------|
| 1. LHAC (1)    | 813,8         | 1. Hoa kỳ     | 944,6         |
| 2. Hoa kỳ      | 683,0         | 2. LHAC       | 801,4         |
| 3. Nhật        | 388,0         | 3. Nhật       | 280,5         |
| 4. Gia Nã Đại  | 214,3         | 4. Gia Nã Đại | 205,0         |
| 5. Trung Quốc  | 183,8         | 5. Hồng Kông  | 188,7         |
| 6. Hồng Kông   | 174,1         | 6. Trung Quốc | 140,2         |
| 7. Nam Hàn     | 133,2         | 7. Mê Hi Cô   | 128,9         |
| 8. Mê Hi Cô    | 117,5         | 8. Đài Loan   | 104,2         |
| 9. Đài Loan    | 109,9         | 9. Xinh Ga Bo | 101,5         |
| 10. Xinh Ga Bo | 109,8         | 10. Nam Hàn   | 93,3          |

(1) Liên Hiệp Âu Châu

Nguồn tin: *Les Echos* ngày 6-12-1999**Chú thích:**

Nguồn tư liệu trích từ *Bilan du Monde*, Edition 2000, của Nhật báo *Le Monde*. Sự xếp đặt các khối do tác giả làm lấy.

- (1) Liên Hiệp Âu Châu (L.H.A.C) gồm có 15 quốc gia : Anh, Pháp, Đức, Áo, Ý, Bỉ, Hòa Lan, Lục Xâm Bảo, Đan Mạch, Thụy Điển, Phần Lan, Ái Nhĩ Lan, Hy Lạp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.
- (2) Bắc Mỹ gồm có Hoa Kỳ và Gia Nã Đại.
- (3) NAFTA (Hiệp Ước Bang Giao Tự Do Bắc Mỹ) gồm Bắc Mỹ và Mêhico.
- (4) MERCOSUR (Thị trường chung Nam Mỹ) gồm có: Brazil, Ác Hen Ti Na, Uruguay, Paraguay.
- (5) Bắc Phi có 5 nước : An Giê Ri a, Ma Rốc, Tu Ni Xia, Mô Ri Ta Nia, Li Bi.
- (6) Cận Đông có 14 nước: Ả Rập Xê Ao, Đit, Bahrein, Ai Cập, I Rắc, Ba Tư, Do Thái, Gióc Đa Ni, Kô Oét, Li Băng, Ô Man, Ka Ta, Xi Ri, Dê Men, Ê Mi Ra Ả Rập Thống nhất.
- (7) ASEAN có 10 nước : Nam Dương, Phi Luật Tân, Mã Lai, Xinh Ga Bo, Brunei, Thái Lan, Việt Nam, Cam Bốt, Lào, Miến Điện.
- (8) APEC (Diễn Đàn Hợp Tác Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương) gồm có 21 nước trong đó có 5 nước Châu Mỹ (Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Mê Hi Cô, Pe Ru, Chi Lê), một nước Châu Âu (Nga), 7 nước thuộc ASEAN (Brunei, Nam Dương, Mã Lai, Phi Luật Tân, Xinh Ga Bo, Thái Lan, Việt Nam), 5 nước khác (Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Nhật, Nam Hàn) và 3 nước Châu Úc (Úc, Tân Tây Lan, Pa Pu Xie Tân Guinée).
- (9) Khối Trung Hoa gồm có 4 nước sau: Trung Quốc, Đài Loan, Hong Kong, Xinh Ga Bo.
- (10) ASEM gồm có 28 nước : 15 nước Liên Hiệp Âu Châu, 10 nước ASEAN thêm Trung Quốc, Nhật, Nam Hàn.
- (11) Xem chú thích (1)
- (12) Xem chú thích (4)
- (13) Xem chú thích (7)
- (14) Xem chú thích (3)

# Tổng kết kinh tế Việt Nam năm 1999 và dự báo cho năm 2000

Nguyễn Ngọc Hiệp

Tại hội nghị tư vấn các nhà tài trợ tổ chức tại Hà Nội tháng 12-1999, các cuộc thảo luận đã tập trung vào hai chủ đề là chống đói nghèo và đặt nền tảng cho kinh tế Việt Nam cất cánh. Hai vấn đề này đã được đem ra thảo luận do phía các nhà tài trợ và trong lúc tình hình kinh tế Việt Nam thể hiện ngày càng nhiều dấu hiệu cho thấy chính sách "đổi mới" không còn khả năng đảm bảo kinh tế tiếp tục phát triển theo tiến độ của những năm trước. Thực tế cũng chứng minh guồng máy sản xuất có những yếu kém cơ bản kéo dài mà không khắc phục được. Các tiến bộ kinh tế và xã hội của chính sách "đổi mới" thiếu chiều sâu và rất mỏng manh. Chúng không tạo được cơ sở cần thiết để kinh tế có thể dứt khoát cất cánh đi lên, để dân có phúc lợi thực sự và ngày càng cao hơn một cách bền vững. Lấy thí dụ vấn đề xóa đói giảm nghèo. Chính quyền Việt Nam tự hào là tỷ lệ đói nghèo năm 1999 giảm xuống còn có 13% (1) tính dựa trên lợi tức đầu người tối thiểu hàng năm tương đương với 300 kg gạo đối với dân sống ở thành thị, 240 kg gạo đối với dân ở nông thôn và 180 kg gạo đối với dân ở miền núi (2). Thành quả xóa đói giảm nghèo dựa trên tiêu chuẩn như thế không có tính cách thuyết phục và không thể bảo đảm tỷ lệ đói nghèo nhất mực đi xuống. Bằng chứng là trận lũ lụt xảy ra tháng 11 và 12 năm vừa qua tại các tỉnh miền trung đã khiến cả trăm ngàn gia đình trở lại tình cảnh đói nghèo kinh niên (3). Hiện nay bảy tỉnh miền trung và thêm khoảng một triệu người không có khả năng phục hồi và tự vươn lên sau nạn lũ lụt.

Trong năm 1999, vấn đề đói nghèo là một đe dọa thực sự và vấn đề kinh tế chưa hội đủ điều kiện để cất cánh là một thực tế. Kinh tế Việt Nam ở trong tình trạng trì trệ về mọi mặt. Nhịp độ phát triển của đầu tư và sản xuất giảm sút đủ mạnh và đủ nhanh để có thể làm tiến trình phát triển của kinh tế Việt Nam đổi hướng bất lợi mau chóng mà không kịp ngăn chặn. Tỷ lệ gia tăng hàng năm của

GDP từ mức trung bình 8,5% trong những năm 1992-1997 đã giảm xuống còn khoảng 3,5% trong năm 1999. Bước sang năm 2000, kinh tế Việt Nam có khả năng đổi ngược chiều hướng đi xuống kéo dài từ gần ba năm nay không?

## Kinh tế Việt Nam trong năm 1999

"Đổi mới" do chính quyền Việt Nam bắt đầu thực hiện từ năm 1987 "*chưa bao giờ có vấn đề chững lại hay do dự*". Đó là điều mà phó thủ tướng Nguyễn Mạnh Cầm đã tuyên bố tại hội nghị tư vấn các nhà tài trợ ngày 14 và 15-12-1999 tại Hà Nội. Tuy nhiên trong năm 1999 giống như năm trước, thực tế cho thấy "đổi mới" không còn ảnh hưởng thuận lợi giúp kinh tế Việt Nam có những bước tiến phù hợp với mục tiêu dân giàu nước mạnh. Chính quyền Việt Nam "đổi mới" "*không do dự*", nhưng thực tế vẫn là sự tăng trưởng của nền kinh tế bị chững lại. Theo WB, IMF và ADB, nhịp độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 1999 khoảng 3,5%-4,0%, tức là tương đương hay giảm một chút so với năm 1998. Hầu hết các chỉ báo (indicateurs) kinh tế chủ yếu liên quan tới đầu tư, đầu tư trực tiếp nước ngoài, sản xuất công nghiệp, ngân sách nhà nước, tạo việc làm và chống thất nghiệp, hiệu suất doanh nghiệp nhà nước, v.v... đều thua kém, bất lợi hoặc dậm chân tại chỗ so với năm trước. Những lãnh vực có nét tích cực giới hạn ở trong sản xuất nông nghiệp, cán cân thương mại, tỷ giá đồng bạc và mức độ vật giá.

**Tình hình đầu tư :** Đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tiếp tục giảm sút trong năm 1999 và ước lượng là 500-600 triệu USD, so với 800 triệu USD cho năm 1998 và khoảng trên dưới 2 tỷ USD cho những năm trước nữa. Viện trợ phát triển chính thức (ODA) khoảng trên 1 tỷ USD so với 1,2 tỷ USD năm 1998. Đầu tư trong nước khoảng trên 2,5 tỷ USD. Tổng số đầu tư trong năm 1999 tương đương với 18% GDP. Tỷ số

đầu tư này quá thấp vì một trong những điều kiện cơ bản để kinh tế cất cánh là tỷ số đầu tư phải khoảng 25%-30% GDP.

**Sản xuất hàng hóa và dịch vụ :** Sản xuất nông nghiệp năm 1999 tăng nhanh hơn năm 1998, 4,8% so với 2,8%. Ngược lại, các ngành công nghiệp và dịch vụ hoạt động chậm lại, gia tăng 5,7% và 1,6% so với 7% và 2% trong năm 1998. Riêng về công nghiệp, tựa như các năm trước, doanh nghiệp nhà nước gia tăng sản xuất chậm hơn khu vực tư nhân và khu vực liên doanh với nước ngoài. Tỷ lệ tăng trưởng của doanh nghiệp nhà nước là 4,9% so với 8,5% đối với doanh nghiệp tư nhân và 19,4% của khu vực liên doanh với nước ngoài.

**Chi thu ngân sách :** Do tình trạng kinh tế trì trệ và hiệu suất các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục thấp kém, số thu của ngân sách nhà nước giảm sút chỉ bằng 17,8% GDP so với 19,0% trong năm trước. Thuế trị giá gia tăng áp dụng từ đầu năm 1999 không giúp đạt được mức thu cao hơn. Phần chi của ngân sách 1999 tương đương với 19,1% GDP so với 20,1% cho năm 1998. Thiếu hụt ngân sách tăng từ 1,1% lên 1,3% GDP.

**Doanh nghiệp nhà nước :** Nội dung chương trình chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước vẫn chưa nhất định. Khu vực kinh tế quốc doanh tiếp tục thua lỗ và xuống dốc. Nhiều ngành công nghiệp đầu đàn sa sút nghiêm trọng, gặp khó khăn chông chát. Một số tổng công ty có hàng hóa ứ đọng tới mức chưa bao giờ thấy. Vào tháng 9-1999, bộ kỹ nghệ cho biết tình trạng hàng tồn kho như sau: 4 triệu tấn than đá, 1 triệu tấn xi-măng, 400 000 tấn đường, hơn 100 000 tấn sắt xây dựng, v.v... Ngành lắp ráp sản xuất xe hơi với khả năng sản xuất 150 000 xe/năm gần như bị tê liệt do yêu cầu giảm sút của các thị trường chủ yếu là các xí nghiệp nước ngoài và liên doanh, các cơ quan nhà nước và ngành chạy taxi.

**Kinh tế tư nhân :** Trong năm 1999 sự đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP là 50% (bằng tỷ lệ năm 1993),

trong đó phần của tư nhân người Việt là 40% và của tư nhân nước ngoài 10%. Hoạt động kinh tế tư nhân trong nước chủ yếu thuộc về nông nghiệp (85%), phần còn lại (15%) là sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Nói chung, kinh tế tư nhân trong nước vẫn bị kìm kẹp, không có điều kiện hoạt động sản xuất bình đẳng với khu vực kinh tế quốc doanh. Các luật lệ và thủ tục hành chính tiếp tục gây khó khăn cho hoạt động kinh tế tư nhân, nhất là về mặt xuất khẩu hàng hóa, nhập khẩu nguyên liệu, vay mượn vốn ngân hàng và quyền sử dụng đất.

**Tiền tệ và giá cả :** Tỷ giá đồng bạc Việt Nam tương đối ổn định ở mức 13 890-14 015 VND/USD nhờ cán cân thương mại thiếu hụt ít hơn những năm trước. Giá cả hàng hóa gia tăng chậm lại (khoảng gần 3%) do tình hình kinh tế trì trệ, thất nghiệp gia tăng và tiêu dùng hạn chế. Song song, yêu cầu về tín dụng ngân hàng bớt đi, lãi suất ngân hàng cho vay cũng hạ thấp, từ 1,25%/tháng vào cuối năm 1998 giảm xuống 0,85%/tháng vào tháng 12 năm 1999.

**Xuất và nhập khẩu :** Hàng hóa xuất khẩu trị giá 11,5 tỷ USD (tăng gần 25% so với 1998), phần lớn do xuất khẩu dầu thô (khối lượng dầu xuất khẩu tăng 21% nhưng trị giá tăng 62% nhờ giá quốc tế lên cao), lúa gạo, hải sản, cà phê, quần áo và giày da. Trị giá hàng nhập khẩu là 11,6 tỷ USD, hầu như không thay đổi so với năm trước 11,4 tỷ USD. Nhập khẩu tư liệu cần thiết cho ngành dệt sợi, may mặc và giày da gia tăng, nhập khẩu máy móc, thiết bị và dụng cụ sản xuất giảm sút. Thiếu hụt cán cân thương mại năm 1999 hạ bớt rất nhiều so với những năm trước thường ở mức hơn 2 tỷ USD.

**Lao động và việc làm :** Tình trạng lao động và việc làm sa sút nghiêm trọng trong năm 1999. Theo thống kê nhà nước, tỷ lệ thất nghiệp năm 1999 tại các đô thị là 7,4% so với 6,9% trong năm 1998. Tại nông thôn tỷ lệ bán thất nghiệp khoảng 30% so với 28% cho năm 1998. Chính quyền Việt Nam đã phải khuyến khích xuất khẩu lao động rời ký nghị định (tháng 10 năm 1999) qui định thể thức thiết lập công ty chuyên cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động.

**Tín dụng và ngân hàng :** Mặc dù yêu cầu cấp bách cải thiện hệ thống tổ chức

các ngân hàng thương mại, đường lối chuyển đổi hoạt động ngân hàng còn mập mờ và ngập ngừng. Việc chỉnh đốn tín dụng cấp phát cho các doanh nghiệp nhà nước dậm chân tại chỗ. Việc tăng cường tín dụng cho khu vực kinh tế tư nhân không nhúc nhích. Tỷ số tín dụng khó đòi do các ngân hàng thương mại cấp phát được Ngân hàng nhà nước chính thức ước lượng là hơn 13%. Tuy nhiên theo số liệu bán chính thức, tỷ số này lên tới khoảng 24%. Ngân Hàng Thế Giới áp dụng phương pháp kế toán quốc tế ước lượng tỷ số tín dụng khó đòi là 35%.

1999 là năm thứ ba liên tiếp mà kinh tế Việt Nam phát triển chậm lại, có thêm nhiều khó khăn không giải quyết được. Phát triển kinh tế chậm đã ngăn chặn phát triển xã hội tiếp tục tiến hơn. Kinh tế và xã hội suy yếu trong năm 1999 tới mức nghiêm trọng có thể làm đổ vỡ chương trình xóa đói giảm nghèo của chính quyền Việt Nam. Song song nó đã đẩy lùi xa thêm nhiều năm ngày mà kinh tế Việt Nam có thể cất cánh và đi vào phát triển bền vững. Trong khi các nước khác trong vùng Á Châu - Thái Bình Dương như Thái Lan, Mã Lai, Nam Dương, Đại Hàn, v.v... đang mau chóng khôi phục lại nhịp độ phát triển kinh tế có trước cuộc khủng hoảng tháng 7-1997, kinh tế Việt Nam trong năm 1999 đã sa sút sâu hơn năm 1998. Bước sang năm 2000, người Việt có thể chờ đợi kinh tế Việt Nam biến chuyển như thế nào?

### **Đảng Cộng Sản Việt Nam trước tình hình kinh tế trong năm 2000**

Từ khi Đảng Cộng Sản Việt Nam mở cửa tiếp đón các nhà tài trợ tại Hà Nội vào tháng 9-1993 và yêu cầu được nhận viện trợ phát triển chính thức của các nước, đường lối phát triển kinh tế của Việt Nam không nhiều thì ít cũng chịu áp lực của các nước viện trợ. Thông qua các định chế tài chính quốc (WB, IMF, ADB) các nhà tài trợ đã ảnh hưởng phần nào thúc ép chính quyền Việt Nam đổi mới đúng đắn và thực sự. Năm 1999 đánh dấu một khúc quanh nhiều ý nghĩa và có tính cách quyết định cho sự chuyển đổi của kinh tế Việt Nam trong những năm sắp tới. Những khó khăn kinh tế

chồng chất trong năm qua đã buộc chính quyền Việt Nam phải chấp nhận áp lực không che dấu của các định chế tài chính quốc tế (WB, IMF, ADB, IFC, UNDP) về chương trình nghị sự của hội nghị tư vấn các nhà tài trợ tổ chức tháng 12 năm 1999 tại Hà Nội. Tại hội nghị này, các nhà tài trợ đã đưa ra hai chủ đề để thảo luận với những tài liệu soạn thảo trước. Đặc biệt bản phúc trình *Preparing for Take-off ?*(4) đã đề sẵn ra hẳn một chương trình ba năm nhằm chuyển đổi khu vực kinh tế tư nhân, quan hệ thương mại quốc tế, tổ chức hoạt động ngân hàng và cơ cấu tổ chức các doanh nghiệp nhà nước. Năm 1998 tại Paris, áp lực của các nhà tài trợ mới là chỉ dẫn đường cho chính quyền Việt Nam. Tháng 12-1999, tại Hà Nội các nhà tài trợ đã tỏ vẻ bạo hơn và tiến tới cầm tay để dắt chính quyền Việt Nam đi vào con đường đã vạch.

Tựa như trong những năm 1985-1986, trong năm 2000 Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ phải hành động trước khi kinh tế Việt Nam xuống quá thấp, ngõ hầu không xảy ra trường hợp sản xuất gia tăng, kinh tế phát triển chậm hơn sản xuất. Câu hỏi đặt ra là trong chiều hướng đó, Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ chấp nhận áp lực của các nhà tài trợ tới mức độ nào? Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ đối phó thế nào với tình hình kinh tế khó khăn trước khi quá muộn?

Đi từ hoàn cảnh kinh tế khách quan hiện nay, và biết rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam còn ngoan cố bám víu vào chế độ nhà nước đảng trị, người viết nhận định có triển vọng giới lãnh đạo Việt Nam sẽ hướng vào việc cởi mở khu vực kinh tế tư nhân và cải thiện tổ chức các ngân hàng thương mại. Con đường này cho phép tương đối dễ và sớm thực hiện yêu cầu nâng cao đầu tư, tạo việc làm, giảm thất nghiệp, chống đói nghèo. Nó có thể giúp giới lãnh đạo Việt Nam thực hiện một tỷ lệ gia tăng sản xuất và phát triển kinh tế đủ để bảo tồn chế độ, nuôi dưỡng đảng viên, có lý cơ biện minh sự độc quyền lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Trong những lãnh vực khác, người viết nghĩ rằng không có những chuyển đổi có ý nghĩa. Chẳng hạn về phương diện trao đổi thương mại quốc tế, cụ thể là với Hoa Kỳ, trong năm 2000 chính quyền Việt Nam sẽ tiếp tục



tìm cơ và tìm cách để trì hoãn ký thỏa ước trao đổi thương mại bình thường (*Normal Trading Relations*). Chính quyền Việt Nam ngại rằng một khi ký thỏa ước rồi, Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ mất rất nhiều chủ động trong tiến trình "đổi mới", dù cho, theo Ngân Hàng Thế Giới, Việt Nam có thể tăng xuất khẩu sang Hoa Kỳ thêm 800 triệu USD ngay trong năm đầu thi hành thỏa ước. Một bài báo đăng trong tạp chí *Vietnam Business Journals* số tháng 8-1999 (5) đã viết rằng việc thi hành toàn bộ thỏa ước sẽ đánh dấu một sự chuyển hướng hoàn toàn so với chính sách kinh tế hiện nay của chính quyền Việt Nam. Từ đó tác giả bài báo đặt câu hỏi "*Việt Nam có muốn ký thỏa ước không?*". Sau cùng, người viết không tin rằng chương trình chuyển đổi khu vực kinh tế nhà nước sẽ có những bước tiến quan trọng trong năm 2000. Chính quyền Việt Nam sẽ chỉ chú trọng cải thiện quản lý và tìm phương pháp nâng cao hiệu suất của các doanh nghiệp nhà nước. Chủ trương cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước sẽ vẫn nửa vời, luẩn quẩn vì lý do dễ hiểu là chuyển đổi đúng đắn phải là giải thể và tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước, và như vậy tức là cắt tay chân và các phương tiện hoạt động của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

### Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2000

Kinh tế Việt Nam chủ yếu còn dựa vào nông nghiệp. Nền kinh tế còn chậm tiến. Các hoạt động sản xuất và thương mại chưa hợp thành một mạng lưới trao đổi hàng hóa và dịch vụ hoàn chỉnh và ràng buộc chặt chẽ với nhau. Lao động, vốn đầu tư và các tư liệu sản xuất khác không giao lưu dễ dàng. Ảnh hưởng dây chuyền trong guồng máy kinh tế chậm xuất hiện và bị hạn chế. Bởi vậy, trong năm 2000, dù chính quyền Việt Nam có đổi hướng kinh tế rất tích cực, trong điều kiện lạc quan nhất, kinh tế Việt Nam chỉ có triển vọng gia tăng tối đa 4%-5%.

Căn cứ trên đường hướng mà chính quyền Việt Nam có nhẽ sẽ theo đuổi như đã trình bày, người viết dự báo tình hình kinh tế Việt Nam tổng quát trong năm 2000, trong trường hợp thuận lợi nhất, sẽ có những nét chính như sau :

Sản xuất nông nghiệp mà đại bộ phận là kinh tế tư nhân sẽ tiếp tục phát triển thuận chiều như những năm trước.

Ngành công nghiệp và dịch vụ tư nhân có điều kiện dễ dàng hơn để hoạt động và bành trướng. Sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp tư nhân gia tăng theo tỷ lệ gấp 2,5-3,0 lần tỷ lệ của các doanh nghiệp nhà nước.

Sản xuất và xuất khẩu của các doanh nghiệp nước ngoài 100% hoặc liên doanh không có nhiều thay đổi và sẽ gia tăng theo nhịp độ của các năm trước. Doanh nghiệp vốn 100% nước ngoài ngày càng nhiều.

Chương trình cải thiện các ngân hàng thương mại có một số sửa đổi rõ nét đáng kể. Việc sắp xếp lại thành phần vốn và tín dụng của các ngân hàng thương mại có những kết quả tích cực. Thị trường tiền tệ, ký thác và cho vay sẽ được phần nào chỉnh đốn. Hàng hóa xuất cũng như nhập khẩu sẽ gia tăng đáng kể. Trị giá hàng xuất khẩu có thể lên tới hơn 13 tỷ USD (tăng 12%-15%). Hàng nhập khẩu tăng ước lượng 10%-12% để lên tới khoảng 12,5 tỷ USD. Thiếu hụt của cán cân thương mại ở mức 500 triệu USD.

Vật giá sẽ tăng nhanh hơn năm 1999, có thể lên tới 5%-6%. Lãi suất ngân hàng thay đổi cùng chiều hướng. Thị trường vốn trong nước tương đối thuận lợi và thỏa mãn đủ yêu cầu đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài không có triển vọng thay đổi nhiều so với 1998-1999, phần lớn vì lợi thế so sánh (*avantages comparatifs*) của Việt Nam không vượt các nước khác trong vùng và vì ảnh hưởng không thuận lợi của việc trì hoãn ký thỏa ước trao đổi thương mại bình thường với Hoa Kỳ.

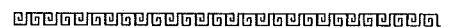
Mặc dù các lời tuyên bố chính thức khẳng định kinh tế Việt Nam "đổi mới" không do dự, năm 2000 vẫn sẽ là thêm một năm "đổi mới" lưỡng lự, không rõ ràng, không quyết tâm. Có thể giới lãnh đạo Việt Nam không do dự đổi mới cái gì, nhưng chắc chắn họ rất do dự đổi mới thế nào. Năm 2000 có triển vọng là hạn chót để chính quyền Việt Nam do dự đổi mới thế nào, sau đó thì quá muộn!

**Nguyễn Ngọc Hiệp**

(1) Tỷ lệ đói nghèo 13% do bộ trưởng

Kế Hoạch và Đầu Tư Trần Xuân Giá đưa ra tại hội nghị tư vấn các nhà tài trợ, Hà Nội, 14 và 15 tháng 12, năm 1999. Theo Ngân Hàng Thế Giới, tỷ lệ đói nghèo ở Việt Nam là 30% căn cứ trên mức thu nhập đầu người tối thiểu là 100 USD/năm.

- (2) Như vậy, theo ước tính của người viết, dân xếp hạng nghèo đói nếu ở thành thị lợi tức đầu người hàng năm dưới 80 USD, ở nông thôn dưới 50 USD và ở miền núi dưới 30 USD.
- (3) Phát biểu của bộ trưởng Kế Hoạch và Đầu Tư Trần Xuân Giá tại hội nghị tư vấn các nhà tài trợ, Hà Nội, 14 và 15-12, 1999.
- (4) "*Preparing for Take-off ?*", An Informal Economic Report of the World Bank, Consultative Group Meeting for Vietnam, Hanoi, December 14-15, 1999.
- (5) "*A Special Report on the US-Vietnam Trade Agreement*", Reed Irvine, Vietnam Business Journal, August 1999, New York.



### **Quả Đất - Quê Hương**

Nguyên tác: *Terre-Patrie*, Edgar Morin và Anne Brigitte Kern, Ed. du Seuil, 1993. Bản dịch của Nguyễn Hồi Thủ, một nhà thơ và nhà văn lớn, đồng thời cũng là một học giả uyên bác. Sách dày 300 trang, khổ A5, bìa cứng do nhà xuất bản Chân Mây Cuối Trời. E-mail: nht1@aol.com.

Một tác phẩm nói về các vấn đề nhân loại trong thời đại toàn cầu. Một tài liệu quan trọng cần có trong tủ sách gia đình.

Giá: 80 FRF (+10 FRF cước phí, ngoài Âu Châu thêm 30 FRF). Chi phiếu xin đề: Mme. Nguyễn và gửi về 106 Avenue Jean Jaurès, 94110 Arcueil.

**Đọc và cổ động  
đặt mua dài hạn  
báo Thông Luận**

## VỀ NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ TRONG NƯỚC

LTS: Ngày 12-1-2000, đài Á Châu Tự Do (Radio Free Asia-RFA), trong chương trình phát thanh Việt ngữ về quốc nội, đã phỏng vấn ông Nguyễn Gia Kiểng, thành viên Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, về những tiếng nói dân chủ trong nước. Sau đây là những câu hỏi đáp.

Theo ông, trong năm 1999 vừa qua, sự kiện nào ông đánh giá là nổi bật nhất liên quan đến những người đấu tranh cho tự do dân chủ tại Việt Nam?

Sự kiện nổi bật nhất là việc bắt giam tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang hồi đầu năm ngoái. Sau 66 ngày giam giữ, trước áp lực của dư luận thế giới, sự can thiệp của tổng thống Pháp, bộ ngoại giao Hoa Kỳ, quốc hội Hoa Kỳ và hầu hết mọi tổ chức quốc tế, chính quyền Hà Nội đã phải trả tự do cho Nguyễn Thanh Giang.

Vụ này cho thấy rõ là chính quyền Hà Nội từ nay không còn có thể bắt giam một cách tùy tiện những người đối lập nữa.

Vụ này cũng đánh dấu một bước triệt thoái mới của chính quyền cộng sản. Từ những vụ hành quyết thô bạo và những quyết định bắt giam dài hạn không xét xử sau 1975, họ đã phải triệt thoái về những vụ xử án chính trị, sau đó lại phải triệt thoái về những biện pháp quản chế và tạm giam. Chính sách hiện nay là cô lập và sách nhiễu. Chính sách này cũng sẽ không thể kéo dài. Họ sẽ còn phải triệt thoái nữa. Chính sách của giai đoạn sắp tới có nhiều khả năng sẽ là vu cáo và bôi nhọ. Nhưng như thế là sẽ có tranh luận và trong cuộc tranh luận này những ai có lý luận đúng đắn và nói sự thực sẽ thắng.

Đọc những bài viết của ông Trần Độ, người ta có cảm tưởng rằng, dù bị đảng cộng sản khai trừ, ông Độ vẫn còn nhiều lưu luyến với đảng, và với cỗ máy cai trị đã làm đất nước tụt hậu như ngày hôm nay. Trong khi đó, những bài viết của Hà Sĩ Phu, Nguyễn Thanh Giang thì dứt khoát với chủ trương là phải từ bỏ cơ chế hiện nay, từ bỏ chủ nghĩa Mác. Phải chăng, ông Trần Độ chống đảng để cứu đảng và những người như ông Hà Sĩ Phu, Nguyễn Thanh Giang chống đảng để cứu dân?

Trước hết về ông Trần Độ. Ý định cứu đảng của ông Trần Độ là có thực và cũng dễ hiểu. Ông đã là đảng viên đảng cộng sản trên 50 năm, đã có nhiều đồng chí thân thiết trong đảng và nhiều người đã nằm xuống. Dĩ nhiên ông phải có nhiều tình cảm đối với đảng cộng sản. Điều này chỉ bộc lộ bản chất của một con người thủy chung.

Điều cần nhấn mạnh là ông Trần Độ thực sự muốn dân chủ. Ông đã từng nhấn mạnh chúng ta có ba yêu cầu: dân chủ, dân chủ và dân chủ. Ông cũng đã khẳng định rằng giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội phải chọn một. Và ông cũng đã phát biểu lập trường cá nhân là nếu phải chọn giữa chủ nghĩa xã hội và một đất nước phồn vinh thì ông sẽ chọn đất nước phồn vinh.

Những người khác như Hoàng Minh Chính, Bảo Cự, Hoàng Tiến thì dứt khoát với đảng cộng sản hơn. Hà Sĩ Phu và Nguyễn Thanh Giang thì không có liên hệ tình cảm nào với đảng cộng sản cả, lý do giản dị là họ chưa bao giờ là đảng viên cả. Tuy nhiên không thể nói là họ chống đảng cộng sản. Phải nói là đảng cộng sản chống họ mới đúng. Chỉ có thể thôi. Nếu đảng cộng sản tự ý chuyển hóa về dân chủ, tôi chắc chắn họ cũng sẽ rất vui lòng.

Điều đất nước đang cần là dân chủ, do đó ai tranh đấu cho dân chủ đều đáng hoan nghênh, với điều kiện đó là dân chủ thực sự, nghĩa là dân chủ đa nguyên với tự do ngôn luận, tự do bầu cử và ứng cử, còn động cơ nào khiến một người tranh đấu cho dân chủ không quan trọng.

Cũng không nên phân biệt cứu đảng và cứu nước, càng không nên đối chọi cứu đảng và cứu dân. Hai điều này không mâu thuẫn với nhau về bản chất. Không nhất thiết phải chống đảng mới cứu được nước. Chỉ cần chống ban lãnh đạo đảng, hay đúng hơn chống lập trường độc tài ngoan cố của ban lãnh

đạo đảng. Đó là thái độ của mọi người dân chủ trong nước, ông Trần Độ cũng như những người khác.

Đòi hỏi hiện nay là dân chủ hóa đất nước. Lằn ranh hiện nay là lằn ranh giữa những người dân chủ và những người chống dân chủ.

Nhà văn Dương Thu Hương có lần phát biểu rằng, thế hệ của bà đã sống hết mục cho một lý tưởng để rồi bây giờ nhìn lại không tránh khỏi chua chát ngậm ngùi. Còn tuổi trẻ bây giờ chỉ biết lao đầu vào kiếm sống nên ít chú trọng tới những bản khoản, trần trở của lớp người đi trước. Ông nghĩ sao về nhận định này?

Chua chát và ngậm ngùi là thái độ tự nhiên của những người lãng mạn chính trị bị gọi về với thực tại phũ phàng. Thế hệ trước đam mê và lãng mạn quá nên nhiều khi phí phạm hạnh phúc của mình mà đập phá đập phá nhiều hơn là xây dựng. Thế hệ trẻ ngày nay thực tế hơn, đó là một điều tốt. Điều không tốt là sau khi chán nản quá lâu đối với một chính quyền tồi dở họ đã chán nản với chính đất nước và chỉ còn tìm cách sống cho mình. Nhưng đâu sao sống vị kỷ cũng không gây đổ vỡ bằng đam mê mù quáng.

Nhưng tôi muốn nói với tuổi trẻ ngày nay là sự quay lưng lại với đất nước để chỉ tìm cách giải quyết những vấn đề cá nhân của mình tự nó cũng là một sai lầm, ngay cả cho quyền lợi cá nhân. Nếu chế độ chính trị cứ tiếp tục như hiện nay thì đất nước sẽ tiếp tục quần quai trong bế tắc và nghèo khổ, tuyệt đại bộ phận, nếu không muốn nói là tất cả, tuổi trẻ sẽ không có tương lai.

Không thể chỉ có những giải pháp cá nhân cho một khối dân tộc 80 triệu người, cùng sống trong một đất nước và cùng chịu chung một thảm kịch. Phải có một giải pháp chung cho toàn bộ dân

tộc, nghĩa là một thay đổi chính trị, nghĩa là dân chủ hóa.

Chúng ta đang cần một sức bật mới của ý thức trách nhiệm và lòng yêu nước. Cuộc vận động dân chủ hiện nay phải nhắm làm cho đồng bào, nhất là tuổi trẻ, hiểu như vậy.

*Với tình trạng bị bùng bít thông tin và chịu nhiều biện pháp trấn áp của nhà nước như hiện nay, triển vọng của những tiếng nói độc lập Việt Nam ra sao trong những ngày sắp tới?*

Triển vọng tốt. Như tôi đã trình bày ở phần đầu cuộc nói chuyện này, các biện pháp cô lập và sách nhiễu hiện nay là một tuyến phòng thủ mới của chế độ sau nhiều triệt thoái liên tục. Chúng ta nên lạc quan. Các biện pháp này nhằm cắt đứt thông tin và liên hệ giữa những người dân chủ mà chế độ không còn dám bắt giam nữa. Nhưng chế độ một lần nữa sẽ thất bại vì các phương tiện truyền thông càng ngày càng hiện đại và tinh vi, lượng thông tin càng ngày càng gia tăng và chẳng bao lâu sẽ không còn kiểm soát được nữa.

Tuyến phòng thủ mới này vì thế cũng sẽ vỡ. Các tiếng nói dân chủ trong nước sẽ đông hơn và mạnh hơn. Giao lưu và phối hợp giữa những người dân chủ trong nước và ngoài nước sẽ gia tăng. Tình huống mới này sẽ khuyến khích anh em dân chủ trong nước tiến thêm một bước nữa là đưa cuộc vận động dân chủ từ giai đoạn của những phản kháng cá nhân sang giai đoạn của những tiếng nói chung, của đấu tranh có phối hợp và có tổ chức.

Cuộc vận động dân chủ thế nào cũng phải thành công vì nó phù hợp với nguyện vọng của đa số quần chúng Việt Nam và vì nó được sự chuyên chở của cả một trào lưu thế giới. Bối cảnh quốc tế thuận lợi cho nó. Mọi biến chuyển trong nước cũng như trên thế giới đều thuận lợi cho nó. Nếu sáng suốt một chút, các cấp lãnh đạo cộng sản phải hiểu rằng không nên ngoan cố trong một cuộc chống cự lại dân chủ vừa tuyệt vọng vừa không vinh quang, thay vào đó nên đối thoại với những người dân chủ để cùng tìm một giải pháp dân chủ hóa hợp tình hợp lý cho đất nước.

(Đài RFA thực hiện)

Tuần báo Mỹ Kinh Tế Viễn Đông chọn

## Mười nhân vật tiêu biểu của Châu Á trong thế kỷ 20

Bùi Tín

*\* Trung Quốc: Đặng Tiểu Bình \* Ấn Độ: Gandhi và nhà thơ Tagore \* Nhật Bản: vua Hirohito, nhà điện ảnh A. Kurasawa và nhà kinh doanh Morita \* Đại Hàn: Chung Ju Yung, sáng lập hàng Hyundai \* Hồng Kông: nhà tỷ phú Robert Kuok \* Mã Lai: thủ tướng Mahatir \* Philippines: cựu nữ tổng thống C. Aquino \* Người Việt Nam nên suy nghĩ nhân cuộc chọn lựa hào hứng này \**

Theo anh bạn của tôi, nhà báo Nayan Chanda, tổng biên tập của tuần báo "Far Eastern Economic Review", tờ báo lớn xuất bản ở Hồng Kông, có uy tín toàn thế giới, cuộc chọn lựa mười bộ mặt tiêu biểu cho Châu Á trong thế kỷ 20 diễn ra rất sôi nổi và hào hứng. Quá trình tuyển chọn diễn ra từ hơn hai năm nay, với những cuộc điều tra, thăm dò, thu thập ý kiến rộng rãi của các nhà chính trị, sử học, kinh tế, văn hóa, nhà báo, tuổi trẻ, dân thường... và kết thúc với những cuộc họp sôi động của bộ biên tập. Cuộc tuyển chọn diễn ra khách quan, khoa học, vô tư, với trách nhiệm cao đối với bạn đọc, với công luận. Sự cân nhắc đôi lúc gay go, thú vị.

Mười nhân vật lựa chọn phải *tiêu biểu* cho Châu Á; hoạt động của họ đã thật sự góp phần làm thay đổi bộ mặt của châu lục đông dân nhất và để lại ảnh hưởng lâu dài sang thế kỷ sau.

### 1. Vì sao Đặng Tiểu Bình (1904-1997) ?

Trung Quốc là nước lớn nhất, đông dân nhất ở Châu Á, cũng là nước đông dân nhất thế giới. Ai là nhân vật Trung Quốc tiêu biểu nhất trong thế kỷ 20? Tôn Dật Tiên ư? Tưởng Giới Thạch ư? hay Mao Trạch Đông? Không. Cuối cùng cuộc bình tuyển đậu vào *Đặng Tiểu Bình*. Bởi vì chính Đặng chứ không phải ai khác đã lung lay mạnh mẽ cái sức ì cố hữu của hơn một tỷ nhân mạng lún sâu vào cái chủ nghĩa Mác-xít mù vị Khổng Giáo của Mao để bắt đầu *hội nhập* vào thế giới hiện đại, khởi đầu sự nghiệp *hiện đại hóa* với tốc độ cao để có thể trở thành cường quốc vào thế kỷ 21. Cải tổ, mở cửa, hội nhập, thu hút vốn đầu tư của nước ngoài và Hoa

kiều... là hệ quả của đường lối Đặng Tiểu Bình đang phát huy tác dụng sang thế kỷ mới. Xem ra Giang Trạch Dân chưa phải nhà lãnh đạo kế thừa tương xứng để giải quyết hàng loạt vấn đề mới. Ta chờ xem.

### 2. Mohandas Gandhi (1869-1948)

Cha đẻ của nền độc lập Ấn Độ. Được nhân dân suy tôn như một ông thánh sống. Người đề xướng và thực hiện đường lối "*đấu tranh bằng bất bạo động*" (Gandhian nonviolent protest). Xin chớ hiểu sai là đường lối bất bạo động. Ông dẫn đầu nhiều cuộc tuyệt thực và tuần hành không vũ trang, có cuộc tuần hành dài đến 400 kilômét, kéo theo nửa triệu người, làm rung động chính quyền thực dân. Ở ông kết hợp chặt chẽ ý chí kiên cường *bất khuất* với lòng *bao dung* và *tình thương* đồng loại. Một triết thuyết và đạo lý nổi bật của Gandhi là: tôi chỉ cho anh rõ sai lầm của anh và tôi chịu trách nhiệm phần của tôi trong sai lầm ấy. Ông bác bỏ bạo động, đổ máu, trả thù, gây căm thù... vì những điều ấy chứng tỏ sự mất niềm tin ở lẽ phải và tự do trong cộng đồng con người. Trong tư duy Gandhi có sự kết tinh những điều đẹp nhất của Ấn Độ Giáo, Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo và Lão Giáo.

### 3. Rabindranath Tagore (1861-1941)

Tagore là nhà thơ lớn, cũng là nhà văn, nhà viết kịch, họa sĩ, nhà giáo dục, triết gia, nhà tư tưởng. Tác phẩm của ông vừa đồ sộ vừa sâu sắc: 2.500 bài thơ cũng là bài hát; 2.000 bức họa; 28 tập tiểu thuyết, luận văn, truyện ngắn. Thơ ông được dùng làm quốc ca Ấn Độ. Ông là người Châu Á đầu tiên nhận giải

thưởng Nobel văn học năm 1913. Ở Tagore, tinh thần dân tộc sâu sắc, gắn bó với quê hương Bengali trong văn học được kết hợp với tinh thần quốc tế rất đậm đà; ông là người giới thiệu không mệt mỏi những thành tựu văn hóa, khoa học, giáo dục của phương Tây cho đồng bào ông; ông còn lập nên trường đại học, trường trung học ở vùng nông thôn để truyền bá nền giáo dục Tây phương cho đại chúng. Ông là con người có tinh thần quốc tế chủ nghĩa rất rộng rãi.

#### 4. Vua Nhật Hirohito (1901-1989)

Hirohito là hoàng đế thứ 124 của nước Nhật, cũng là hoàng đế ngự trị lâu nhất; từ 1921, ông làm phụ chính khi 20 tuổi do vua cha ốm yếu, để lên ngôi chính thức năm 1926. Ông trị vì 64 năm. Ông là cháu nội của vua Minh Trị (Meiji), người đã đổi mới nước Nhật cổ lỗ, thiết lập nên nền quân chủ lập hiến, mở cửa để hiện đại hóa Nhật Bản. Là vua thất trận, còn bị kết tội là tội phạm chiến tranh, Hirohito đã thắt chặt tình đoàn kết dân tộc trong thảm họa bại trận, bị chiếm đóng, bị tước vũ khí, giải thể nền quốc phòng và quân đội; ông cùng dân tộc nghiên rãng "chịu đựng những điều không thể chịu đựng nổi"; ông ngăn chặn làn sóng các sĩ quan và chiến sĩ mở bụng để tỏ lòng trung thành với vua, với đất nước trong cơn thua trận; ông duy trì sự đồng thuận dân tộc, tránh được cảnh hỗn loạn sau chiến tranh; ông chân thành từ chối việc bản thân mang bản chất "con trời" như truyền thuyết phong tặc; ông thúc đẩy công cuộc xây dựng lại đất nước với những mũi nhọn kỹ thuật được canh tân toàn diện với tốc độ cao, trong lao động lặng lẽ của toàn xã hội, khôi phục bằng hành động lòng tự tôn dân tộc. Người Nhật còn quý ông vua Hirohito ở chỗ ông sống bình dân, chịu học hỏi nghiêm chỉnh, đi sâu vào ngành sinh vật hải dương với trình độ chuyên gia.

#### 5. Nhà đạo diễn điện ảnh Akira Kurosawa (1910-1998)

Ông bắt đầu nổi tiếng từ năm 1952, với bộ phim Rashomon, được giải thưởng quốc tế Oscar. Từ tuổi trẻ, ông đã mê văn học và hội họa. Ông từng dựa vào tác phẩm của Shakespeare, Dostoevsky

để làm phim. Ông tỏ tài năng lớn trong những phim hoành tráng về chiến tranh cũng như những phim về đề tài xã hội, số phận người dân thường. Ông được giới điện ảnh quốc tế coi là bậc thầy trong nghề đạo diễn, với những tác phẩm được các nhà trường đào tạo đạo diễn coi như kinh điển của điện ảnh hiện đại.

#### 6. Nhà kinh doanh Akio Morita (1921-1998)

Ông là chủ hãng Sony từ năm 1946. Ông nghiên cứu nền kinh doanh của Mỹ, Hà Lan, Đức. Năm 1960 ông lập hãng Sony ở Mỹ với máy transistor nhỏ và máy ghi âm cầm tay bán rất chạy khắp các thị trường thế giới. Ông có biệt tài về kinh doanh, thăm dò thị trường và thị hiếu người tiêu thụ; ông cũng là nhà kinh doanh Nhật liên doanh với các hãng công nghiệp lớn quốc tế ở Châu Mỹ và Châu Âu, với những thành đạt không lồ.

#### 7. Nhà kinh doanh Chung Ju Yung, Nam Hàn

Ông sinh năm 1915, nhà nghèo, chỉ học hết bậc tiểu học, quê ở Bắc Hàn. Tự lập từ năm 19 tuổi, ông đã xây dựng nên hãng Hyundai hùng mạnh có tầm cỡ quốc tế. Hãng Hyundai kinh doanh máy móc, xe cộ, khách sạn, có cơ sở khắp Đại Hàn, Trung Quốc, Đông Nam Á, Châu Mỹ và Châu Âu. Ông đề xướng việc thống nhất Triều Tiên bằng con đường mở rộng quan hệ buôn bán, hợp tác về kinh tế.

#### 8. Robert Kuok, Hoa kiều Mã Lai ngụ ở Hồng Kông

Sinh năm 1922, Robert Kuok từ Mã Lai sang Hồng Kông năm 1974. Ông có năng khiếu kinh doanh, phát lên nhanh chóng khác thường. Từ kinh doanh đồn điền, đất đai, khách sạn, ông mở rộng sang ngành may mặc, thực phẩm, hóa chất, rồi đến cả xuất bản báo chí (báo South China Morning Post) và thông tin Internet. Tài sản của ông lên đến 8 tỷ USD. Ông là Hoa kiều tiêu biểu ở hải ngoại, kinh doanh có hiệu quả nhất, với qui mô quốc tế rộng lớn.

#### 9. Mahathir Mohamad, thủ tướng Mã Lai

Ông sinh năm 1925. Làm thủ tướng Liên Bang Mã Lai từ năm 1981. Ông xuất sắc từ khi là sinh viên, rồi giáo sư, am hiểu sâu rộng về văn hóa, khoa học, kinh tế, chính trị... và mê say ứng dụng những kiến thức mới. Mười chín năm ở đỉnh cao quyền lực, thành đạt lớn nhất của ông là duy trì đà phát triển của kinh tế Mã Lai, trong đó người gốc Mã Lai trưởng thành vững chắc từ trong nghiên cứu khoa học, giáo dục, đến kinh doanh, buôn bán với những doanh nghiệp lớn, không còn sút kém, lép vế so với người Hoa như trước.

#### 10. Bà cựu tổng thống Corazon Aquino

Phụ nữ Châu Á lừng danh gần đây không phải là ít. Indra Gandhi, Benazir Bhutto, Sirimava Bandaranaike, Megawati Sukarnoputra, Aung San Suu Kyi..., được chọn lựa có một mình bà cựu tổng thống Philippines. Corazon Aquino, sinh năm 1933, được bầu làm tổng thống năm 1986, cầm quyền trong 6 năm, lãnh đạo của Tổ Chức Dân Chủ Thống Nhất Dân Tộc. Chồng bà là luật sư Benigno Aquino Junior, chống đối quyết liệt chính quyền độc tài Marcos, bị Marcos bắt giam rồi cả hai vợ chồng bị trục xuất năm 1980 sang Hoa Kỳ, ở tại New York, 3 năm. Khi trở về Manila, ông Aquino bị bọn Marcos ám sát năm 1983. Cuộc đời bà thay đổi hẳn. Từng học trung học ở Mỹ, người đàn bà nội trợ hiền dịu góa chồng dần thân hoạt động chính trị, trở thành người lãnh đạo Tổ Chức Dân Chủ Thống Nhất Dân Tộc đầy nghị lực, chân thành, gắn bó với nhân dân, được cả nước tin yêu, đặc biệt là các tầng lớp nghèo khổ và trung lưu, trí thức, kể cả binh lính và sĩ quan. Sáu năm cầm quyền, thành đạt lớn của nữ tổng thống Aquino là khái niệm "*quyền lực nhân dân*" (people power) - nghĩa là chính quyền gắn bó với dân, phục vụ dân, được dân coi là của mình... - bắt đầu ăn sâu dần và lan rộng trong xã hội, theo phương hướng một nền dân chủ bình dân mang tính cách xã hội. Trong 6 năm ấy, một xã hội công dân trưởng thành dần, nền nếp dân chủ qua bầu cử bắt rễ. Bà là tổng thống giản dị nhất, sau triều đại quan liêu kiêu tài phiệt của vợ chồng Marcos. Bà bãi bỏ những đoàn hộ tống âm i, yêu cầu người lái xe đỗ lại

khí gặp đèn đỏ, như mọi công dân khác. Chấm dứt những diễn văn lòng thông, những nghi thức quan cách, thay bằng những cuộc đối thoại, thăm hỏi nhân dân chân tình, giản dị, có thực chất. Cử tri thật sự theo dõi các ứng cử viên, lựa chọn, bình tuyển, chất vấn, bãi miễn, tận dụng quyền công dân. **Quyền dân** do bà Aquino đưa lại cho người dân thường Philippines đặt nền móng lâu dài cho một nền dân chủ mới mẻ ở Châu Á.

### Người Việt ta thấy gì qua cuộc tuyển chọn này ?

Thấy người lại nghĩ đến ta. Việt Nam ta không ai có tên trong số mười nhân vật "tiêu biểu" của Châu Á. Tự ái dân tộc làm cho ta có thể buồn. Ở trong nước, do quá quen thuộc với tẻ sùng bái cá nhân, không ít người nghĩ rằng Hồ Chí Minh chắc chắn có một chỗ đứng sáng giá. Thế nhưng cuộc bình tuyển đã có tiêu chuẩn, và có lý lẽ công bằng, không thể theo cảm tính, nài ép được. Chúng ta có Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, nhưng đều thất cơ, lỡ vận. Hồ Chí Minh có vị trí trong cuộc đấu tranh giành độc lập, nhưng những sai lầm trong cải cách ruộng đất, cuộc hành hạ văn nghệ sĩ đòi tự do trong vụ Nhân Văn - Giai Phẩm, vụ án "chống đảng xét lại" dày ải những người ngay thẳng, các trại tập trung cải tạo ghê rợn, người dân không có quyền tự do của công dân (kém cả thời thuộc địa và bảo hộ) làm cho cái tên Hồ Chí Minh tối sầm lại. Cuộc sống cuối cùng rất công bằng.

Người Việt ta ở trong và ngoài nước hãy nhìn thẳng vào sự thật. Thu nhập vẫn chưa vượt 365 USD/đầu người, ngưỡng cửa của nghèo khổ theo qui định của Liên Hiệp Quốc. Đảng vẫn tịch thu quyền tự do tư tưởng, tự do báo chí, tự do tôn giáo. Sang thế kỷ 21 mà dân ta chưa được hưởng những quyền mà dân các nước khác được hưởng từ các thế kỷ 18 và 19!

Hãy ngẫm lại dân tộc Nhật cùng vua Nhật nuốt nhục, ngậm niêm cay đắng đất nước bị chiếm đóng để âm thầm lao động bặt dậy trở thành cường quốc số 2 của thế giới.

Hãy ngẫm về tư duy của Đặng Tiểu Bình trước đổ vỡ tan hoang của nhảy vọt

và cách mạng văn hóa, dám hạ bệ thần tượng Mao, để *đổi mới* từ năm 1978 (sớm hơn Việt Nam 8 năm), khi Lê Duẩn - Lê Đức Thọ còn đang say khướt đến mê muội bởi "chiến thắng chưa từng có, chưa ở đâu có", và đánh thức dậy cả hơn một tỷ con người (tuy còn chưa tỉnh về cái ách độc quyền của một đảng duy nhất).

Hãy ngẫm về khái niệm đẹp đẽ *quyền dân* (people power) của bà Aquino, khi lá phiếu trở nên sinh động trong lòng mỗi công dân Philippines, so sánh với lá phiếu vô hồn, lá phiếu chết theo kiểu áp đặt, đảng chọn dân bầu của dân tộc ta, trong những cuộc bỏ phiếu nhạt nhèo, chán phè, không có lựa chọn kiểu phương tuồng: vô ra vẫn là thằng cha khi này.

Người Việt ta hãy ngẫm về các ông chủ các hãng Sony, Hyundai, về nhà đạo diễn tài ba Akira Kurosawa của nước người. Dân tộc ta đâu phải loại tẻ tẻ để không có một nhân tài văn hóa hay kinh doanh nào có bề thế quốc tế. Dưới thời Pháp thuộc, nước ta đã có nhà kinh doanh Bạch Thái Bưởi; trước còn có nhà văn hóa Nguyễn Trường Tộ. Chính sách cổ súy các tầng lớp nghèo khổ, đối lập với trí thức, miệt thị các nhà kinh doanh, thù địch đối với quyền tư hữu (nhưng lại mê say với quyền tư hữu của các quan chức trong đảng)... suốt hơn nửa thế kỷ qua đã làm thui chột biết bao nhiều nhân tài của đất nước.

Người Việt Nam còn có lương tâm và suy nghĩ, hãy chung một tiếng nói đối với những người lãnh đạo đảng cộng sản. Bảo rằng đảng cộng sản một mình lãnh đạo đất nước là một sứ mạng lịch sử từ đầu thế kỷ 20 cho đến mãi về sau, như tổng bí thư Lê Khả Phiêu đến nay vẫn lái nhải, là một lời nói lấy được, một lời bịa đặt. Hiện nay, đảng cộng sản với đường lối đổi mới nửa vời là một trở ngại, một thảm họa cho đất nước. Đủ rồi! Đủ quá rồi! Hãy chấm dứt chế độ độc đoán! Hãy trả tự do cho nhân dân! Với nền dân chủ đa nguyên tiến tiến, Việt Nam sẽ bặt dậy, tự mình lựa chọn nhân tài, tự tìm ra cách đánh thức mọi tiềm năng, hòa nhập với thế giới hiện đại, làm vệ sinh, dọn dẹp vô vàn rác rưởi mà "đảng đỉnh cao trí tuệ" thật ra là bãi lầy trì trệ, đã để lại ở khắp hang cùng ngõ hẻm.

**Bùi Tín**

## THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)  
 Giá báo một năm: 200 FF  
 Ngân phiếu xin đề  
**VIETNAM FRATERNITE**  
 (xin đừng đề Thông Luận)  
 Địa chỉ liên lạc :  
**THÔNG LUẬN**  
 37 rue du Clos de l'Erable  
 77400 Saint Thibault des Vignes,  
 FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại Đức:

**Nguyễn Thanh Lương**  
 Habsburgerallee 104  
 60385 Frankfurt aM.  
 Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913  
 và thanh toán tiền mua báo dài hạn (60 DM/năm) vào trương mục:  
**Frankfurt Volksbank e G**  
**THANH LUONG, NGUYEN**  
 Konto-Nr: 00 77 70 82 94  
 Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada có thể liên lạc và góp ý kiến với Thông Luận qua địa chỉ:  
**Thong Luan, P.O. Box 7592**  
**Fremont, CA 94537 - 7592**  
 e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo (40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:  
**Mrs Quan-My-Lan**

## THÔNG LUẬN

**Ấn bản Hòa Lan**  
 do **Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam**  
 (Stichting Mensenrechten voor Vietnam)  
 Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**  
 Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan  
 Braamlanden 76  
 7542 CJ Enschede  
 Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52  
 Giá báo một năm: 30 Euro,  
 xin chuyển vào trương mục của hội:  
**Giro nr 6234112**

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với đại diện Thông Luận tại Úc:  
**Mrs. Vuong Bich Ngoc**  
 36 Kallista Road  
 Springvale Vic 3171



# Các vấn đề đang được tranh cãi hiện nay ở Việt Nam trong lĩnh vực Giáo dục

Tôn Thất Long

Nhân được tham khảo một tài liệu về Giáo dục tại Việt Nam do "Hội khuyến học Việt Nam" xuất bản tại Hà Nội, tháng 4/1998, chúng tôi sẽ trình bày, trong số báo này và trong các số kế tiếp, tóm lược các vấn đề đang được tranh cãi hiện nay, và từ hơn một thập niên vừa qua, tại Việt Nam, dựa theo tài liệu này của Hội khuyến học. Điều này có nghĩa là các vấn đề được đưa ra chỉ phản ánh sự suy tư trên một số đề tài nhất định của một giới thâu hẹp trong số các người quan tâm đến Giáo dục ở Việt Nam chứ không phản ánh được toàn bộ hệ thống giáo dục hiện tại ở Việt Nam. Vì vậy, trước khi đề cập tới nội dung của tài liệu, chúng tôi xin nói qua về các mục tiêu và vai trò của Hội khuyến học.

Danh nghĩa chính thức của hội là "Hội khuyến khích và hỗ trợ phát triển giáo dục Việt Nam", tên rút gọn là "Hội khuyến học Việt Nam", được thành lập theo quyết định số 122/TTG ngày 29/02/1996 của Thủ Tướng Chính phủ, cùng thời kỳ lúc Bộ Chính Trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng đang tìm "định hướng phát triển giáo dục đào tạo cho thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa, tiếp theo nghị quyết của hội nghị lần thứ 4 BCHTU về đổi mới sự nghiệp giáo dục đào tạo". Tuy được thành lập do một quyết định của Thủ Tướng Chính phủ nhưng Hội không phải là một cơ quan trực thuộc vào bộ máy chính quyền. Ngược lại, Hội được xác định như là một "tổ chức xã hội, phi chính phủ, hoạt động vì sự nghiệp giáo dục" và hoạt động trong khung khổ như là thành viên của "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam". Nói một cách khác Hội đóng vai trò của một "tổ chức quần chúng", có các chi nhánh ở các địa phương mọi cấp, tư vấn, cổ vũ và hỗ trợ cho các cơ quan chuyên trách của Đảng, của Nhà nước và của Quốc hội chứ không có các quyền quyết định hay thi hành các đường lối về giáo dục.

Tài liệu, mang tên là: Kỷ yếu Hội thảo Khoa học về chuyên đề "Chương trình giảng dạy và mô hình tổ chức hệ thống trường lớp trong nền giáo dục Việt

Nam", đúc kết các bài tham luận trong một hội thảo được Hội Khuyến Học tổ chức vào ngày 08/04/1998. Tuy không phải là một vấn đề an ninh nhưng tài liệu không được phổ biến công khai và người cho phép chúng tôi tham khảo có nhâ ý đặt một điều kiện "không được trích dẫn tên và chức vụ của các tác giả các bài tham luận". Lý do chính vì đây là một tài liệu nội bộ, các ý kiến phát biểu thường là những tranh luận tương phản lẫn nhau trên khía cạnh kỹ thuật của một số vấn đề liên quan đến nền giáo dục. Đây là một tài liệu 250 trang, bao gồm 42 bài viết trên 5 đề mục: Phần chung về giáo dục, Phân ban trong phổ thông trung học, Đại học đại cương và đào tạo hai giai đoạn, Xây dựng đại học sư phạm trọng điểm và Bằng cấp, hiệu quả đầu tư cho giáo dục.

Đây là một tài liệu tương đối khó đọc và khó hiểu. Ngay cả trong những bài phát biểu đi ngược lại đường lối chính thức của Đảng đang được áp dụng, hầu hết đều phải ca tụng các khẩu hiệu mơ hồ như "Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa", "Đổi mới sự nghiệp giáo dục đào tạo", "Giáo dục là quốc sách hàng đầu",... mà Đảng đã đề ra qua các Đại hội hay qua các nghị quyết ở trung ương và mỗi người tùy nghi giải thích các khẩu hiệu đó vào lãnh vực giáo dục. Hầu như đó là điều kiện tối thiểu để bài viết được đăng vào kỷ yếu này. Vì vậy, trong các phần sau, chúng tôi sẽ không đi vào việc trình bày hay tóm lược từng bài phát biểu mà chỉ trình bày các lý do chính đưa đến các tranh luận trên các đề mục này, kèm theo một vài bình luận ngắn trên các ý kiến đã được nêu ra. Cũng cần minh xác thêm nữa là các dữ kiện và số liệu thống kê được nêu ra trong các phần sau cũng đều xuất phát từ tài liệu của cuộc hội thảo và nên được tiếp nhận với mọi đề đặt thường lệ. Mục đích là, qua tài liệu này, trình bày lại cho độc giả biết được các nét chính về các vấn đề đang được tranh cãi hiện nay ở Việt Nam trong lãnh vực Giáo dục.

Nhìn một cách tổng quát, tất cả các vấn đề đã được đặt ra từ sau thời kỳ "đổi

mới", khi hệ thống cộng sản thế giới đang trên đà sụp đổ, khi hệ thống giáo dục theo các mô hình của các xã hội Đông Âu đã trở thành vô hiệu và hoàn toàn bất lực trong việc phát triển kinh tế. Vấn đề đặt ra là cải tổ hệ thống cũ và xây dựng một nền giáo dục mới đáp ứng các mục tiêu của thời kỳ đổi mới.

## Vấn đề phân ban ở Phổ thông trung học.

(Viết phỏng theo tài liệu của Hội Khuyến học Việt Nam)

1. Các mục tiêu của sự phân ban ở Phổ thông trung học.
2. Sự xây dựng các thí điểm phân ban và các điều kiện thực hiện.
3. Các dự luận về sự tiến hành thực hiện Trung học chuyên ban.
4. Một vài nhận xét chung.

Trước đây các hệ thống nhà trường cho đến bậc trung học phổ thông dưới chế độ cộng sản đều được xây dựng trên căn bản không phân ban, với một chương trình duy nhất, áp dụng một nền giáo dục phổ thông chung cho mọi học sinh. Khoảng thời gian đào tạo ở bậc trung học thay đổi từ 9 năm (trước 1975) thành 10 năm và sau đó thành 12 năm để đồng nhất với hệ thống đã được áp dụng ở miền Nam cũng như ở hầu hết các nước trên thế giới. Ngược lại chương trình phân ban trong ba năm của hệ thống trung học đệ nhị cấp ở miền Nam, trước 1975, cũng bị thay thế để theo định hướng không phân ban của chế độ mới.

## 1. Các mục tiêu của sự phân ban ở Phổ thông trung học

Vào khoảng năm 1990, bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra chủ trương phân ban ở cấp trung học. Nghị quyết Trung ương 4, khóa VII nêu lên: "Hình thành bậc trung học mới nhằm chuẩn bị cho một bộ phận học sinh tiếp tục học lên và đa số tốt nghiệp có thể vào đời, giáo dục kỹ năng lao động hướng nghiệp cho học sinh phổ thông theo hướng liên kết giáo dục phổ

thông với giáo dục chuyên nghiệp, hình thành cấp Trung học chuyên ban". Trong thời gian đầu, trước khi thành lập các thí điểm, dự án phân ban được giao phó cho một nhóm vào khoảng 200 cán bộ giảng dạy ở các đại học và ở các trung tâm nghiên cứu để xây dựng các mục tiêu, chương trình, soạn thảo tài liệu giáo khoa và kế hoạch hóa việc thực hiện qua việc thành lập các thí điểm. Nghị định 90/CP ngày 24/11/1993 quy định nền giáo dục phổ thông gồm có ba thời kỳ: Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học chuyên ban. Vị trí của các trường trung học phổ thông được xác định như là "cầu nối giữa phổ thông, đại học và vào đời lao động". Là một cấp của Trung học phổ thông, "Trung học chuyên ban trước tiên phải bảo đảm tính giáo dục toàn diện cho mọi tầng lớp học sinh, nhằm đào tạo một khối lượng văn hóa tối thiểu làm căn bản của một công dân, vừa đào tạo những cơ sở kiến thức kỹ thuật tổng quát cho mọi ngành nghề trong xã hội, đồng thời xem sự phân ban trong mục tiêu hướng nghiệp là một xu hướng hiện đại trên thế giới ngày nay, đang được áp dụng ở nhiều quốc gia như Pháp, Nam hàn, Nam dương, Ba tư..., và cần thiết cho việc phát triển kinh tế. Vì vậy Trung học chuyên ban có ba mục tiêu chính: toàn diện, phân hóa và hướng nghiệp".

Theo các thống kê của chính quyền, chỉ có khoảng 50% học sinh phổ thông có khả năng tiếp tục học lên các trường cao đẳng và đại học và trên thực tế chỉ có khoảng 1/5 số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông được thu nhận vào các trường cao đẳng và đại học. Vì vậy sự phân ban còn có mục tiêu hướng số còn lại, sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông, vào học các trường dạy nghề hoặc vào đời ngay để lao động sản xuất. Trong dự định đầu tiên cấp Trung học chuyên ban, thay thế hệ thống giáo dục cấp III, có ba hướng đào tạo, gọi là ba ban: ban "Khoa học tự nhiên", ban "Kỹ thuật" và ban "Khoa học xã hội" (gọi tắt là ban A, B và C) và dự định phân bố số học sinh vào các ban này là 20% (hoặc 30%) cho ban A, 60% (hoặc 50%) cho ban B và 20% cho ban C, đặt ưu tiên vào việc đào tạo cán bộ kỹ thuật trung cấp cần thiết cho các xí nghiệp sản xuất trực tiếp. Dự luận phụ huynh phản ứng bất lợi, cho rằng ban Kỹ thuật không cho phép học sinh tiếp tục lên bậc đại học và nhất là đội

ngũ giáo viên phụ trách cũng như các phương tiện vật chất bảo đảm các môn kỹ thuật hầu như không có. Vì vậy ban B được đổi thành ban ban "Khoa học tự nhiên và Kỹ thuật", chủ yếu là về kỹ thuật, cho phép học sinh tiếp tục vào học các trường cao đẳng và đại học về kỹ thuật hoặc vào đời lao động sản xuất trong các ngành kỹ thuật. Ban A, với các môn chính về toán, lý, hóa và khoa học tự nhiên, có mục tiêu hướng dẫn học sinh vào học các trường cao đẳng và đại học về khoa học tự nhiên và công nghệ. Ban C, với các môn chính về khoa học xã hội, khoa học nhân văn và ngoại ngữ cho phép tiếp tục theo học các trường cao đẳng và đại học về các môn này hoặc vào đời lao động.

## 2. Sự xây dựng các thí điểm phân ban và các điều kiện thực hiện

Từ niên học 1989/1990, Viện Khoa học Giáo dục đã cho thực nghiệm sự phân ban, trong mục tiêu hướng dẫn học sinh thi vào đại học, tại hai trường phổ thông trung học Hoàn Kiếm (Hà Nội) và Lê Hồng Phong (Nam Định). Năm 1992 Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thành lập ban Chỉ đạo xây dựng đề án nghiên cứu hình thức phân hóa dạy học và, từ niên học 1993/1994, quyết định tiến hành chính thức các thí điểm trường trung học chuyên ban, bắt đầu với hai đặc điểm: phân ban sớm (bắt đầu từ lớp 10) và phân ban rộng (chỉ gồm có ba hướng tổng quát).

### \* Sự thực hiện các thí điểm:

Các thống kê cho biết trong niên khóa 1993/1994 có 14 trường (thuộc 7 tỉnh và thành phố) tiến hành sự phân ban, với 6083 học sinh và 133 lớp, với 78 lớp ban A (59%), 28 lớp ban B (21%) và 26 lớp ban C (20%). Trong niên khóa 1994/1995 có 116 trường dùng làm thí điểm, với khoảng 1000 lớp và 50000 học sinh. Trong niên khóa 1995/1996, 174 trường thực hiện sự phân ban, với 121000 học sinh, 3122 lớp chia thành 1784 lớp ban A (57%), 685 lớp ban B (22%) và 653 lớp ban C (21%). Qua niên khóa 1996/1997 sự phân ban được tiến hành trên hầu hết các tỉnh và thành phố, với 214 trường và khoảng 200000 học sinh (20% tổng số học sinh phổ thông trung học trong cả nước).

Trong các thí điểm trên, sự sắp đặt học sinh vào các ban được thông qua bằng các kỳ thi tuyển, mỗi học sinh chỉ được thi vào một trong ba ban. Đa số học sinh chọn thi vào ban A, số học sinh tự nguyện vào các ban B và C tương đối rất ít và trình độ kém. Các con số nêu ra trên đây là do sự điều chỉnh bắt buộc của các trường, chủ yếu là chuyển học sinh từ nguyện vọng vào ban A qua học ban B. Mặc dù vậy, các dự tính của chính quyền cũng đã đảo ngược giữa hai ban A và B: theo dự tính 20%-30% vào ban A và 50%-60% vào ban B nhưng khi đi vào thực hiện thì ban A chiếm gần 60% và ban B chiếm khoảng 20%. Theo các thống kê, nguyện vọng các học sinh muốn được vào các ban A, B và C là 70-80%, 10% và 10-20%. Phần đông được sắp đặt vào học ban A là do số lượng thi vào ban này quá đông mặc dầu không thỏa mãn trình độ mong muốn và các kết quả học tập rất bị hạn chế.

### \* Sự thực hiện các mục tiêu:

Trên phương diện xây dựng các chương trình của các ban, ba mục tiêu chính: toàn diện, phân hóa và hướng nghiệp gần như không được thể hiện đồng đều. Ngay từ khi thiết kế chương trình, trọng tâm chủ yếu nhằm vào mục tiêu phân hóa quá sớm, các môn học chính ban được ưu tiên đầu tư. Các hội đồng các môn học thường hoạt động độc lập với nhau mà không có sự hợp tác để điều chỉnh tính toàn diện của chương trình. Trong mỗi ban, các môn học phụ ban thường chỉ được thực hiện sơ lược trong khi các chương trình chính ban thường quá nặng, nhất là những môn khoa học tự nhiên, một phần đưa xuống từ chương trình của bậc đại học. Vì vậy dư luận chung thường hay mỉa mai cho rằng phân ban hiện tại ở bậc trung học là một sự "đại học hóa phổ thông", đi ngược lại sự "phổ thông hóa đại học" đang được đồng thời áp dụng ở bậc đại học, với sự thành lập các "Đại học Đại cương" trong các "Đại học quốc gia" mà ta sẽ có dịp đề cập trong các phần sau. Mặt khác việc giảng dạy thiên nhiều về lý thuyết, nhiều trường còn chưa có các phòng thí nghiệm, không có điều kiện để đi vào thực nghiệm để đạt được các mục tiêu hướng nghiệp. Cho đến nay, hội đồng các môn học đã có các cố gắng biên soạn và điều chỉnh một số lượng lớn về sách giáo khoa mới cho từng môn học của các ban. Đối với các

môn chính ban của ban A và C, nội dung chương trình tương đối đã được ổn định và cải tiến nhiều, các sách giáo khoa được đánh giá là tốt, so với các sách giáo khoa cũ. Tuy nhiên, các tài liệu giáo khoa cho các môn chéo ban cũng như các tài liệu tham khảo và sách hướng dẫn cho giáo viên còn ít, thiếu nhiều môn và nội dung sơ sài.

#### \* Các cơ sở vật chất:

Các thí điểm trong năm học đầu tiên được chọn phần đông là các trường có những điều kiện thuận lợi nhất về trình độ giáo chức cũng như về cơ sở vật chất tại các địa phương được chọn. Nhưng nhìn chung cho đến nay, nhiều trường thí điểm vẫn chưa có được các phòng thí nghiệm, các thư viện, các phòng chuyên môn cho các môn học. Mặc dầu các thí điểm phân ban đang được khai triển rộng trên cả nước nhưng vẫn chưa có chỉ mục riêng dành cho đề án phân ban trong ngân sách của bộ Giáo dục và Đào tạo. Kinh phí cho các thí điểm ở Trung học chuyên ban không được coi ở trong chương trình mục tiêu của ngành giáo dục và Đào tạo, ngành này chỉ được cho phép tự cân đối các chi phí của mình. Các nguồn kinh phí chỉ được cấp do sự thỏa thuận tạm thời giữa bộ Giáo dục-Đào tạo và bộ Tài chính. Do đó kinh phí cho các thí điểm phân ban còn thiếu nhiều, chủ yếu mới chỉ được thỏa mãn để trang bị một phần nhỏ các cơ sở vật chất, thiết bị, viết sách giáo khoa, điều hành và bồi dưỡng giáo viên. Kể từ niên khóa 1997/1998, nguồn đầu tư này cũng không còn nữa. Phần lớn các trường thiếu nhiều các thiết bị dùng cho việc dạy học và trang bị cho các phòng thí nghiệm. Nhất là các thiết bị dùng trong việc thực hành các môn kỹ thuật, hướng nghiệp, dạy nghề hầu như không có. Nhất là đối với ban B, các trường thí điểm phải dùng các Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề ở các địa phương để thực tập, học sinh phải trả thêm học phí cho các trung tâm này để được cấp chứng chỉ học nghề. Không những thế, vì số chỗ hạn hẹp trong các trung tâm này, sự nói rộng các thí điểm phân ban sẽ gặp nhiều khó khăn, chưa nói gì khi muốn áp dụng sự phân ban đại trà trên qui mô cả nước.

#### \* Các cơ sở về nhân sự:

Trên bình diện tổng quát về nhân sự, người ta ước lượng hiện nay ở Việt Nam

thiếu khoảng 200000 giáo viên các cấp trong đó cấp 3 thiếu 4000 giáo viên. Thêm vào đó phải kể thêm hàng năm có khoảng 20000 giáo viên về hưu hoặc chuyển qua các ngành khác. Nếu áp dụng đại trà chuyên ban thì thiếu thêm 15000 giáo viên nữa trong khi đó các trường đại học sư phạm hiện có chỉ có thể đào tạo được khoảng 3000 giáo viên mỗi năm. Các số liệu này cho ta thấy rõ các khó khăn trong việc thực hiện sự phân ban ở phổ thông trung học. Nhìn chung thì các trường thí điểm phân ban chưa có được đội ngũ giáo viên được đào tạo đầy đủ trước để thực hiện giảng dạy các chương trình phân ban, chủ yếu chỉ dựa vào đội ngũ cũ và tiến hành tập huấn, vừa tự học vừa dạy. Các trường đại học Sư phạm cũng chưa xây dựng được các chương trình đào tạo dài hạn các giáo viên cho sự phân ban. Vì vậy đội ngũ giáo viên ở các trường phân ban chưa đồng bộ theo các môn học, thiếu các giáo viên ở các môn kỹ thuật ứng dụng, giáo dục công dân, ngoại ngữ, tin học,... đa số chỉ được bồi dưỡng ngắn hạn và dạy chéo nghề, dạy quá thời gian. Chế độ bồi dưỡng vật chất cho các giáo viên dạy quá thời gian qui định chỉ được thực hiện trong hai năm đầu và hiện nay không còn nữa. Trong niên khóa đầu tiên 1993/1994, bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp thực hiện bồi dưỡng kiến thức cho giáo viên 14 trường thí điểm; sau đó bộ chỉ tiến hành bồi dưỡng ngắn hạn và sơ lược cho các cán bộ cốt cán ở các tỉnh, các thành phố và các trường sư phạm để về tập huấn lại ở các địa phương. Kể cả các lớp do bộ trực tiếp điều hành, chất lượng bồi dưỡng giáo viên còn thấp và, theo đánh giá của viện Khoa học giáo dục, chỉ có khoảng 50% giáo viên có thể đạt được các yêu cầu phân ban.

### 3. Các dự luận về sự tiến hành thực hiện Trung học chuyên ban

Các tài liệu tổng kết các năm thí điểm trên đây về trung học chuyên ban năm 1996 và 1998 và các văn bản chính thức của bộ Giáo dục và Đào tạo gửi lên Hội đồng chính phủ và các cấp thẩm quyền của Đảng đi đến các kết luận "khẳng định chủ trương phân ban là đúng, cần thiết với yêu cầu và xu thế chung của giáo dục hiện đại khu vực và quốc tế" và kết luận "cần đẩy nhanh tiến độ và triển khai sớm đại trà trung học chuyên ban". Các lý do

binh vực cho khuynh hướng này đã được trình bày trên đây. Mặc dầu các khó khăn ban đầu vì chưa kinh nghiệm, điều quan trọng là phải rút các kinh nghiệm của các thí điểm để thực hiện đề án trong tương lai và nhất là phải tìm cách giải thích cho dư luận quần chúng thấy rõ các mục tiêu của sự phân ban.

Khi tham khảo các phát biểu trong tài liệu của Hội khuyến học, ta có thể nhìn thấy ngay là dư luận tổng quát lại phản ứng ngược lại, cho rằng sự phân ban đã thực hiện trên các thí điểm đã không đạt được các kết quả mong muốn vì thiếu hẳn các phương tiện cụ thể thực hiện trên các thí điểm như đã được trình bày trên đây. Sự phân ban trên các thí điểm đã gặp phải rất nhiều khó khăn, chỉ thu được các kết quả không chính xác về sự phân hóa các kiến thức và hoàn toàn không thể thực hiện về các mục tiêu toàn diện và hướng nghiệp, mặc dầu có được các điều kiện thuận lợi nhất. Do đó không thể tiếp tục sự phân ban như hiện tại lên 80% số học sinh còn lại ở cấp III. Phần đông cho rằng đường lối do Đảng đề ra từ 1950 về tính "toàn diện" và tính "phổ cập" của phổ thông trung học, đã áp dụng thành công và đi vào nề nếp, đào tạo cho mọi công dân những kiến thức chung tối thiểu về khoa học tự nhiên cũng như về khoa học xã hội và nhân văn, dầu là phải ra đời lao động hay được tiếp tục được đào tạo ở bậc Đại học. Không những thế, đa số cho rằng tính toàn diện cũng đã được thể hiện trên đa số các quốc gia tiên tiến ngày nay. Trong số 5 quốc gia có các nền giáo dục được thừa nhận là tiêu biểu nhất trong hai thế kỷ vừa qua (Anh, Đức, Liên Xô, Hoa Kỳ và Pháp), đa số đều không thực hiện sự phân ban ở trung học, chỉ có Pháp là có sự phân ban nhưng cũng chỉ thực hiện ở một năm cuối cùng ở bậc trung học mà thôi. Ngoài ra còn có hai lý do quan trọng nêu ra sau đây để phản bác sự phân ban, liên quan tới các cơ cấu tổ chức đang được thực hiện ở bậc đại học.

Trước tiên, sự phân ban ở trung học làm rối loạn các tổ chức ở trung học và tuyển sinh vào các trường đại học. Sự phân ban cũng chỉ thực hiện từng phần ngay cả trên bình diện của mỗi trường ở các địa phương. Trong thời gian thực hiện sự phân ban ở các thí điểm, vừa tồn tại hai chế độ ở bậc trung học, vừa tồn tại hai chế độ thi tuyển vào các trường đại

học tùy theo sự lựa chọn bài thi theo chương trình phân ban hay không phân ban, với hai đề thi có trình độ khác nhau, với hai thang điểm khác nhau. Một phần khác, vì sự thi tuyển vào đại học chủ yếu dựa trên ba môn học chính là toán, văn và ngoại ngữ nhưng cả ba môn này đều không phải là chương trình chủ yếu của ban B nên học sinh ban B gặp phải nhiều khó khăn khi thi vào đại học, cần phải học thêm nhiều chương trình khác trước khi dự thi. Điều này giải thích sự từ chối của học sinh lựa chọn ban B, trong khi mục tiêu ban đầu của sự phân ban là hướng đa số học sinh vào ban này, thực hiện mục tiêu phân luồng và hướng nghiệp.

Trong khi thực hiện sự phân ban với một sự chuyên môn hóa quá sớm và quá nặng thì ở đại học lại áp dụng một cái cách trái ngược. Sự thành lập các "đại học quốc gia" với chủ trương đào tạo hai giai đoạn mà giai đoạn đầu kéo dài một năm rưỡi lại có mục đích nhằm "toàn diện hóa" các kiến thức tổng quát, trước khi được đào tạo chuyên môn của ngành học chính. Giai đoạn đào tạo này được giao phó cho một loại hình đại học mới gọi là "Đại học đại cương", có mục đích bổ túc cho mọi sinh viên các kiến thức tổng quát về khoa học tự nhiên cũng như về khoa học xã hội. Chẳng hạn trong các ngành đào tạo kỹ thuật, và song song với sự phân ban đã được thực hiện ở bậc trung học, muốn cho mọi sinh viên có cùng một kiến thức tổng quát trong hai năm đầu về khoa học nhân văn thì phải giảm bớt chương trình đào tạo chuyên môn cũ của hai năm đầu, đồng thời đưa vào chương trình một số môn học căn bản tổng quát về văn học, về khoa học xã hội, ... đã không được giảng dạy ở trung học ở ban A hay ban B trong chế độ phân ban. Các vấn đề tương tự cũng được đặt ra trong các ngành đào tạo khác. Vì vậy khi sự phân ban ở trung học kéo theo việc "đại học hóa trung học" thì sự xuất hiện của các đại học đại cương lại là sự "trung học hóa đại học", làm giảm trình độ chuyên môn và trái ngược với chủ trương của sự phân ban ở trung học. Nói một cách khác, nếu nói chủ trương phân ban là không phù hợp với giáo dục phổ thông thì giai đoạn đào tạo ở đại học đại cương sẽ làm giảm đi sự chuyên sâu trong các đào tạo nghề nghiệp: chương trình quá nặng ở bậc trung học và quá sơ sài ở đại

học. Hai cái tỏ mâu thuẫn nhau trên đây ở trung học và ở đại học chứng tỏ rằng các nhóm phụ trách các cải cách này đã hoạt động độc lập với nhau, không có sự trao đổi quan niệm, mặc dầu... cả hai đều làm việc trên một lãnh vực chung là cải cách giáo dục và trực thuộc vào một bộ duy nhất là bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhiều người cho rằng trên thực tế chỉ có một số cán bộ thuộc cấp "quản lý" trong bộ được tham gia xây dựng các đề án rồi chỉ thị xuống áp dụng mà không có sự tham gia của các chuyên viên về khoa học cơ bản.

Hiện nay có hai khuynh hướng chính thể hiện sự chống đối đối với sự phân ban như đang làm. Khuynh hướng thứ nhất đòi chấm dứt sự phân ban hiện nay, ngay từ niên học 1998/1999, trở lại hệ thống phổ thông cũ và thêm vào đó là một sự đổi mới về các phương pháp giáo dục và đào tạo trong chiều hướng tạo điều kiện cho học sinh phát triển tư duy độc lập, biết cách tự học, tự nghiên cứu, khơi động óc sáng tạo cá nhân, ... thay vì các phương pháp cũ chỉ chú trọng đến việc truyền thụ một chiều, tiếp thu thụ động. Khuynh hướng thứ hai muốn làm giảm các khó khăn hiện tại, về cơ sở vật chất cũng như về nhân sự, bằng cách áp dụng một sự phân ban hẹp, chỉ phân ban một năm ở lớp 12 theo định hướng vào các trường cao đẳng chuyên nghiệp và đại học, thay vì sự phân ban rộng kéo dài trên ba năm với các lớp 10, 11 và 12. Với cách này thời gian thực hiện các cải cách cũng như các khó khăn về cơ sở vật chất sẽ bớt đi ba lần.

#### 4. Một vài nhận xét chung

Nếu phải đưa ra ở đây một vài lời bình luận về các sự kiện trên đây thì có lẽ ai ai trong chúng ta cũng khó có một câu trả lời dứt khoát, có nên hay không nên thực hiện sự phân ban ở bậc trung học phổ thông?. Câu hỏi đặt ra không thể chỉ có một cách trả lời đơn giản là "có" hay "không". Muốn có một câu trả lời chính xác thì phải có đầy đủ các dữ kiện cụ thể, phải nhìn lại các thành quả của hệ thống không phân ban cũ, thực chất của hệ thống mới và xem hệ thống giáo dục phổ thông cũ đã xây dựng được cái gì cho xã hội Việt Nam, trên cả hai phương diện, về văn hóa tinh thần cũng như trên khía cạnh đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế. Vì không phải là mục đích của bài viết,

chúng ta sẽ không tìm cách phê phán trong chiều hướng này. Ngược lại, bỏ qua mọi khía cạnh bình luận và so sánh về nội dung của hệ thống giáo dục trung học cũ và mới, chúng ta chỉ đưa ra sau đây một vài bình luận hình thức tổng quát trên phương diện khả thi của đề án phân ban.

Nói chung thì đặt vấn đề cải cách giáo dục, ở bậc trung học hay ở bậc đại học, luôn luôn là một điều phải làm và phải làm một cách thường xuyên, không phải riêng gì đối với Việt Nam mà còn đúng với bất kỳ ở đâu. Trên thế giới lưu thông ngày nay, không có gì là bất biến. Ai ai ở trên các nước tiên tiến đều trông thấy điều đó. Vì vậy khi có người trong chế độ hiện tại muốn tìm cách cải tổ nền giáo dục thì đó là một điều đáng được khuyến khích và khi nhiều người tìm cách bám lấy hình thức những cái gì đã có, mặc dầu đã thấy rõ các điều sai trái, thì đó là một điều đáng trách. Nhưng giá trị và sự thành công của một dự án không bắt buộc chỉ phụ thuộc vào các mục tiêu mà mình muốn đặt ra. Đặt một mục tiêu quá đồ sộ, quá khả năng thực hiện hay khi đưa ra thực hiện thì làm ngược lại, là một điều mà ta thường thấy trong các xã hội cộng sản, không riêng gì đối với trường hợp của Việt Nam, không riêng gì trong lãnh vực giáo dục, trong quá khứ cũng như trong hiện tại... Mọi dự án chỉ có một giá trị thực sự khi nó ước đoán được các điều kiện cụ thể, các phương tiện và cơ sở vật chất cần thiết để thực hiện dự án đặt ra mà không tương phản với các điều khác đang được thực hiện. Điều quan trọng là sự khả thi của dự án, không phải là điều mà ta mơ ước!! Đặt ra những vấn đề mà ta không thể có các điều kiện thực hiện là một điều "không tưởng"... Vì vậy khi xét đến cải tổ ở bậc trung học hiện nay thì điều quan trọng là phải xét đến các điều kiện thực hiện cụ thể và sự phù hợp của sự dự án đối với các cải tổ đang được thực hiện ở bậc đại học. Trên cả hai phương diện, các dữ kiện mà nhiều người đã đưa ra như trong tài liệu của Hội khuyến học chắc cũng không cần phải bổ túc thêm.

**Tôn Thất Long**

**Đọc và cổ động  
đặt mua đại hạn  
báo Thông Luận**

Một vài suy nghĩ về

## Việt Nam vào đầu thế kỷ 21

Wương Văn Đông

Bước vào thế kỷ 21, quan tâm hàng đầu của dân tộc Việt Nam là tự do, dân chủ, phát triển kinh tế và những vấn đề an ninh ở biên giới. Tất cả những vấn đề lớn này đều liên hệ và ảnh hưởng lẫn nhau.

Về tự do dân chủ thì sau khi chế độ cộng sản Liên Bang Xô Viết sụp đổ, nhiều người lạc quan cho rằng thời đại dân chủ đã tới, và tiên đoán rằng sự xung đột giữa những ý thức hệ sẽ chấm dứt. Điều tiên đoán này nếu không sai nhưng cũng không phải là chính xác. Bởi vì thay vào chỗ tranh chấp về một mô hình xã hội thì nay lại xảy ra sự tranh chấp vì phân biệt chủng tộc và tôn giáo. Mười năm sau khi tổ quốc của những người cộng sản đổ xuống, giấc mơ của người dân Nga và các nước hậu cộng sản được có một cuộc sống tươi đẹp cũng tan rã.

Francis Fukuyama, một nhà chính trị học trong tác phẩm *Đoạn cuối của lịch sử*, đưa ra lý thuyết cho rằng sự thắng lợi của dân chủ tự do đối với chủ nghĩa cộng sản đánh dấu cuộc chiến đấu vĩ đại cuối cùng của nhân loại. Nhưng cho tới nay, những chế độ độc tài vẫn còn đầy rẫy trên thế giới, và cuộc tranh đấu cho tự do dân chủ vẫn phải tiếp diễn. Lãnh đạo của các quốc gia độc lập trong Liên Hiệp Nga, hậu thân của Liên Bang Xô Viết, vẫn là những thành phần lãnh đạo cũ của đảng cộng sản, cũng như các quốc gia ở Đông Âu hay Liên Bang Nam Tư. Có thay đổi thì chỉ là danh từ. Ngày nay họ trở thành những người quốc gia hay xã hội. Chế độ mang nhân hiệu khác, đi vào chủ nghĩa tư bản với đường lối kinh tế thị trường. Sự tan vỡ của chế độ cộng sản có hậu quả là thế giới chỉ còn một mô hình là chế độ dân chủ, kinh tế thị trường với lý tưởng tôn trọng nhân quyền.

Tuy nhiên, như đã viết ở trên, các quốc gia cộng sản cũ với những cơ cấu chính trị sẵn có, với sự vắng mặt một tầng lớp giao thời có tư duy mới nên những thay đổi chỉ là hình thức. Các nhà nước của chế độ mới cũng vội vã tư hữu hóa các xí nghiệp quốc doanh. Nhưng tư hữu hóa chỉ nhằm cơ hội để thành phần lãnh đạo biến tài sản quốc gia thành tài sản cá nhân. Có thể nói là những quốc gia cộng sản cũ đã đi vào một thứ chủ nghĩa tư bản quyền uy, chứ không phải đi vào chủ nghĩa dân

chủ. Dù chế độ cộng sản không còn nhưng cơ cấu tổ chức cộng sản vẫn còn nên lãnh đạo cũ vẫn giữ được địa vị ưu thế.

Ngoài những quốc gia theo chế độ cộng sản kể trên còn một số quốc gia ở Á Châu chung quanh khu vực Thái Bình Dương, ở Nam Mỹ và Phi Châu mà đời sống chính trị bị chi phối bởi quân đội với một chánh sách không hoàn toàn độc đảng nhưng thực sự không có dân chủ. Nguyên do có lẽ là những quốc gia này do hoàn cảnh lịch sử, không có truyền thống dân chủ hậu quả của một nền văn hóa tôn trọng đẳng cấp, nên các đảng phái hoặc của chánh quyền hoặc chỉ là hình thức do chánh quyền tạo ra cho có bộ mặt dân chủ, vì vậy quân đội tự nhiên là lực lượng duy nhất có tổ chức, có lãnh đạo, ảnh hưởng đến đời sống chính trị. Cũng vì không có truyền thống dân chủ và dân trí thấp nên thiếu một xã hội dân sự hoặc nếu có thì quá yếu kém, không ý thức chính trị về giai tầng xã hội của mình để có thể làm đối trọng với chánh quyền.

Qua quá trình sụp đổ của chế độ cộng sản Liên Bang Xô Viết và các quốc gia Đông Âu và sự chuyển biến sang tư bản chủ nghĩa, người ta thấy sự thay đổi phần lớn do tranh chấp nội bộ về phương sách ra khỏi tình trạng kinh tế suy sụp hơn là một quá trình dân chủ hoá chế độ. Ngoại trừ một vài trường hợp như Ba Lan mà xã hội dân sự như nghiệp đoàn Solidarité với sự ủng hộ hữu hiệu của giáo hội Thiên Chúa Giáo đã thành công trong công cuộc nắm được chánh quyền từ tay những người cộng sản.

Người ta có thể dự kiến rằng trường hợp Việt Nam cũng sẽ xảy ra theo quá trình đó. Việt Nam chắc chắn sẽ phải qua một giai đoạn giao thời trước khi đi đến dân chủ. Vì trong hoàn cảnh toàn cầu hoá về phương diện tài chánh và kinh tế, chiến tranh lạnh đã cáo chung, không còn hai cực ý thức hệ cạnh tranh nhau nên các chế độ độc tài, trong đó đảng và nhà nước lẫn lộn với nhau, nếu muốn được sự công nhận của thế giới về phương diện ngoại giao, được gia nhập các tổ chức kinh tế thương mại hay được viện trợ thì ít ra cũng phải cố gắng đưa ra một bộ mặt dân chủ như tổ chức tuyển cử, lập một nhà nước pháp trị, tôn trọng một ít nhân quyền.

Tuy nhiên đối với dân tộc Việt Nam, đây mới chỉ là vấn đề chế độ cộng sản Việt Nam biến thể hay sụp đổ, chứ chưa phải là vấn đề thiết yếu là chế độ hậu cộng sản có thật dân chủ và pháp trị hay không. Tình trạng này chỉ là một tình trạng giao thời. Chính trong giai đoạn này là giai đoạn mà mọi tầng lớp trí thức, ngành nghề, nghiệp đoàn và tổ chức tư nhân (ONG) bảo vệ thiên nhiên và môi sinh, bảo vệ nhân quyền cần phải đảm nhiệm được công cuộc xây dựng một xã hội dân sự, điều kiện cốt yếu tiến lên dân chủ. Khái niệm xã hội dân sự đã có từ xưa. Nhưng từ sau thế chiến thứ hai, xã hội dân sự theo Antonio Gramsci, một lý thuyết gia Mac Xít có ảnh hưởng lớn trong những năm 1970-80, thì xã hội dân sự là một điểm chốt hoạt động độc lập chống mọi chuyên chế. Và trong những năm 90, chiều hướng toàn cầu tiến tới dân chủ đã mở ra một cơ hội phát triển cho xã hội dân sự tại các quốc gia chuyên chế cũ. Xã hội dân sự tuy nhiên phải hiểu như một khái niệm rộng, bao gồm tất cả những hội đoàn, những tổ chức tư nhân, các nghiệp đoàn, các tổ chức ngành nghề đứng ngoài Nhà nước. Nhưng cũng nên ý thức là các tổ chức này tại các nước tiên tiến dân chủ Tây Phương khi phát triển tới mức cao cũng mang theo một yếu tố tiêu cực của tinh thần phường hội.

Do truyền thống văn hoá, chế độ hậu cộng sản ở Việt Nam không phải sẽ tự nhiên đi vào một kỷ nguyên dân chủ dễ dàng mà ngược lại đòi hỏi nhiều cố gắng của mọi tầng lớp để có thể, trước tiên, xoá được hết những hậu quả tai hại của hận thù và tư duy văn hoá chính trị Khổng Mạnh cũng như văn hoá một chiều của cộng sản. Sau đến, khắc phục được những khó khăn để xây dựng kiến thiết đất nước, bắt kịp được đà phát triển của các quốc gia khác. Do đó con đường dân chủ hóa Việt Nam còn nhiều trở ngại và chông gai. Trong tình trạng hiện tại của Việt Nam, điều kiện tiên quyết của quá trình dân chủ hóa là tách rời vai trò của Nhà nước với đảng. Đảng và Nhà nước lẫn lộn thì trách nhiệm không rõ rệt, và Nhà nước ở trong tình trạng yếu kém, bất lực không đảm nhiệm được vai trò chính của mình là quản lý đất nước. Sau đó là thay đổi tư duy. Cơ cấu tổ chức chính trị tuy đóng vai trò quan trọng nhưng tư duy tầng lớp lãnh đạo không thay đổi thì Nhà nước vẫn có xu hướng và khả năng chuyên chế. Sau cùng quá trình dân chủ hoá đòi hỏi ở mỗi người dân, mỗi tổ chức của xã hội dân sự một vai trò tích cực, luôn luôn phải đấu tranh với những vi



phạm từ phía chính quyền. Phải quan niệm tự do dân chủ là một lý tưởng phải thường xuyên tranh đấu giành lấy chứ không thể là một ân huệ do Nhà nước ban phát cho.

Về phương diện phát triển kinh tế, trong thời buổi toàn cầu hoá về mọi mặt, kinh tế, tài chính, thương mại lẫn chính trị và ngoại giao, Việt Nam cũng sẽ gặp những khó khăn gây ra bởi những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến đường lối chính trị nội bộ. Những quốc gia Á Châu đã gặp những khủng hoảng tài chính trầm trọng vừa qua vì hiện nay sức mạnh tài chính không có ranh giới quốc gia và ranh giới chính trị.

Nhưng phát triển kinh tế không phải chỉ thu gọn trong vấn đề tăng trưởng mức sản xuất. Phát triển kinh tế còn có nghĩa vụ xã hội là đảm bảo được công bằng xã hội. Ngoài ra, như ý kiến của Amartya Sen, giải thưởng Nobel về kinh tế năm 1998, là một quốc gia không thể có một nền kinh tế tốt đẹp nếu thiếu một nền dân chủ thực sự. Khẳng định của Amartya Sen đã phá vỡ những chủ trương cho rằng có thể phát triển kinh tế mà không cần dân chủ, hoặc những ý kiến của một vài nhà lãnh đạo Á Châu về vai trò của giá trị Châu Á trong sự thành công của vài quốc gia như Tân Gia Ba và Nam dương v.v.. Nhưng sự sụp đổ của chế độ Suharto đã chứng minh rằng những quốc gia đó tuy có phát triển do một hoàn cảnh mới của nền thương mại quốc tế, nhưng thực ra đã mang trong mình một yếu tố phá sản khi hoàn cảnh tài chính thay đổi. Chính vì không có dân chủ nên Nhà nước đã không có những cơ chế để kiểm soát và điều chỉnh sinh hoạt kinh tế, đưa tới sự hao phí hoặc chiếm đoạt tài sản quốc gia, không chế ngự được tham nhũng, càng lên cao trách nhiệm tham nhũng càng nhiều. Không dân chủ nên các chế độ độc tài cộng sản hay không cộng sản đã tạo ra một tầng lớp tư bản gia đình, bè bạn lợi dụng địa vị để thao túng hệ thống ngân hàng, chi phối đường lối đầu tư vì tư lợi. Vì vậy, Việt Nam không thể có phát triển kinh tế vững chắc và ổn định nếu không có một chính quyền thực sự dân chủ, pháp trị.

Về an ninh của Tổ Quốc thì lịch sử cho thấy là đất nước mỗi lần nguy vong đều do nạn ngoại xâm. Có thể nói là ngoại xâm phần lớn đều bắt nguồn từ sự chia rẽ của dân tộc hay đúng hơn chia rẽ của từng lớp lãnh đạo chính trị muốn bảo vệ quyền lợi riêng tư cho triều đại, cho tôn giáo hay giai tầng xã hội của mình, giúp cho ngoại

bang một cơ hội hay một cơ để can thiệp vào nội bộ quốc gia. Đặc biệt là với quốc gia láng giềng to lớn phương Bắc hay trong một phạm vi nhỏ hẹp hơn với một nước Thái Lan luôn luôn cạnh tranh ảnh hưởng với Việt Nam để chi phối Lào và Cao Miên, hai nước đệm cho nền an ninh của Việt Nam.

Vị trí chiến lược của Việt Nam nằm trên con đường bành trướng chủ nghĩa bá quyền truyền thống của Trung Quốc, đặt Việt Nam vào một thế quốc phòng cực kỳ khó khăn. Cho tới nay, Trung Quốc luôn luôn coi Việt Nam là một chư hầu nằm trong vùng ảnh hưởng của họ. Hơn nữa Trung Quốc ngoài lực lượng quân sự quan trọng còn có một tiềm năng lớn để thao tác chính trị Việt Nam qua sự liên hệ của họ với những dân tộc thiểu số ở vùng Bắc Việt Nam, với cộng đồng người Hoa ở Việt Nam, với một số những cán bộ chính trị và quân sự được huấn luyện ở Trung Cộng v.v.. Trước một tình thế chiến lược như vậy, Việt Nam sẽ thi hành một chính sách nào để có thể vừa bảo vệ được độc lập, toàn thể lãnh thổ và hoà bình, để xây dựng đất nước?

Thần phục hay đối kháng? Trung lập hay liên minh với các quốc gia Đông Nam Á? Hay tìm cách dựa vào các siêu cường về phương diện quân sự để giữ thế quân bình?

Sau khi Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam năm 1975 và sau này khỏi các căn cứ ở Phi Luật Tân, Việt Nam đã ký một Hiệp Ước Hữu Nghị và Hợp Tác năm 1978 với Liên Bang Xô Viết nhằm mục đích giữ một thế quân bình đối với Trung Cộng. Nhưng trong suốt thập niên 80 cho tới 1991, với sự tan rã của chế độ cộng sản, Nga đã không còn phương tiện để giúp Việt Nam về phương diện đảm bảo an ninh. Đến thời điểm này chính quyền cộng sản Việt Nam thấy sự tham gia của hạm đội Hoa Kỳ ở vùng biển Đông và Thái Bình Dương là cần thiết để giữ thế quân bình giữa các lực lượng trong vùng, đồng thời là yếu tố khích lệ quyết tâm ngăn chặn của các quốc gia Đông Nam Á trước mưu đồ bành trướng thế lực của Trung Cộng xuống phía Nam nhằm chi phối hoặc đe dọa đường lưu thông hàng hải từ Nhật đến Đông Nam Á.

Thần phục Trung Cộng thì chủ quyền Việt Nam bị đe dọa. Đồng thời có thể gây ra những mâu thuẫn với một số quốc gia trong vùng vẫn coi việc hình thành một khối Trung Cộng-Việt Nam là mối đe dọa. Liên minh phòng thủ với những quốc gia trong khối Asean cũng khó khăn

vì ngoài Nam Dương và Mã Lai chia sẻ mối lo ngại của Việt Nam, Thái Lan không những luôn luôn có thái độ cạnh tranh với Việt Nam đồng thời muốn có một sự giao hảo với Trung Cộng, chủ trương thiết lập một đường nối liền Nam Trung Quốc qua Lào, Miến Điện và Thái Lan nhằm tạo nên một khu vực kinh tế về phía Tây Việt Nam đặt Lào trong vùng ảnh hưởng.

Tìm hậu thuẫn quân sự ở Hoa Kỳ hay Nhật bản thì cũng chưa phải thời cơ, khi thế giới không còn chia thành hai cực ý thức hệ. Và chắc chắn hai quốc gia này trong giai đoạn hiện tại coi vấn đề liên hệ với Trung Cộng quan trọng hơn với Việt Nam về nhiều phương diện.

Đối kháng thì Việt Nam ở trong một tình trạng kinh tế, tài chính yếu kém, mâu thuẫn giữa Nhà nước và xã hội càng ngày càng tăng, cùng với mâu thuẫn nội bộ giữa tầng lớp lãnh đạo, nên ngoài vấn đề chưa thống nhất một đường lối đối với Trung Cộng còn không có khả năng tài chính để trang bị cho hải, lục, không quân những vũ khí và phương tiện điện tử tối tân cần thiết cho nhu cầu của một cuộc chiến hiện đại.

Vì vậy, Việt Nam về phương diện an ninh quốc phòng hiện ở một thế yếu kém lớn về mặt quân sự. Bù vào đó, Việt Nam đã không còn bị cô lập trên bình diện ngoại giao, đã là thành viên của Asean từ tháng 7 năm 1995; đã thiết lập ngoại giao với Hoa Kỳ v.v..

Tóm lại dân chủ hóa chính quyền là việc sống còn của Việt Nam trong tương lai. Dân chủ hóa chế độ để phát triển kinh tế, để tạo một tư duy mới, để chặn đứng những nguy cơ phân hóa giữa người Việt, giữa những đồng bào thiểu số, giữa các vùng đất nước. Có phát triển kinh tế mà thiếu dân chủ thì mâu thuẫn giữa chế độ và xã hội vẫn không giải quyết được nếu không muốn nói là một ngày một thêm trầm trọng, tham nhũng sẽ càng gia tăng, không thể chế ngự được, gây nên bất ổn định chính trị và bất ổn định xã hội. Có dân chủ mới có hy vọng hoà giải, mới gây được hoà bình trong lòng người Việt để tiến tới đoàn kết, một yếu tố quan trọng bổ sung cho nền an ninh quốc phòng. Tuy nhiên tự do dân chủ phải là trách nhiệm và đóng góp của mỗi người Việt Nam, của tất cả nhân dân Việt Nam,

Hội nghị Diên Hồng phải là bài học cho tất cả mọi người.

**Vương Văn Đông**  
Tháng Giêng năm 2000

# Grande Fête du Nouvel An Vietnamien

## TẾT 2000 "ANNÉE DU DRAGON"

Samedi 19 Février 2000  
A partir de 17h00



**Salle des Fêtes Jacques Brel**  
Rue du Plateau  
77340 Pontault-Combault

### Au programme :

- Démonstrations de VOVINAM Việt Võ Đạo
- Défilés de tuniques traditionnelles
- Spectacles artistiques
- Tombola, Traiteur
- Soirée dansante avec orchestre et D.J.  
de 22h00 à 2h00

### Organisé par les associations :

- VOVINAM VVD Ile-de-France
- Solidarité France - Việt Nam
- Hoa Lu
- Avenir
- ASSORY

Et avec les participations de :

**AGENCES  
AIR FRANCE**  
- LOGNES -

Restaurant  
**CÔ BA SÀI GÒN**  
181, rue Ju Fabourg St-Honoré  
Paris 8<sup>ème</sup>



### Participation :

|  | En prévente | Sur place |
|--|-------------|-----------|
| Enfants à partir de 8 ans et étudiants | 80 Frs      | 100 Frs   |
| Adultes                                | 100 Frs     | 120 Frs   |

Renseignements au 01.48.81.84.47 (Ngô), au 06.62.18.09.69 (Thảo) ou au 06.11.08.16.46 (Hoàng)

# PROGRAMME DES FESTIVITÉS DU TÊT 19/02/2000



## ❖ DÈS 17H

Démonstrations d'Arts martiaux exécutés par les clubs franciliens de VOVIVAM - VIETVODAO

- ☞ Sur plusieurs tatamis : casses, combats, prises d'auto-défense
- ...
- ☞ Concours de tir à la corde entre les différents clubs : Avis aux supporters !!!

## ❖ 20H - 21H30 PROGRAMME ARTISTIQUE

- ☞ Chants des élèves de cours de vietnamien de l'association Avenir
- ☞ Danse présentée par 4 élèves de l'association Avenir
- ☞ Compilation de plusieurs chants traditionnels de style Quan Ho, du nord Viet Nam
- ☞ Danse du ruban de soie
- ☞ Défilé de costumes traditionnels (partie I) : variations sur le thème du Ao dài, la tunique traditionnelle vietnamienne
- ☞ Tombola dont le premier prix est Paris-Bangkok.  
ou Paris - Saigon
- ☞ Présentation d'art martiaux : sauts en ciseaux présentés par les ceintures noires du Vovinam
- ☞ Danse mettant en scène le maniement artistique de l'épée
- ☞ Danse du bambou : 14 jeunes vous présentent une des plus énergiques et rythmées des danses vietnamiennes
- ☞ Défilé (partie II) des autres costumes traditionnels du Viet Nam

## ❖ 22H - 02H00 SOIRÉE DANSANTE

- ☞ Animée par le Groupe Trung Duong

## Việt Nam và Á Châu thế kỷ 21

LTS. Vào dịp đầu năm 2000 chương trình tiếng Việt của Đài Á Châu Tự Do đã phát thanh bài phỏng vấn ông Carlyle Thayer về đề tài "Việt Nam và Á Châu Thế kỷ 21". Ông Carlyle Thayer là một trong những chuyên gia hàng đầu về vấn đề Việt Nam và vấn đề an ninh trong toàn vùng. Vào giữa thập niên 90, ông Thayer là giáo sư tại Học viện Quốc phòng Úc ở Canberra. Đến năm 1997 ông là giám đốc nghiên cứu của Hội đồng An ninh Úc châu. Và từ năm 1999 tới nay, ông giữ chức vụ phó chủ tịch Học viện Á Châu-Thái Bình Dương về an ninh, trụ sở đặt tại Hawaii, Hoa Kỳ. Cuộc phỏng vấn do Ánh Chân thực hiện. Dưới đây là bản dịch ra tiếng Việt.

**Hỏi** - Thưa Giáo sư, trong bài thuyết giảng tại Hội nghị Âu châu - Việt Nam lần thứ 4 họp tại Đại học đường Passau hồi tháng Chín vừa qua, sau khi duyệt qua năm lần Hội nghị của BCHTU / DCSVN trong năm 1999, giáo sư có nói đến các bè phái trong nội bộ Đảng. Xin giáo sư cho biết trong Bộ Chính trị và BCHTU có bao nhiêu phái? Có những chỉ dấu nào có thể giúp nhận ra rằng ông A thuộc bè này, ông B thuộc phái kia? Có các yếu tố như: gốc cùng một địa phương, gốc quân đội hay là công an, gốc là cấp ủy có thực quyền hay là chỉ làm công tác nghiên cứu, hoặc là tuổi tác già trẻ vv... các yếu tố đó có khiến cho một số ủy viên cùng một gốc kết hợp với nhau thành từng bè phái?

**Đáp** - Tôi muốn trả lời câu hỏi này là có và không. Nếu ta dùng ý nghĩa thông thường của từ bè phái là một nhóm người trong một tổ chức có chung những tín điều nhưng không phải là bao giờ cũng đồng ý với tổ chức, theo ý nghĩa đó, thì có tình trạng bè phái. Nói rằng có tình trạng bè phái cũng bởi vì chính các nhà lãnh đạo đảng có những lúc đã nêu ra rằng chủ nghĩa bè phái trong nội bộ là nguyên nhân của sự mất đoàn kết trong đảng, đặc biệt là ở cấp tỉnh, thành và cấp địa phương. Nhưng xét theo một phía khác, tôi nói không có bè phái. Chữ bè phái dùng ở đây không đúng chỗ, bởi vì trong nền chính trị của Việt Nam có những sự điều hướng chính sách theo cá nhân người lãnh đạo. Những bè phái mà chúng ta đang nói đây có lẽ không ngoài các phe cánh đi theo một cá nhân nào đó. Tôi cũng thể nói là không có tình trạng bè phái theo một ý nghĩa khác, bởi vì thường khi không một ai ở Việt Nam có thể biết rõ chính sách của Đảng là

như thế nào. Bởi vì nó mơ hồ khó hiểu quá, và bởi vì nó là một sự thỏa hiệp, như vậy không phải người ta trở thành chống đảng, hoặc không đồng ý với đường lối đảng, mà chỉ là người ta có hành động theo như ý tưởng của mình. Tôi không nghĩ rằng hiện đang có những bè phái rõ rệt, dù rằng người ta có thể nhận ra có một nhóm người quy tụ chung quanh cựu Tổng bí thư Đỗ Mười và đó là điều gần nhất ta thấy được. Nói về tình trạng bè phái, nếu ta trở lại việc họp Đại hội 8, khi mà Đào Duy Tùng và Nguyễn Hà Phan chống Võ Văn Kiệt, hồi đó rõ ràng là có tranh chấp. Nhưng đối với tôi thì thay vì dùng chữ bè phái, tôi thấy rằng qua thời gian đã xuất hiện những nhóm thuộc các khối khác nhau, đó là cánh nhân danh đảng, cánh nhân danh nhà nước và cánh nhân danh quân đội. Nói như vậy chỉ là một phác họa thô sơ mà thôi. Lấy thí dụ giữa cánh nhân danh đảng và cánh nhà nước thì có tranh chấp giữa trung ương và các tỉnh ... tôi nhận ra là cánh nhà nước thì muốn tiến hành đổi mới, cánh nhân danh đảng thì muốn nắm vững kiểm soát tư tưởng và cánh nhân danh quân đội thì muốn nắm vững an ninh. Đôi khi những chủ trương này va chạm với nhau, nhưng điều quan trọng nhất vẫn là các tranh chấp cá nhân.

**Hỏi** - Khi điếm lại Hội nghị Trung ương 8, giáo sư có nói rằng từ nay tới giữa năm 2001 nghĩa là tới khi họp Đại hội 9, ông Lê Khả Phiêu sẽ phải đương đầu với sức ép gia tăng từ cả hai phái tả và hữu. Vậy xin ông giải thích rõ hơn về hai chữ tả và hữu mà ông đã dùng. Có phải là phái hữu có khuynh hướng cởi mở cải cách, thỏa hiệp rộng rãi, trong khi phái tả là giáo điều bảo thủ? Hoặc là

phải hiểu theo nghĩa mà người cộng sản thường dùng là: tả có khuynh hướng quá khích để đối lại với hữu có khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa. Như vậy, những người trong BCHTU hiện nay muốn nắm chắc ngọn cờ tư tưởng chính thống thì họ thuộc phái nào, tả hay là hữu?

**Đáp** - Câu hỏi cô đặt ra là rất đúng. Đó là những thuật ngữ làm cho người ta bối rối. Trong quá khứ vấn đề tả và hữu đã được nêu lên trong các cuộc tranh luận về tư tưởng. Ngày nay, khi mà hệ thống tư tưởng đã mất đi tính cách quan trọng nổi bật của nó, thì chế độ trở nên thực tiễn hơn nhiều trong việc định hướng chính sách. Người phương Tây muốn hiểu Việt Nam vẫn thường hay dùng thuật ngữ lưỡng phân "tả" và "hữu" mà ngày nay không còn thích hợp nữa. Chúng ta còn dùng những chữ như cởi mở (liberal), bảo thủ, cải cách và giáo điều. Như thế là bởi vì hệ thống quyết định chính sách rất mù mờ, chúng ta thường chỉ nói đến những khuynh hướng chung và chỉ có được rất ít thông tin về công tác nội bộ của hệ thống này. Ngày nay đôi khi ta được nghe nói đến chữ "chệch hướng" -- phải chăng vì cánh hữu lo sợ mất ổn định?-- và nếu trường hợp này đúng thì ngày nay không có ai muốn đẩy tới một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đẫm máu, bởi vì một khi đã chiếm được quyền lực rồi, chữ "tả" không còn ý nghĩa bao nhiêu. Tôi nghĩ rằng những chữ "tả" và "hữu" đã trở nên lỗi thời chính là bởi vì chuyện ý thức hệ đã hoàn toàn thuộc về quá khứ.

**Hỏi** - Thưa giáo sư, điều gì khiến ông lo ngại rằng "nếu không có những cải cách đến tận gốc thì sự ổn định xã hội và chính trị sẽ lâm nguy"? Và bao giờ thì

sự ổn định sẽ có thể lâm nguy? Lâm nguy như thế nào? Ở miền nào? Trong những khu vực nào và hậu quả sẽ ra sao?

**Đáp** - Bản chất tính hợp pháp của chế độ cộng sản độc đảng đã thay đổi qua thời gian. Trong quá khứ, nền tảng của chế độ đặt trên sự lãnh đạo được thần thánh hóa của Hồ Chí Minh. Rồi nó được xây dựng trên chủ nghĩa dân tộc chống ngoại xâm. Và từ ngày có chính sách "đổi mới" nó được xây dựng trên cái mà các nhà khoa học gọi là "sự hợp thức do việc mình cai trị hữu hiệu" (performance legitimacy). Điều này có nghĩa là chế độ mang đến cho dân chúng những lợi ích kinh tế. Khi chế độ thực hiện được mức phát triển kinh tế cao thì chế độ được coi như hợp pháp và nó đáp ứng lòng mong đợi của nhân dân. Bây giờ mọi cái cách đã khựng lại, phần chính là do các vấn đề nội bộ của Việt Nam, mức phát triển tụt dốc, và nhân dân thì phải hạn chế tới một mức nào đó lòng mong đợi của họ. Nếu chế độ không tự giải thoát khỏi cái thế bí hiện nay, mà vẫn tiếp tục kìm hãm mọi cái cách, thì nhân dân sẽ đặt câu hỏi một cách hữu lý rằng đảng vốn là toàn năng thì đảng phải sẵn có giải pháp đúng về mọi mặt. Thật khó mà có thể chỉ trích chính sách của nhà nước khi mà mọi sự diễn ra trôi chảy với tỷ lệ phát triển ở mức 7%. Bây giờ mức phát triển đang tụt xuống trong khi rối loạn đã xảy ra ở tỉnh Thái Bình và ở nhiều nơi khác. Như thế, khi tôi nói rằng nếu không có những cải cách tận nền móng thì chế độ sẽ bị đe dọa. Nó bị đe dọa bởi vì tính cách hợp pháp của nó bị xói mòn ở nền móng. Thế nhưng có một nghịch lý nơi đây bởi vì cải cách thành công tốt đẹp lại cũng làm xói mòn quyền uy của đảng, bởi vì nó sẽ tạo ra khu vực tư doanh, tạo ra một giai cấp trung lưu mà hiện nay những cái đó đều không có chỗ đứng trong hệ thống chính trị cộng sản. Mặt khác hệ thống chính trị cộng sản cũng sẽ phải thích ứng với các thế lực mới này. Như thế, nhìn về tương lai, dù rằng việc cải cách có được hoàn thành tốt hay không, tôi vẫn nhìn thấy sự chấm dứt chế độ cai trị của một đảng duy nhất (what I do see is an end to one-party rule). Nó phải thích ứng với xu thế đa nguyên đang phát triển trong xã hội Việt Nam. Nếu

chế độ hiện hữu biết hợp tác theo đường lối mà các chế độ độc tài ở nhiều nơi tại Đông Á đã trải qua, thì đảng có thể tồn tại như là một thành phần của chòm sao quyền lực mới. Nếu nó chống lại tiến trình này, tôi nghĩ rằng nó sẽ bị gạt sang một bên. Không phải thông qua một cuộc cách mạng bạo lực, mà là do nó đã lỗi thời không còn thích hợp nữa, do sự bất lực của nó, và những người khác sẽ nắm quyền lãnh đạo.

**Hỏi** - Thưa giáo sư, khi phân tích mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc, ông có nói rằng hai nước cùng chia sẻ những lợi ích chung rất quan trọng. Nếu có thể, xin ông cho biết rõ thêm, đó là những lợi ích như thế nào?

**Đáp** - Hiện nay trên thế giới còn năm quốc gia vẫn tự xưng là theo xã hội chủ nghĩa, đó là: Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Triều Tiên, Lào và Cuba. Nhưng đúng ra, chỉ có hai nước là Trung Quốc và Việt Nam theo đúng kiểu mẫu này. Hai nước có một loạt những lợi ích chung, bởi vì họ vẫn còn dính kết tới một mức nào đó với tư tưởng Mác-Lênin, tỷ dụ như chủ nghĩa bình đẳng. Họ muốn duy trì một nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa do nhà nước chứ không do những thế lực thị trường nắm quyền kiểm soát. Điều quan trọng hơn là họ muốn giữ chế độ độc đảng, muốn chế độ nắm vững quyền lực. Hai nước đã trao đổi nhiều phái đoàn qua lại thăm viếng nhau đôn dập để bàn bạc làm cách nào giữ vững ổn định chính trị, làm thế nào để chuyển nền sản xuất tập thể hóa ở nông thôn sang nền sản xuất gia đình, làm thế nào cải tổ các xí nghiệp quốc doanh, làm thế nào để tiến hành cải cách hành chính trong bộ máy thư lại nhà nước. Họ cũng bàn bạc về vai trò của quân đội trong kinh tế. Hiện nay hai nước không đồng ý với nhau về toàn bộ các vấn đề đã liệt kê rõ ràng, đặc biệt bởi vì Việt Nam có dân số chỉ bằng cỡ một tỉnh của Trung Quốc. Thí dụ như họ chưa đồng ý với nhau về vai trò của quân đội. Nhưng về rất nhiều các lãnh vực khác họ có thể nói rằng "chúng tôi cùng chia sẻ một đường hướng -- chẳng hạn như chúng tôi giữ vững quyền kiểm soát kinh tế trong khi vẫn hội nhập thị trường toàn cầu -- và chúng tôi cần bàn

bạc với nhau để làm thế nào thực hiện sự chuyển tiếp này mà vẫn giữ vững được trật tự chính trị và ổn định, nhất là giữ cho đảng cộng sản nắm chắc quyền lực". Đó là những điều họ cùng chia sẻ.

**Hỏi** - Như vậy, trong bang giao Việt Nam - Trung Quốc, bên nào có lợi hơn?

**Đáp** - Tôi nghĩ rằng khó mà phán đoán được ... Vào thời gian bình thường hóa giữa đôi bên năm 1991, Việt Nam bị hoàn toàn cắt đứt với thế giới bên ngoài bởi lệnh cấm vận mà nguyên nhân là Việt Nam xâm lược và chiếm đóng Cambodia. Khi đó mở cửa thông thương với Trung Quốc, Việt Nam thoát được một phần khó khăn. Họ gác sang bên mâu thuẫn chính yếu để có những quan hệ hợp tác. Việt Nam làm việc đó theo đường lối mà họ gọi là "coi tất cả các quốc gia là bạn". Việc này đưa Việt Nam gia nhập khối ASEAN, ký các thỏa hiệp với Liên Hiệp Âu châu và bình thường hóa quan hệ với Mỹ. Như vậy các sức ép nhằm biến Việt Nam thành một quốc gia nghèo khổ được chấm dứt và điều này đã giúp Việt Nam rất nhiều. Nhưng đồng thời hàng hóa của Trung Quốc tràn ngập Việt Nam, biên giới phòng ngự trở thành cửa ngõ buôn lậu, và việc này dường như đã phá hoại nền công nghiệp của Việt Nam. Xét về lâu dài thì tôi nghĩ rằng việc bình thường hóa sẽ mang lại lợi lộc cho Trung Quốc nhiều hơn. Việt Nam không có một nước đồng minh nào hết, theo nghĩa xưa nay vẫn có của danh từ này. Việt Nam đã gia nhập khối ASEAN nhưng đó là một tổ chức yếu. Sức mạnh của Trung Quốc sẽ gia tăng với những bước tiến nhảy vọt về quân sự và về kinh tế, trong khi khối ASEAN sẽ không bao giờ có thể đủ mạnh để chống lại Trung Quốc. Như vậy Việt Nam bị mắc kẹt giữa một bên là Trung Quốc lớn mạnh và bên kia là Hiệp hội các nước Đông Nam Á luôn luôn bị phân cách bởi nhiều mối bất đồng. Nhưng vì đã gia nhập ASEAN cho nên ít ra Việt Nam cũng phải đi theo đường lối chung của ASEAN. Về lâu dài, chúng ta sẽ thấy Trung Quốc lớn mạnh trong khu vực A Châu Thái Bình Dương, và Việt Nam sẽ phải thích ứng với thực tế này.

**Hỏi** - Trong cả thập niên 80, mặc dù Việt Nam rất yếu và rất nghèo, nhưng đã quyết liệt chống lại Trung Quốc trên mọi lãnh vực. Hiện nay Hà Nội tỏ ra không hề lo sợ phải đối phó với một cuộc xâm lược quân sự trên đất liền từ phía Trung Quốc. Vấn đề còn lại chỉ là chủ quyền một số hải đảo trên biển Đông, vậy còn điều gì khiến Việt Nam phải nể sợ Trung Quốc?

**Đáp** - Ta không thể hoàn toàn bỏ qua vùng Biển Đông. Bởi vì từ năm 1992, Việt Nam đã bắt đầu chi thêm rất nhiều tiền cho quốc phòng. Việt Nam bắt đầu mua tàu chiến, máy bay phản lực cho hải quân, tên lửa địa địa, không nhằm mục đích nào khác là lo đối phó với sự hiện diện quân sự của Trung Quốc trong vùng Biển Đông. Điều này cho thấy Việt Nam đánh giá sự đe dọa của Trung Quốc là rất nghiêm trọng. Mặt khác, trên đất liền rất khó có thể dự liệu hai nước đi đến chiến tranh theo cái nghĩa xưa nay, là nước này sẽ xâm lấn nước kia. Như thế Việt Nam không bị sức ép. Nhưng Việt Nam phải rất quan tâm đến những ý đồ của Trung Quốc, vì đôi bên có thể bị lôi cuốn vào một cuộc đối đầu mà không bên nào có lợi. Cả hai nước đều viện dẫn lịch sử để cho rằng mình có chủ quyền trên toàn vùng Biển Đông. Đây là một chủ đề theo cảm tính, đặc biệt đối với những nước đang phát triển. Trung Quốc có sức mạnh lớn nhất, và đã cho thấy rằng họ biết chụp lấy thời cơ, biết chiếm đóng, củng cố và xây dựng căn cứ trên các hải đảo. Bất cứ lúc nào mà Việt Nam không chú tâm thì ta có thể dự liệu một sự chuyển động về phía Trung Quốc. Đó là một loại tiến trình mà Việt Nam không có đủ khả năng để phòng ngừa.

**Hỏi** - Trước xu thế toàn cầu hóa hiện nay, có phải là Việt Nam đang coi Trung Quốc là mẫu mực để noi theo?

**Đáp** - Điều trước hết và là điều căn bản, giới lãnh đạo hai nước vẫn trung thành với chủ thuyết Mác-Lênin đã lỗi thời, và điều này dung dưỡng một nhà nước thư lại, dung dưỡng công an mật vụ, và như thế họ có một cung cách giống nhau coi báo chí là công cụ đấu tranh giai cấp, coi tôn giáo là thuốc

phiện đầu độc quần chúng. Và mặc dù những điều này nghe như là luận điệu trong thời Chiến Tranh Lạnh, nhưng không hẳn là như vậy. Những người bất đồng chính kiến ở cả hai quốc gia đều bị trừng trị. Các nhóm tôn giáo, đặc biệt là những người theo đạo Tin Lành ở Việt Nam, và giáo phái Pháp Luân Công ở Trung Quốc, những người này bị đối xử theo cùng một kiểu. Có điều đó bởi vì cả hai nước đều cùng một nguồn gốc, đều du nhập một hệ tư tưởng ngoại lai vào nước mình, mà hệ tư tưởng đó chống lại đa nguyên, chống lại tôn giáo. Và mặc dù cả hai nước có thể có tranh chấp về chủ nghĩa dân tộc đưa tới căng thẳng, nhưng trong thâm tâm của giới lãnh đạo đôi bên, họ đều cho rằng chế độ độc đảng nắm quyền là do lịch sử, và họ cho rằng đa nguyên về tôn giáo cùng các hình thức phát biểu khác đều là đối kháng, và giới lãnh đạo hai nước đều có cách đối phó tương tự và cách đó là đàn áp.

**Hỏi** - Giữa tháng 11, Trung Quốc và Hoa Kỳ đã ký thỏa hiệp mậu dịch. Đáng lẽ Việt Nam và Hoa Kỳ có thể ký thỏa hiệp trước đó 2 tháng. Như vậy có phải là Việt Nam đã bỏ lỡ một dịp may quá tốt? Đến bao giờ dịp may này có thể trở lại?

**Đáp** - Lý do căn bản khiến Việt Nam không ký thỏa hiệp thương mại song phương với Hoa Kỳ là khi bản dự thảo đã được đồng ý, được dịch sang tiếng Việt và phân phát trong giới cao cấp của đảng. Đây là lần đầu tiên một số quan chức nhận ra rằng quyền lợi của họ đang bị đe dọa. Đó là những quan chức điều khiển những xí nghiệp quốc doanh đang bị phá sản, hoặc có quyền lợi trong các khu vực kinh tế mà nhà nước quản lý, như vô tuyến viễn thông. Nếu như Việt Nam ký thỏa hiệp này và phải chấp nhận các tiêu chuẩn quốc tế, Việt Nam sẽ được mở cửa, các quan chức đó sẽ bị mất những quyền lợi mà họ đang nắm giữ, và Đảng Cộng Sản sẽ không còn khả năng kiểm soát những khu vực rộng lớn trong nền kinh tế. Đối với những quan chức này, nếu ta muốn dùng chữ "cánh hữu" để gọi họ cũng được, họ là những người kém hiểu biết, và họ hành động một cách mù quáng. Họ vận động

bằng mọi cách và kiến nghị với cựu tổng bí thư Đảng là ông Đỗ Mười và ông này đã can thiệp nại lý do là không có được một sự đồng thuận trong đảng. Nên Việt Nam không ký. Tôi không nghĩ rằng Trung Quốc đã thuyết phục Việt Nam đừng ký. Hơn thế nữa, cả Việt Nam lẫn Trung Quốc đều đã bàn bạc với nhau về vấn đề này, và phía Việt Nam vì thiếu hiểu biết, chỉ muốn nghe những điều gì mà mình thích nghe. Và phía Trung Quốc cũng gặp khó khăn trong việc thương thuyết với Hoa Kỳ, điều này càng khiến cho Việt Nam muốn thối lui. Sau đó, Trung Quốc vì lý do riêng của mình đã có quyết định rất quan trọng là ký thỏa hiệp thương mại với Hoa Kỳ, thế là Việt Nam bị lâm và cái thế "hông giò" (caught flat-footed). Như vậy, vấn đề cần phải xét lại vì rằng Trung Quốc gia nhập thị trường Hoa Kỳ trước, mà Trung Quốc và Việt Nam vốn dĩ vẫn cạnh tranh nhau. Vì thế, chừng nào tình trạng này còn tồn tại, thì Trung Quốc được lợi nhiều hơn Việt Nam. Bởi vậy giới lãnh đạo Việt Nam cần phải xem xét lại tình hình, phải nhìn vào lịch tranh cử tổng thống ở Hoa Kỳ. Đã có những dấu hiệu từ giới thân cận của các nhà lập pháp Mỹ thuộc Đảng Cộng hòa tại Quốc Hội cho biết rằng nếu như Việt Nam tiến tới hành động trễ nhất là vào tháng Giêng năm 2000, chúng ta có thể thấy thỏa hiệp song phương này có thể được ký vào quý đầu năm. Các nhà lập pháp thuộc Đảng Cộng hòa Mỹ sẵn sàng ủng hộ việc ký kết này. Nếu sự thể không diễn ra như vậy thì việc ký kết có thể coi như bỏ qua.

Có một yếu tố khác khiến cho tôi lạc quan chút ít là theo như chương trình làm việc trong quý đầu năm 2000 của tổng thống Hoa kỳ Clinton, và thông qua ông đại sứ Mỹ ở Hà Nội, ông Clinton tỏ ý muốn viếng thăm Việt Nam trước khi ông hết nhiệm kỳ. Dự tính này có thể được coi như một khuyến khích nhỏ. Như vậy tôi nghĩ rằng chúng ta có thể thấy việc ký thỏa hiệp thương mại giữa Hoa kỳ và Việt Nam diễn ra trong quý đầu của năm 2000. Nhưng sau khi ký kết, tôi nghĩ rằng phía Việt Nam vẫn còn đi chậm lằm về mặt này (we'll see foot dragging on Việt Nam's part) □



# Một nghìn năm Văn Học

Đặng Tiến

Cùng với thế giới, Việt Nam chào mừng thiên niên kỷ mới. Chúng ta tổng kết kinh nghiệm một nghìn năm qua để chuẩn bị cho thiên niên kỷ thứ ba sắp đến, với nhiều xaouyến và hy vọng.

Riêng với dân tộc Việt Nam, bước chân sang niên kỷ mới, lần này, có một ý nghĩa đặc biệt sâu sắc là chúng ta lật qua một nghìn trang lịch sử xây dựng quốc gia tự chủ, kể từ ngày Ngô Quyền thắng trận Bạch Đằng năm 938 giành lại độc lập cho đất nước.

## Thế Kỷ thứ X : khúc quanh

### Đất nước tự chủ

Sau một nghìn năm Bắc Thuộc và nhiều cuộc nổi dậy đấu tranh chống ngoại xâm, Ngô Quyền giành lại được chủ quyền cho dân tộc, mở đầu một thời kỳ tự chủ lâu dài cho một đất nước, một vương quốc hoàn toàn độc lập, đóng đô tại Cổ Loa, kinh đô cũ nước Âu Lạc ngàn xưa, tiếp tục truyền thống dựng nước và giữ nước từ thời An Dương Vương. Sau đó Đinh Bộ Lĩnh đã củng cố quốc gia, thống nhất đất nước, năm 968, lên ngôi Hoàng Đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đặt niên hiệu là Thái Bình, dời đô về Hoa Lư, xây dựng một chế độ trung ương tập quyền và một hệ thống chính quyền địa phương, ổn định. Triều đại sau, nhà Tiền Lê, với tư cách một quốc gia có quân đội, đã chặn đứng cuộc xâm lược của nhà Tống năm 981. Ba triều đại : Ngô - Đinh - Lê với ba thành tích : giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, chiến thắng ngoại xâm trong thế kỷ thứ X, đã kiến tạo toàn một tổ chức quốc gia độc lập và hùng mạnh, đồng thời xây dựng một nền văn hoá dân tộc có bản sắc riêng. Thế kỷ thứ X là một khúc quanh quyết định trong lịch sử Việt Nam mà hôm nay chúng ta chân thành kỷ niệm, trước thềm thiên niên kỷ mới.

### Ảnh hưởng Đạo Phật

Văn hoá dân tộc thế kỷ X, là văn hoá dân gian, cổ truyền, theo tín ngưỡng thần linh, thờ cúng đất đai, tổ tiên. Văn nghệ dân gian gồm có ca hát, nhảy múa, cồng tích, huyền thoại. Những hình thức kịch hát đã

phôi thai từ thời ấy.

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ đầu thiên niên kỷ theo hai đường Trung Hoa và Ấn Độ là tôn giáo chiếm ưu thế từ triều đình đến làng mạc, bên cạnh Khổng giáo chủ yếu là một phương tiện chính trị của thời Hán thuộc và Đạo giáo chủ yếu là việc sùng bái dị đoan mê tín. Nhà nước, từ triều Đinh đã khuyến khích xây dựng chùa chiền. Các nhà sư là tầng lớp có học thức có uy tín và ảnh hưởng ở nông thôn, có địa vị và quyền lực ở triều đình. Các tác phẩm văn học bằng chữ Hán còn lại là của các nhà sư như Đỗ Thuận, Ngô Chân Lưu, Vạn Hạnh.

Vào triều đại nhà Lý, ảnh hưởng Phật Giáo càng gia tăng, vì vua Lý Thái Tổ là một tài năng quân sự, chính trị và văn hoá xuất thân từ cửa Phật.

## Sự nghiệp nhà Lý (1009-1225)

### Kinh Đô Rời bay

Lý Công Uẩn lên làm vua lập ra triều Lý, năm 1010 đã dời đô từ Hoa Lư về Đại La đổi tên là Thăng Long, Hà Nội ngày nay, và giải thích quyết định dời đô bằng Chiếu dời Đô, một văn kiện chính trị có tính cách văn học, có thể xem như là tác phẩm văn học đầu tiên của nền văn chương Việt Hán. *Thiên đô Chiếu* chứng tỏ sự trưởng thành trong tư tưởng chính trị của dân tộc : Hoa Lư trước đây chỉ là một địa thế chiến lược hiểm trở nhưng chật hẹp. Nhà Lý dời đô về thành Thăng Long, một vị trí không có giá trị chiến lược, giữa trung tâm đồng bằng một cái nôi kinh tế và văn hoá, chứng tỏ lòng tự tin dân tộc, hướng về tương lai và không sợ giặc.

Câu chuyện rồng bay trên thành Đại La để đón mừng Lý Thái Tổ chỉ là truyền thuyết có tính cách chiến tranh tâm lý. Sự thật cái tên Thăng Long là thành quả của tư duy huyền thoại và chính trị, phản ánh tham vọng chính trị, kinh tế và văn hoá của một triều đại và một dân tộc đang lớn mạnh.

## Văn hoá thời Lý

Trong một chủ trương chính trị văn hoá có cân nhắc, nhà Lý đã chọn lựa tiếp tục dùng chữ Hán làm văn tự chính thức, trong khi dân tộc đã có khả năng sáng tạo chữ Nôm. Một số chữ nôm trên chuông đồng chứng tỏ điều này.

Chữ Hán thế kỷ trước, dưới các triều đại Ngô - Đinh - Lê là tàn dư thời Bắc thuộc. Chữ Hán thời Lý là một chính sách có định hướng. Các vua Lý cho người sang Trung quốc thỉnh Kinh Tam Tạng (1018), lập Quốc Tử Giám, tổ chức các kỳ thi để tuyển dụng quan lại (1075) hay chọn người vào Hàn Lâm Viện (1086). Chính sách này nhằm củng cố cơ cấu chính trị nhà nước về mặt lý thuyết và thực hành, bảo đảm việc nội trị lẫn ngoại giao với lân bang ; Kết quả là đã định hướng văn hoá Đại Việt vào khu vực Hán hoá, cùng với Triều Tiên, Nhật Bản. Nhưng tiếng Hán thời Lý được phát âm một cách khác và càng ngày càng xa tiếng Hán của Trung Quốc, tạo nên một nền văn chương Hán Việt phát triển cho đến đầu thế kỷ XX

Văn chương thời Lý, ngoài những chiếu chỉ, còn một số văn khắc trên bia, trên chuông, văn thơ nhà chùa và đôi bài thơ như Nam Quốc Sơn Hà của Lý Thường Kiệt, một số tác phẩm khuyết danh hay đã thất lạc nhưng còn được nhắc lại trong những tác phẩm về sau. Nói chung thì chưa phải là phong phú ; Nhưng có nét đặc thù : nhà thơ Vương Hải Thiềm (1046-1100), nhà sư làm thơ chữ Hán đã mở đầu truyền thống gieo vần theo kiểu Việt Nam chứ không theo âm luật thơ Trung Quốc thời Đường Tống.

Riêng về nghệ thuật tạo hình, hai thế kỷ XI - XII đã để lại nhiều nét độc đáo tạo nên nền mỹ thuật thời Lý qua những chạm trổ trên đá, trên gốm khai quật được tại nền ngôi tháp Chùa " Phật Tích " (Bắc Ninh, 1057) hay những hoa văn ở Chùa Giam (Hà Bắc, 1094) chùa Đọi (Hà Nam, 1121), đã lưu dấu.

Song song với nghệ thuật tạo hình dân

gian, các ngành múa hát như hát chèo, mùa rỗi nước, dân ca quan họ, cũng phát sinh ở giai đoạn này. Vua Lý Nhân Tông đã từng sáng tác những làn điệu múa hát dân gian, như đã ghi trên văn bia *Sùng Thiện diên Linh*, núi Đọi, thế kỷ XII.

### Văn học thời Trần (1226 - 1400)

#### Ảnh hưởng Phật giáo

Sự nghiệp nhà Lý được nhà Trần tiếp nối và phát huy thành một quy mô văn hoá lớn hơn, còn gọi là văn hoá Đông A - tên nhà Trần.

Phật giáo vẫn giữ vai trò chủ lưu trong một thời gian dài, từ làng xã đến triều chính : mấy ông vua đầu triều Trần đều là những thiền sư đắc đạo. Vua Trần Nhân Tông là tổ sư môn phái Thiền Tôn Trúc Lâm, là vua trị nước tài ba và nhân hậu, một lãnh tụ quân sự thao lược lại là một nhà thơ xuất sắc. Lịch sử nhân loại cũng hiếm thấy một nhân tài ở nhiều kích thước như vậy. Đây là một bài thơ của vua Nhân Tông tả cảnh thôn quê Việt Nam đậm nhạt đơn sơ, nửa hư nửa thực :

Nguyên tác

*Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên  
Bán vô bán hữu tịch dư biên  
Mục đồng địch lý quy ngư tạn  
Bạch lộ song song phi hạ điền*

Trần Nhân Tông

#### Cảnh chiều Thiên Trường

*Trước xóm, sau thôn tựa khói lồng  
Bóng chiều dường có lại dường không  
Mục đồng sáo vắng trâu về hết  
Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng*

(Ngô Tất Tố dịch)

Những câu thơ lơ lửng âm thanh, lung linh màu sắc và lằng lằng ánh sáng, dịu đặt nâng hồn người lên một không gian mênh mông vô định. Khó ngờ được đây là thơ một ông vua thời trung cổ thế kỷ 13.

Thơ thời nhà Trần nghệ thuật điêu luyện, tư tưởng cao xa, nội dung đa dạng, từ thơ Thiền đến thơ Tình, từ thơ ca ngợi thiên nhiên đến thơ hô hào đánh giặc, từ Trần quang Khải đến Nguyễn trung Ngạn thường là thơ xuất sắc, so với thời Lý, là một bước tiến xa, một dẫn thân vào trần thế.

#### Từ chữ Hán sang chữ Nôm

Mỗi vị vua nhà Trần đều có để lại thi tập. Các tác giả cũng đông đảo hơn trước, đa số là nho sĩ, thân vương, tướng lãnh ; tỷ lệ sư sãi có phần co lại, vì Phật giáo tuy vẫn giữ ảnh hưởng lớn trong dân gian, nhưng ở triều đình đã dần dần mất quyền lực và dần dần nhường ưu thế cho Nho giáo. Giai cấp nho sĩ ngày một ngày hai đã thay chân giai cấp tăng sĩ trong đời sống triều chính, và từ đó đã chiếm lĩnh tư thế trong văn học.

Triều Trần đã phát huy các thể văn xuôi bằng chữ Hán, trước hết là những tác phẩm Sử học như của Lê Văn Hưu ; văn nghị luận như các sách Nhà Phật ; văn truyện ký như Linh Nam Chí Quái. Nhiều tác phẩm biên văn, nhiều bài phú và văn tứ lục, nổi tiếng nhất là Hịch Tướng Sĩ của Trần Hưng Đạo.

Nhưng điều quan trọng hơn cả, là song song với văn thơ chữ Hán càng ngày càng phong phú, đã thành hình nền văn học chữ Nôm, dù rằng một số chữ Nôm đã xuất hiện từ thời Lý, để ghi lại lời ăn tiếng nói hằng ngày của dân gian. Văn thơ chữ Nôm đời Trần phần nhiều đã thất lạc, như *Văn Tế Cá Sấu* của Nguyễn Thuyên. Ngày nay chỉ còn lại những bài phú, như của vua Nhân Tông và sư Huyền Quang nhờ được gìn giữ và lưu hành trong nhà Chùa. Nhà Chùa ngày xưa là nơi ít bị chiến tranh tàn phá và lại có truyền thống khắc bản in từ thời Lý ; nhờ đó sách nhà Chùa in nhiều bản, có nhiều khả năng bảo lưu hơn những tác phẩm khác, dù được truyền tụng nhưng chỉ chép tay nên dễ bị thất lạc.

Việc sử dụng chữ Nôm thời Trần đã phổ biến, cho dù tác phẩm và tác giả còn ít ỏi, vẫn là một khúc quanh quan trọng vì đã ghi lại lời ăn tiếng nói và đời sống của dân tộc qua văn thơ.

Năm 1400, Hồ Quý Ly lật đổ nhà Trần, dựng nên nhà Hồ được bảy năm thì bị quân Minh đánh bại. Quân Minh chiếm cứ đất nước ta và bề gây nhiều cuộc kháng chiến của con cháu nhà Trần. Trong thất bại, một thủ lĩnh kháng chiến là Đặng Dung đã để lại một bài thơ khí khái, u hoài và cay đắng :

Cảm hoài

*Thế sự du du nại lão hà !*

*Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.  
Thời lai đồ diếu thành công dị,  
Vận khứ anh hùng ẩm hậu đa  
Trí chúa hữu hoài phù địa trực,  
Tỷ binh vô lộ văn thiên hà,  
Quốc thù vị báo đầu tiên bạch,  
Kỷ độ long toàn đái nguyệt ma !*

Đặng Dung

Dịch nôm

*Việc đời bối rối tuổi già vay,  
Trời đất vô cùng một cuộc say,  
Bàn tiền gặp thời lên cũng dễ.  
Anh hùng lỡ bước ngẫm càng cay.  
Vai khiêng trái đất mong phò chúa,  
Giáp gột sông trời khó vạch mây.  
Thù nước chưa xong đầu đã bạc,  
Gươm mài bóng nguyệt biết bao rày.*

Trần Trọng Kim

### Văn học nhà Lê : Thế kỷ XV-XVII

#### Văn học thế kỷ XV - Lê Sơ

Quân Minh trong mười năm đô hộ đã dụng công thiêu huỷ rất nhiều cơ sở văn hoá Việt Nam, lưu đầy trí thức, nhưng vẫn không chặn đứng được bước tiến hoá của dân tộc trong thế kỷ XV, mà sự nghiệp của Nguyễn Trãi và Lê Thánh Tông là những biểu tượng hùng vĩ.

Sau khi đánh đuổi quân Minh năm 1428, Nguyễn Trãi đã viết *Bình Ngô đại Cáo* và để lại một tác phẩm đồ sộ và quy mô, vừa bằng chữ Hán vừa bằng chữ Nôm. *Quốc Âm Thi Tập* là một tác phẩm gồm có trên 250 bài thơ bằng chữ Nôm, là chữ Việt Nam thời đó, mở đầu cho nền văn học Quốc Âm mỗi ngày một thịnh vượng.

Thế kỷ XV đã phục hưng nền văn hoá dân tộc lần thứ hai, nâng cấp và phát huy trình độ văn hoá đó, sau những thành tựu từ bốn thế kỷ trước. Lực lượng sáng tác văn học trong thế kỷ này phát triển hơn các thế kỷ khác rất nhiều, và số lượng thơ văn cũng vượt xa thời Lý Trần. Các tác giả là những nhà nho, làm thơ viết văn nói lên chí khí, ca ngợi đất nước và xây dựng chế độ phong kiến, tiêu biểu là hội Tao Đàn do Lê Thánh Tông chủ xướng, và chủ sự (1494). Ngoài thơ văn Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, đáng kể nhất là những bộ sử của Phan Phu Tiên, Vũ Quỳnh, đặc biệt là bộ *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* (1479) của Ngô Sĩ Liên, tư liệu căn bản của ngành sử học Việt Nam hiện giờ.

Triều đại 38 năm của Lê Thánh Tông đưa biên giới Đại Việt về phía Nam đến Phú Yên, là cao điểm thịnh trị của nền phong kiến Việt Nam. Một nền thịnh trị mong manh dựa vào tài đức của vua Lê Thánh Tông. Chỉ mười năm sau khi vua băng hà, chế độ phong kiến nhà Lê đã suy thoái nhanh chóng và tiếp tục tàn tạ và phân hoá trong hai thế kỷ XVII và XVIII.

### Nội biến và Văn học : Thế kỷ XVI-XVII

Từ ngày Mạc Đăng Dung tiếm ngôi, lập nên triều Mạc (1527-1592) đất nước lâm vào cảnh nội chiến triền miên. Từ chiến tranh Nam Triều Bắc Triều giữa họ Lê và họ Mạc đến giặc Nam Bắc phân tranh (1627-1672) giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn : mằm chia rẽ Bắc Nam nảy ra từ ấy. Đồng thời với nhiều tai trời ách nước: lũ lụt, đói kém, dịch tễ, sưu cao thuế nặng, nhiều cuộc nội loạn đã vò xé đất nước.

Chính quyền phong kiến trung ương thoái hoá thì tư tưởng chủ đạo là nho giáo cũng băng hoại. Trong cuộc nổi loạn của Lê duy Mật (1738), triều đình bắt được Phạm công Thế và hỏi " ông là người khoa bảng sao lại theo nghịch ? ". Thế giương cổ ra chịu hành hình sau khi đáp lời : " lâu nay danh phận không rõ, lấy gì phân thuận nghịch ". Một câu trả lời phản ánh tình trạng suy đồi của chế độ phong kiến Lê Trịnh, từ cơ cấu trung ương đến trật tự địa phương, đến tận cùng tư tưởng tôn quân của nho giáo. Một người sáng suốt như Nguyễn Bình Khiêm, làm thầy cho nhiều phe phái chính trị, đã để lại một sự nghiệp thơ Nôm phong phú nhưng cũng không đóng góp được gì tích cực cho chính trường giai đoạn đó.

May mắn thay, song song với một triều chính suy đồi, đời sống trí thức Đại Việt lại phát triển theo một chiều hướng khác. Một mặt kinh tế hàng hoá đã phổ biến ở các thành thị như Kẻ Chợ, Phố Hiến ở Đàng Ngoài và Hội An, Phú Xuân, Gia Định ở Đàng Trong, dần dà tạo ra một tâm lý đô thị, một tư tưởng thị dân, dù còn giới hạn. Mặt khác đã thành hình một tầng lớp trí thức dân gian, những nhà nho không đỗ đạt, hay đỗ đạt nhưng không ra làm quan, mà điển hình là những Trạng Quỳnh, Trạng Lợn trong kho truyện dân gian. Tranh tượng dân gian còn lại trong các đình chùa thời kỳ này đã thoát ly ra

khỏi những khuôn mẫu phong kiến, ví dụ như con Rồng, chen lẫn với gà lợn hay ôm con cuộn tròn trong rơm ổ, trong điêu khắc dân gian, không còn là một hình tượng cho quyền uy như con Rồng của triều đình từ thời Lý.

### Chữ Nôm phát triển

Một tình hình xã hội như vậy tạo ra thế đối lập giữa nhân dân và chính quyền, mà chúng ta chưa thấy ở các thời Lý Trần. Văn chương quốc âm thời đó không có văn xuôi, chỉ có thơ và một ít biên văn; và chủ yếu là văn vần, tức là thơ Nôm, đã thoát ly ra khỏi mực thước phong kiến. Ở chừng mực nào đó chữ Nôm đã bị chính quyền nghi kỵ. Năm 1663, chúa Trịnh Tạc sai Phạm công Trứ soạn 47 điều giáo hoá, có đoạn ngăn cấm thơ truyện bằng ngôn ngữ dân tộc :

*Cùng là truyện cũ nôm na,  
Hết thơ tập áy, lại ca khúc này  
Tiếng dâm dễ khiến người say  
Chớ cho in bán, hại thay thói thuần*

Chính sách bài trừ chữ Nôm này chứng tỏ nghề in ấn trên khắc ván đã phổ biến và đã có nhiều truyện nôm lưu hành trong dân gian dưới dạng sách in; vì vậy sự nghi kỵ đó sẽ còn tiếp tục, sang thế kỷ XVIII với Trịnh Cương, và thành kiến " nôm na là cha mách quẻ ".

Văn thơ nôm trong hai thế kỷ XVI và XVII không được dồi dào dù có tiến xa so với các thế kỷ trước và so với văn học chữ Hán. Đặc biệt, chúng ta đã thấy xuất hiện truyện nôm như *Truyện Vương Tường*, *Lâm Tuyên Kỳ Ngộ* bằng thơ bảy chữ và nhất là bước đầu của các thể thơ vắn lưng (yêu vận) đặc sắc của dân tộc là lục bát và song thất lục bát, xây dựng trên tục ngữ ca dao. Bài đầu tiên là một bài hát cung đình của Lê đức Mao làm khoảng 1504. Thể thơ lục bát, toàn vần bằng, sẽ phát triển trong những bài thơ dài hơi của Phùng khắc Khoan, Đào duy Từ và đạt tới đỉnh cao vào cuối thế kỷ XVII với *Thiên Nam Ngữ Lục*, một bộ quốc sử diễn ca dài 8136 câu lục bát, tác phẩm dài nhất trong kho tàng văn học chữ nôm, dài gấp 3 lần truyện Kiều, chủ yếu ghi lại lịch sử Việt Nam từ thời Hồng Bàng đến Hậu Trần. Nhưng phải đợi đến cuối thế kỷ XVIII câu thơ lục bát mới đạt đến một khả năng thẩm mỹ cao cấp và bền vững.

### Từ Lê sang Nguyễn : Văn học trưởng thành. Thế kỷ XVIII-nửa XIX

#### Chủ nghĩa nhân đạo

Bước sang thế kỷ XVIII truyện *Song Tinh Bất Dạ* của Nguyễn Hữu Hào (?-1713) có thể xem như là thành công buổi đầu của truyện nôm thành văn. Nhưng phải đợi đến nửa sau thế kỷ văn học mới có những văn bản giá trị, như những khúc ngâm trường thiên theo thể song thất lục bát, tiêu biểu là bản dịch *Chinh Phụ Ngâm* nguyên tác Đặng trần Côn, của bà Đoàn thị Điểm (1705-1748), sau này sẽ được Phan Huy Ich dịch lại; và *Cung Oán Ngâm Khúc* của Nguyễn gia Thiều (1741-1798). ở đây các tác giả đã nêu lên thân phận con người qua số kiếp hăm hiu của người phụ nữ, nạn nhân của phong kiến hay chiến tranh. Hình ảnh người đàn bà sẽ tái hiện mỗi ngày một rõ nét qua truyện kể dân gian như *Tống Trân Cúc Hoa* hay *Phạm Tải Ngọc Hoa* hay về sau, qua truyện thành văn như *Hoa Tiên*, *Truyện Kiều* hay thơ Hồ xuân Hương vào đầu thế kỷ XIX.

Qua hình ảnh người phụ nữ gian truân, " *Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên* ", văn học thời kỳ này đã phát huy một chủ đề trung tâm là chủ nghĩa nhân đạo, lấy con người làm đối tượng. Con người bị đọa đày trong xã hội, con người thường xuyên tranh đấu chống áp bức, con người mơ ước hạnh phúc và khao khát tình yêu. Dĩ nhiên chủ nghĩa nhân đạo không phải là đề tài thuần khiết và duy nhất nhưng là giá trị cơ bản, là nét khu biệt của nền văn học Việt Nam giữa hai thế kỷ XVIII và XIX.

Không phải ngẫu nhiên mà người phụ nữ chiếm địa vị trung tâm của văn chương quốc âm ở một giai đoạn mà trật tự phong kiến đang bị lung lay. Người phụ nữ, từ nàng chinh phụ đến người cung nữ, đến cô gái giang hồ như Thuý Kiều hay người đàn bà chữa hoang trong thơ Hồ Xuân Hương, đều điển hình cho khát vọng tự do trong một xã hội từ nông thôn đang chuyển về thành thị.

Nguyễn Du và Hồ xuân Hương là cặp tình nhân của thành phố, là đôi lứa tài tử giai nhân đã cùng bơi thuyền hái sen trên Hồ Tây những năm 1790, như Nguyễn Du đã nhắc lại trong một bài thơ chữ Hán:

Mộng Đắc Thái Liên  
Khẩn thúc giáp điệp quần,  
Thái liên trạo tiểu đình.  
Hồ thủy hà xung dung,  
Thủy trung hữu nhân ảnh.

Thái thái Tây hồ liên,  
Hoa thực câu thưởng thuyền.  
Hoa di tặng sở ụy,  
Thực di tặng sở liên.

Kim thần khứ thái liên,  
Nãi ước đông lân nữ.  
Bất tri lai bất lai.  
Cách hoa văn tiểu ngữ.  
(Nam Trung Tạp Ngâm, 1804)

Mơ thấy hái sen  
Xấn cao quần cánh bướm,  
Thuyền lan chèo hái sen.  
Nước hồ dâng lai láng,  
Dáy nước bóng người in.

Hồ Tây hái hái sen,  
Hoa, trái cùng lên thuyền.  
Hoa tặng người kính trọng,  
Trái tặng người yêu thương.

Rạng ngày đi hái sen,  
Hẹn láng giềng đi với.  
Biết nàng đến cùng chẳng ?  
Cách hoa nghe cười nói.

Và Hồ Xuân Hương cũng có ghi lại trong bài thơ nôm gửi quan Đông các Nguyễn Hầu, giọng thăm thiết lẫn chút bùi ngùi :

Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhưng  
Mượn ai tới đấy gửi cho cùng  
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn  
Giác mộng rồi ra nửa khắc không  
Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập  
Phấn son càng tủi phận long đong  
Biết còn mấy chút sương siu mấy  
Lầu nguyệt năm canh chiếc bóng chong  
(Lưu Hương Ký, sau 1813 ?)

Chúng tôi ghi lại chuyện này, vì là một cuộc tình hiếm hoi còn ghi lại trong văn bản là hai bài thơ hay; nó phản ánh đời sống tình cảm một thời, một tình yêu nằm ngoài khuôn khổ hôn nhân theo lễ giáo.

**Thế kỷ XVIII : Văn học chữ Hán**  
Thế kỷ XVIII, văn học chữ Hán vì gò bó trong mực thước phong kiến nên không có nét độc đáo, nhưng cũng đóng góp nhiều tư liệu quý giá, như những trước tác

của Lê Quý Đôn (1726-1784) về rất nhiều địa hạt : Sử ký, địa lý, phong tục, sản vật. Ông là một trong những người đầu tiên khảo cứu, sưu tầm về văn học nước ta, đã ghi lại thơ văn từ thời Lý Trần, trong *Toàn Việt Thi Lục*. Và đây đó ông đã đưa ra những lý luận văn học sớm nhất. Lê Quý Đôn có lẽ là nhà bác học Việt Nam đầu tiên đã đọc sách Âu Tây qua bản dịch chữ Hán, đã nói chuyện năm châu bốn bể, đã tán thành thuyết quả đất tròn của Copernic. Riêng với bộ *Văn Đai Loại Ngữ* ông đã trích dẫn 557 đầu sách, trong đó có những tác phẩm Âu Tây. Sang đầu thế kỷ XIX Phan Huy Chú (1782-1840) sẽ tiếp tục sự nghiệp bách khoa này với bộ *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* 49 cuốn là một bộ bách khoa toàn thư, vượt cả Văn Đai Loại Ngữ về mặt phương pháp phân loại và hệ thống hoá.

Những sưu tập thơ văn thời kỳ này rất quan trọng về mặt gìn giữ văn bản, thiết lập thư tịch, tiếc rằng các tác gia như Lê Quý Đôn, Bùi Huy Bích chỉ lưu tâm đến thơ chữ Hán mà không ghi lại thơ Nôm.

Di nhiên là thơ văn chữ Hán giai đoạn này vẫn là sáng tác chính thống của các nhà nho ; đặc sắc nhất là ký sự lịch sử *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* của Ngô gia văn Phái, do Ngô Thì Chí khởi thảo. Tác phẩm là một sử liệu có giá trị văn học cao, ghi lại những biến cố chính trị quân sự và phản ánh linh động xã hội cuối thế kỷ XVIII, thời kỳ suy thoái của lý tưởng Khổng Mạnh. Một nho sĩ đã trắng trợn trả lời thầy học là Lý Trần Quán : "*Sợ thầy không tày sợ giặc, yêu chúa mưa tựa yêu thân*". Sách cũng đã ghi lại chiến thắng hiển hách của Nguyễn Huệ với đạo quân Tây Sơn, mà sau này nhà Nguyễn Gia Long sẽ liệt vào hạng "ngụy triều" và không cho nhắc nhở.

**Nhân vật truyện**  
*Hoàng Lê Nhất Thống Chí* tuy chỉ là một ký sự lịch sử biên niên, nhưng có giá trị văn học cao vì các tác giả chứng tỏ đã có một ý thức văn học rõ rệt, nghĩa là ý thức về chức năng thẩm mỹ của ngôn ngữ. Khi viết, thì phải viết làm sao cho hay. Tạo một nhân vật, phải làm sao cho linh động, như những nhân vật Nguyễn Huệ, Nguyễn Hữu Chỉnh.

Ý thức văn học ấy đã phát huy thẩm mỹ câu thơ lục bát. Trước đó, câu thơ sáu-tám

chủ yếu là vần vè, trong thế kỷ XVIII, đi kèm với cặp thơ song thất, câu thơ lục bát mỗi ngày một điêu luyện và đạt tới chức năng thi pháp cao ; rồi dần dần tạo ra một thể loại văn học dân tộc là truyện nôm, bằng thơ lục bát, với một tuyến nhân vật đa diện.

Nhân vật truyện, như Thuý Kiều, Kim Trọng chẳng hạn, dù vay mượn của Trung Quốc cũng là một khái niệm mới trong văn học Việt Nam thời đó, xuất hiện đồng thời ở truyện dân gian như Phạm Công Cúc Hoa và truyện thành văn như Hoa Tiên, Phan Trần, Nhị Độ Mai, và sau này là Lục Vân Tiên. Ngày xưa từ thời Lý Trần đến Lê Sơ văn học ta không có những nhân vật cá nhân hiện thực và súc tích như vậy. Từ thế kỷ XVIII tuyến nhân vật hư cấu này có tên có tuổi, có cuộc đời riêng, tâm sự riêng, có anh hùng như Từ Hải, có gian manh như Mã Giám Sinh, có những sầu tình khắc khoải "*máu theo nước mắt hồn lia chiêm bao*" như Kim Trọng. Và nói chung là có nhu cầu tình dục.

Nhân vật truyện, những con người có cá tính phát triển thành hệ thống, chủ yếu là vào thế kỷ XVIII, khi con người ý thức được thân phận mình và bắt đầu thắc mắc về quyền sống, quyền làm chủ số mệnh. Ôn Như Hầu, Nguyễn Gia Thiều (1741-1798) là cháu ngoại chúa Trịnh Cương, 18 tuổi đã làm tướng, làm quan to, ngày ngày vào ra nơi cung cấm mà cũng đã than thở :

*Quyền hoạ phúc trời tranh mất cả  
Chút tiện nghi chẳng trả mặc ai  
Cái quay búng sẵn trên trời  
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm*

*Trẻ tạo hoá đành hanh quá oán  
Chết đuối người trên cạn mà chơi  
Lò cừ nung nấu sự đời  
Bức tranh vãn cấu vẽ người tang thương*  
(Cung Oán Ngâm Khúc)

Câu ai oán của người cung nữ nói lên số kiếp phù sinh, mà con người thế kỷ XVIII bắt đầu nhận thức và bắt đầu phản kháng ; hoặc trực tiếp qua những ngâm khúc hoặc gián tiếp qua số phận chìm nổi của nhân vật tiểu thuyết. "Quyền hoạ phúc" nói là trời giành mất cả, nhưng kỳ thực là trong tay vua chúa, quan lại, cường hào ác bá hay có khi chỉ là mẹ cha, tộc họ

*Cha mẹ nói oan, quan nói hiệp  
Mục mài nước mắt gửi người thương*

(Ca dao)

Xã hội phong kiến rệu rã, đời sống đô thị đang thành hình, phát huy ý thức cá nhân. Đồng thời kỹ thuật in sách đã phát triển. Thể thơ lục bát đang trở nên điêu luyện, truyện chữ Nôm cũng đang trưởng thành, trên cơ sở câu thơ lục bát; cùng một lúc, ngân áy yếu tố kết hợp trong một hoàn cảnh lịch sử, đã thúc đẩy bộ môn tiểu thuyết, còn gọi là Truyện Nôm với một hệ thống nhân vật đặc sắc, đa dạng và linh động, mà trung tâm là nhân vật nữ:

*Đau đớn thay phận đàn bà  
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung,*

(Kiều)

Lời chung, là chung cho mọi người. Không cứ gì là đàn bà. Vì không cứ gì là đàn bà mới đau đớn và bạc mệnh. Thúy Kiều chỉ là một biểu tượng, cho con người cá nhân khao khát tự do, tình yêu và hạnh phúc, nhưng bị dầy vò trong xã hội. Không cứ gì là xã hội phong kiến.

### Hát Bội và Hát Nói

Cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX còn xuất hiện một tuyến nhân vật văn học khác, bước ra từ kịch hát, từ Sân Khấu Tuồng Chèo. Chèo là những hài kịch dân gian ra đời từ thời Lý, thịnh hành ở Đàng Ngoài, tiêu biểu là *Quan Âm Thị Kính* với nhân vật Thị Mầu. Tuồng Hát Bội ra đời từ thời Trần, nhưng không được thịnh hành. Vì trong một thời gian dài nghệ thuật sân khấu nói chung bị luật pháp nhà Lê giới hạn: một ông vua sáng suốt, như Lê Thánh Tông mà đã đuổi Tuồng Chèo ra khỏi cung đình, bộ luật Hồng Đức kỳ thị giới nghệ nhân sân khấu: Con em đào kép không được đi thi, không được kết hôn với con quan... Đến thế kỷ XVIII ở Đàng Trong các chúa Nguyễn mới chấp nhận, rồi dần dần khuyến khích bộ môn Tuồng Hát Bội để truyền bá lập trường phong kiến và lý tưởng tôn quân, thờ vua đến chết.

Hát Bội được quần chúng miền Nam hâm mộ vì là một bộ môn giải trí giàu âm thanh, màu sắc, động tác và tình tiết. Các tuồng nổi tiếng như *Sơn Hậu*, *Tam nữ Đờ Vương*, hay những *Tuồng Đờ như Trần Bò*, *Nghêu Sò Ốc Hến*, hài kịch xã hội dân gian, tạo nên một sinh hoạt văn hoá cộng đồng rộn rã và lành mạnh. Nghệ thuật Hát Bội xây dựng sự đồng thuận xã

hội trên một giang sơn mới, tạo gắn bó cho những thế hệ lưu dân sống rải rác và rời rạc. Kịch Hát này có chức năng bồi đắp tâm lý quần chúng, ý thức tập thể cho một xã hội mới, trên một vùng đất mới khai khẩn là Đàng Trong, tức là Miền Nam bây giờ.

Các chúa Nguyễn và các vua triều Nguyễn về sau, vào thế kỷ XIX thấy rõ tiềm lực chính trị của Hát Bội, như qua các vở *Đào Phi Phụng*, *Lý Thiên Lương*, những bi hùng kịch hấp dẫn, nên đã khuyến khích bộ môn này bằng nhiều chính sách quy mô. Bản thân các vua Minh Mệnh, Tự Đức đứng ra lãnh đạo việc chỉnh lý, sáng tác tuồng, nhờ đó mà bộ môn này được phát triển rộng rãi, chủ yếu là ở miền Trung và miền Nam.

Bên cạnh đó, đầu thế kỷ XIX, nghệ thuật ca xướng, như hát ả đào còn khai sinh ra một loại hình văn học mới là Hát Nói, một trong nhiều thể loại của Ca Trù cổ truyền. Hát nói là một bài thơ phổ theo nhịp phách để các đào nương ca xướng trong những nhà hát cô đầu thời trước. Có thể nghĩ rằng Hát Nói đối lập với Hát Bội: Hát Nói là môn tiêu khiển của thiếu số trường giả ở các thành thị miền Bắc, không vượt khỏi Đèo Ngang. Hát Bội là sở thích của quần chúng thuộc mọi tầng lớp, thịnh hành ở nông thôn miền Nam nhiều hơn miền Bắc.

Hát Nói là một thể thơ phóng túng, không hạn chữ, định câu, ép vần: vần chân liên tiếp vần lưng, vừa bằng vừa trắc, miễn sao cho có nhạc điệu êm tai. Một thể thơ linh động, đạt tới đỉnh cao với tác phẩm Nguyễn Công Trứ, nội dung phong phú, vừa trữ tình vừa khẩu khí. Về sau các nhà thơ Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Tản Đà.... đều có sử dụng thể Hát Nói. Một thể loại văn học ngày nay đã mai một, dù cho nghệ thuật Ca Trù có được phục hưng.

### Nửa sau Thế Kỷ XIX

#### Văn thơ yêu nước

Từ giữa thế kỷ XIX hải quân Pháp đã tấn công vào địa phận Việt Nam, đánh vào Đà Nẵng (1847; 1858) chiếm Gia Định (1859) miền Đông rồi miền Tây Nam kỳ (1862; 1867) và tấn công ra phía Bắc đánh vào Hà Nội (1873). Triều đình Huế mất đất rồi mất toàn bộ chủ quyền (1883).

Đã nhiều người quy kết trách nhiệm vào vua tôi nhà Nguyễn bất tài, không kịp thời canh tân xứ sở và bất lực trong việc bảo vệ đất nước. Đúng thôi. Nhưng cũng nên nhớ đến tương quan lực lượng trên thế giới lúc đó và ưu thế của nền văn minh Âu Mỹ, không phải chỉ nhờ vào súng đạn, mà còn dựa vào những định chế chính trị, kinh tế, khoa học hữu hiệu. Ví dụ Nhật Bản thời Minh Trị (từ 1867) là một biệt lệ, không có tính cách điển hình hay quy luật. Quy luật là mạnh được yếu thua: mạnh yếu trong lẽ tương đối của giai đoạn, tùy thuộc vào vũ khí, nhưng không chỉ là chuyện vũ khí.

Trong giao động của một quốc gia đang mất dần lãnh thổ và chủ quyền, dòng văn học chủ lưu dĩ nhiên là văn thơ yêu nước, và chống ngoại xâm, cũng như bao nhiêu lần trước, khi tổ quốc lâm nguy. Lực lượng nhà văn, nhà thơ ái quốc rất đông đảo, từ Bắc vào Nam, bao gồm mọi thành phần xã hội, từ những lãnh tụ chống Pháp như Nguyễn Quang Bích (1832-1889), Nguyễn Xuân Ôn (1825-1889) đến những nhà thơ tạt nguyên, sức yếu thế cô như Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) tác giả *Lục Vân Tiên* đã có nhiều tác phẩm yêu nước sôi nổi: *Văn Tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc* (1861) *Văn Tế Nghĩa Sĩ Trận Vong Lục Tỉnh* (1874) ngôn ngữ mộc mạc mà rắn chắc, sùng sục từ trái tim yêu đạo nghĩa và yêu đất nước.

Đôi khi Đồ Chiểu diễn tả tâm sự lạc loài bi phẫn của người dân mất nước như bài:

#### Chạy Giặc

*Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây  
Một bàn cờ thế phút sa tay  
Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy  
Mất ổ bầy chim dáo dác bay  
Bến Nghé của tiền tan bọt nước  
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây  
Hội trang dẹp loạn rày đâu vắng  
Nỡ để dân đen mắc nạn này.*

Nguyễn Đình Chiểu

Trong dòng văn học yêu nước, đời sau thường ca ngợi những bài thơ xướng họa của Phan văn Trị lên án gắt gao Tôn Thọ Tường và khuynh hướng hàng giặc, hợp tác với Pháp thời đó. Và ngược lại thì khuynh hướng nô dịch không để lại tác phẩm văn học đáng kể.

Người Pháp cũng có nền bảo hộ, đặt ra

một trật tự xã hội mới, đặc biệt là phát triển các thành thị, những trung tâm trao đổi hàng hoá đồng thời là cơ sở hành chính, địa bàn của chế độ thuộc địa. Những biến chuyển xã hội không thể không tạo ra một dòng văn thơ phê phán dưới dạng trữ tình, hay trào phúng như ở Nguyễn Khuyến, hay như ở Trần Tế Xương trong bài tả cảnh Nam Định sau đây :

*Có đất nào như đất ấy không  
Phố phường tiếp giáp với bờ sông  
Nhà kia lối đạo con khinh bố  
Mụ họ chanh chua vợ chửi chồng*  
(...)  
Trần tế Xương

### Đặc sắc đa dạng của thơ Nôm

Nhà thơ Nguyễn Khuyến, bên cạnh những bài thơ phúng thế, phê phán cảnh đời lố lăng trong một xã hội giao thời, đã để lại một thi phẩm xuất sắc gồm có thơ vừa chữ Hán, vừa chữ Nôm và thơ chữ Hán tự mình dịch ra Quốc âm. Chữ Nôm trong thơ Nguyễn Khuyến đã đạt đến sự toàn bích trong phẩm chất phong phú, tinh vi và uyển chuyển. Chữ nôm Nguyễn Khuyến bám sâu bầu chặt vào tục ngữ ca dao, vào lời ăn tiếng nói hàng ngày của hàng xóm láng giềng và tận dụng nét trang nhã hào hoa của văn chương thông thái. Nhà thơ Nguyễn Khuyến là một tâm hồn sâu sắc, nhạy cảm, tài tình, đã để lại những bài thơ trác tuyệt gọi nên cảnh mùa thu trong làng mạc Việt Nam, hay những bài thơ tình bạn nhẹ nhàng, trong sáng, hóm hỉnh toàn b"ng chữ Nôm :

*Đã bấy lâu nay bác tới nhà  
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa,  
Ao sâu nước cả khôn chài cá  
Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà  
Cải chửa ra cây cà mới nụ  
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa  
Đầu trò tiếp khách trầu không có  
Bác đến chơi đây, ta với ta.*

Nguyễn Khuyến

Nguyễn Khuyến là nhà thơ xuất sắc của tình bạn, với bài *Khóc Dương Khuê*. Dù rằng Dương Khuê không cùng đi một đường văn học. Thơ Dương Khuê theo khuynh hướng thoát ly và hưởng lạc như Dương Lâm hay Chu Mạnh Trinh. Đã có một thời lối thơ hành lạc bị lên án là tiêu cực thậm chí là đồi trụy. Nhưng xét cho cùng thì thú vui nhàn lạc cũng là nhu cầu bình thường của con người... Các tác giả

này đều có đóng góp nét đẹp riêng cho Văn học.

Nhưng dù sao, họ cũng là thế hệ Nho sĩ cuối cùng viết văn làm thơ. Sau đó, chính quyền bảo hộ đã áp đặt nền giáo dục mới với văn tự mới là chữ quốc ngữ theo mẫu tự la tinh. Lối chữ này có từ thế kỷ XVII qua tự điển Việt Bồ La (1656) của nhóm Linh Mục Alexandre de Rhodes; nhưng chỉ giới hạn trong giới truyền giáo, chỉ được phát triển sau này nhờ chính sách thuộc địa.

Sang đầu thế kỷ XX, các cuộc thi chữ Hán lần lượt bị bãi bỏ và nền Hán học dần dần tàn lụi. Một nền văn học mới sẽ thành hình và phát triển mau lẹ nhờ chữ quốc ngữ và khả năng truyền bá rộng rãi của sách vở và báo chí.

Chúng tôi sẽ đề cập đến những nét chính, những giai đoạn lớn của nền văn học quốc ngữ của thế kỷ XX trong một loạt bài khác, theo từng bộ môn, từng thời kỳ để cho lý luận được phân minh và chính xác.

### Tổng quan

Qua mười thế kỷ, từ thế kỷ thứ X đến XIX, văn học Việt Nam từng bước đã lần theo tiến trình của dân tộc, luôn luôn gắn bó với vận mệnh đất nước và phản ánh những khát vọng sâu sắc của nhân dân, nói chung là của con người trong nhân loại, trong từng hoàn cảnh lịch sử và địa lý riêng.

Trong một thời gian dài, từ thế kỷ thứ X đến XIV, nét khu biệt của Văn học Việt Nam là khẳng định độc lập quốc gia về chính trị và văn hoá trước những lần chiếm hay đe dọa đến từ phương Bắc. Sau đó là giai đoạn khẳng định giá trị phong kiến phát huy đến cao độ vào thời Lê Thánh Tông cuối thế kỷ XV và dần dần suy thoái. Từ thế kỷ XVIII đã phát sinh một trào lưu văn học mới, chủ yếu bằng chữ Nôm đã trưởng thành : ấy là chủ nghĩa nhân đạo mà tiêu biểu là Truyện Kiều của Nguyễn Du đầu thế kỷ XIX. Nửa sau thế kỷ XIX, đất nước dù mất chủ quyền, văn học Việt Nam, bằng chữ Nôm hay chữ Hán vẫn giữ trọn vẹn khí tiết và uy thế trong khuynh hướng yêu nước chống ngoại xâm hay yêu quê hương nơi ca làng xóm. Con người Việt Nam đội trời đạp đất Việt Nam đã minh định vị trí của

mình bằng tiếng nói văn học giàu sang và trong sáng.

Quá trình dân tộc là một lịch sử truân chuyên, nhưng không ngừng tiến triển. Từ một bộ tộc nhỏ ven sông Hồng, bị ngàn năm đô hộ mà đã vùng lên giành lại chủ quyền. Rồi một mặt phòng ngự phương Bắc, một mặt phát triển về phương Nam trừ phú. Vừa giữ nước, vừa dựng nước vừa mở mang bờ cõi, thật là dũng cảm. Nói là anh hùng cũng không quá đáng.

Trong quá trình đó, văn học đã đóng đúng vai trò của mình, từ khi phôi thai đến lúc trưởng thành. Văn học lãnh nhiệm vụ chỉ đạo hay phê phán hay phản ánh đời sống dân tộc trong vinh quang và cơ cực và lúc nào cũng tỏ ra xứng đáng. Văn thơ đời truy hay phản dân hại nước dường như không có chỗ đứng trong lịch sử văn học.

Quá trình văn học đã là vậy. Nhiệm vụ hiện tại và tương lai của văn học là góp phần xây dựng tự do và hạnh phúc con người trong một xã hội tiên tiến và dân chủ bằng cách thẳng thắn phê phán những tệ đoan của xã hội, những tác hại của cường quyền và bạo lực. Văn thơ xu phụ quyền thế chưa bao giờ sáng giá. Văn thơ của hội Tao Đàn thời Lê Thánh Tông và Triều Thành Thiệu trị Tự Đức chứng tỏ điều đó. Chúng tôi khỏi cần nêu lên những ví dụ gần hơn hay thời sự mà nhiều người đã biết.

Trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước văn học đã có những đóng góp kịp thời và xứng đáng trong quá khứ. Nhiệm vụ mới của văn học là phát huy một xã hội tiến bộ, cởi mở, tự do, dân chủ, nâng cao phẩm chất con người và giúp con người Việt Nam, đầu niên kỷ mới này, hoà nhập và hoà hợp với một thế giới tiên tiến. Một thế giới với những phương tiện truyền thông mới, đang biến thành một cái làng nhỏ như làng Yên Đổ của Cụ Nguyễn Khuyến.

Văn học phải bảo đảm tính dân tộc nhưng đồng thời phát huy tính nhân loại, mà ba nét chính hiện nay là tự do, dân chủ và yêu chuộng hoà bình. Chúng tôi cầu chúc cho Văn học Việt Nam sớm đạt được những yêu cầu đó mặc dù điều kiện sáng tạo và phổ biến tác phẩm còn khó khăn, tự do phát biểu còn bị giới hạn.

Đặng Tiển

17/11/1999

Trang 29



**Chuyện cổ tích**

Nguyễn Gia Kiểng

Tôi hay làm phiền lòng độc giả với những biện luận về chính trị, lịch sử và tư tưởng. Trong số báo ra đầu xuân Canh Thìn này, để chuộc tội, xin kể hầu quý vị một vài câu chuyện cổ tích. Những câu chuyện này đều ngắn vì tôi chỉ biết một cách sơ sài.

Chuyện thứ nhất là Phù Đổng Thiên Vương, còn gọi là Thánh Gióng, có lẽ vì Gióng là tên nôm của làng Phù Đổng chẳng? Điều này có thể kiểm chứng khá dễ dàng nhưng tôi vẫn không có thì giờ để làm. Hiện nay hàng năm, tại làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, tỉnh Vĩnh Phú vẫn có ngày hội lớn về sự tích Thánh Gióng.

Tục truyền rằng vào đời vua Hùng Vương thứ 6, nước ta, thời bấy giờ gọi là Văn Lang, bị giặc Ân đánh phá (không tài liệu sử nào cho biết giặc Ân là giặc nào), vua cho đi rao truyền trong nước tìm người tài ra đánh giặc. Lúc đó tại làng Phù Đổng, có một đứa bé đã ba tuổi mà vẫn chưa biết nói, chỉ nằm một chỗ, nghe tiếng loa truyền bỗng nhiên ngồi dậy, vươn mình thành một thanh niên cao một trượng, rồi theo sứ giả về chầu vua, xin đúc một cây roi sắt và một con ngựa sắt. Được cấp roi, ngựa, chàng thanh niên liền nhảy lên yên. Ngựa sắt bỗng nhiên cử động được. Chàng thanh niên phi ngựa ra trận đánh tan quân giặc. Đến núi Sóc Sơn thì giặc tan hết và chàng thanh niên cũng về trời mất tích. Dân chúng tưởng nhớ tôn làm Phù Đổng Thiên Vương, hoặc Thánh Gióng. Đây là chuyện cổ tích mà lúc còn nhỏ tôi thích nhất bởi vì nó vừa là chuyện của một đứa bé, vừa là chuyện kiếm hiệp và cũng vừa là chuyện thần thoại.

Chuyện thứ hai là chuyện Chử Đồng Tử. Vào đời vua Hùng Vương 16, Chử Đồng Tử là một thiếu niên mồ côi mẹ sống với cha bằng nghề bắt cá trên sông. Hai cha con nghèo đến độ chỉ có một cái khố phải chia nhau mà mặc. Các bạn trẻ có lẽ không biết cái khố là gì. Tôi tuy không già lắm nhưng hồi còn trẻ ở nhà quê cũng đã được nhìn thấy những người

mặc khố (ngôn ngữ nông thôn gọi là "đóng khố" thay vì mặc khố). Nó gần giống như một quần slip, nghĩa là rất ít vải, tác dụng duy nhất của nó chỉ là để che hậu môn và bộ phận sinh dục.

Một hôm, giữa lúc cha đang đóng khố, Chử Đồng Tử đang trần truồng bên bờ sông thì một công chúa được lính hầu kiệu tới. Chử Đồng Tử hốt hoảng không biết trốn đâu bèn chui đại xuống bãi cát, lấy cát phủ lên mình. Không biết anh ta thở cách nào nhưng anh ta tự chôn khá kín, công chúa cũng như lính hầu đều không thấy. Sự tình cờ đã khiến công chúa chọn ngay chỗ anh ta vùi mình để quây phòng tắm. Công chúa cứ thoải mái múc nước gội lên mình, cho đến lúc giặt mình nhận ra một chàng trai cường tráng lóa thể ngay dưới chân mình bởi vì trong lúc xối nước cô đã làm trôi đi lớp cát phủ trên thân Chử Đồng Tử. Thế là một đôi trai gái trần truồng gặp nhau trong một phòng kín. Công chúa như thế đã bị coi như mất trinh tiết với Chử Đồng Tử, nhà vua chỉ còn cách cho hai người kết hôn, và Chử Đồng Tử trở thành phò mã. Câu chuyện này rất vui, bởi vì nó là một câu chuyện của sự may mắn, một chàng trai đánh cá nghèo khổ tình cờ lấy được công chúa.

Chuyện thứ ba là chuyện Lưu Bình - Dương Lễ. Đây vừa là một câu chuyện về tình bạn, vừa là câu chuyện lập thân. Không biết đây là chuyện xảy ra ở bên Tàu hay tại nước ta nhưng hình như người Việt Nam nào cũng biết.

Lưu Bình và Dương Lễ là đôi bạn thân thiết. Sau một kỳ thi Dương Lễ đỗ, được ra làm quan và sống phú quý, trong khi Lưu Bình thi rớt. Lưu Bình đến thăm bạn và bị Dương Lễ sai lính cầm roi đánh đuổi một cách khinh bỉ. Tức quá, Lưu Bình về nhà quyết chí học cho đậu để rửa nhục. Đang lúc túng thiếu thì bỗng nhiên Lưu Bình gặp được một cô gái xinh đẹp và có tài sản bằng lòng lấy Lưu Bình và nuôi Lưu Bình ăn học. Hạnh phúc làm con người trở thành thông minh và chuyên cần, khóa sau Lưu Bình đỗ cao và trở thành quyền quý. Lúc đó

Lưu Bình mới mời Dương Lễ tới nhà mình để chứng kiến sự giàu sang của mình, với dụng ý làm cho Dương Lễ phải xấu hổ vì sự bội bạc ngày xưa. Nhưng cuộc gặp gỡ này chỉ là dịp để Lưu Bình khám phá ra rằng vợ mình thực ra là một tì thiếp của Dương Lễ, được gọi tới để giúp Lưu Bình ăn học. Dương Lễ đã giúp bạn một cách khôn ngoan, vừa làm nhục bạn để kích thích ý chí, vừa giúp phương tiện để bạn học thành công. Câu chuyện này đẹp và có giá trị giáo dục nên tôi được nghe kể khá nhiều lần và lần nào cũng thích thú lắng nghe dù đã thuộc lòng.

Chuyện thứ tư là một chuyện dã sử. Đó là câu chuyện Thị Lộ, còn gọi là chuyện rắn báo thù và liên hệ đến cái chết bi thảm của Nguyễn Trãi, một khai quốc công thần có công phò Lê Lợi đánh đuổi quân Minh giành độc lập cho nước ta và cũng là nhà tư tưởng chính trị lớn của nước ta. Sau khi giúp vua lấy lại được đất nước, Nguyễn Trãi được phong đứng đầu trăm quan, rồi sau đó cáo quan về quê.

Khi về hưu, Nguyễn Trãi ra lệnh cho gia nhân dọn sạch khu vườn bấy lâu bị bỏ hoang nên đầy bụi rậm và cỏ dại. Đêm trước ngày khởi sự, Nguyễn Trãi nằm mơ thấy một con rắn biết nói tới xin ông hoãn lại việc dọn vườn vì nó mới sinh con nhỏ nên chưa thể đi ngay chỗ khác được. Cho là chuyện mộng mị vô vẩn, Nguyễn Trãi không để ý tới và cũng chẳng nói với ai. Ngày hôm sau gia nhân dọn vườn và trình với ông đã thấy một ổ rắn, họ đã giết được bầy rắn con nhưng rắn mẹ chạy thoát, họ chỉ chặt được một khúc đuôi. Tối hôm đó Nguyễn Trãi đang nằm đọc sách thì một giọt máu từ nóc nhà nhỏ xuống ngay cuốn sách thắm ba trang. Đó là máu của con rắn mẹ đã leo lên nóc nhà.

Ít lâu sau Nguyễn Trãi gặp Thị Lộ, một cô gái trẻ vừa xinh đẹp vừa giỏi thơ văn, ông bèn lấy làm thiếp và rất chiều chuộng. Một hôm, vua Lê (đây là Lê Thái Tông, con của Lê Lợi tức Lê Thái Tổ) du hành qua đấy bèn ghé thăm Nguyễn Trãi và ngủ đêm tại nhà ông. Thấy Thị Lộ xinh đẹp, vua bèn bảo Nguyễn Trãi để Thị Lộ ngủ với mình. Đêm hôm đó, không biết vua say sưa hoan lạc với Thị Lộ thế nào mà chết,

Nguyễn Trãi bị buộc tội giết vua và bị giết cùng với cả họ hàng ba đời. Lúc đó người ta mới hiểu Thị Lộ chính là hồn ma của rắn mẹ hiện hình làm gái để báo thù Nguyễn Trãi, và giọt máu thấm ba trang giấy là điềm báo trước Nguyễn Trãi sẽ bị tru di tam tộc.

Câu chuyện này tuy thương tâm, nhưng có sức hấp dẫn đặc biệt. Nó ly kỳ và ma quái, hơn nữa nó lại là chuyện về rắn, con vật vừa kinh dị vừa quyến rũ.

Bây giờ, các bạn đã được giải khuây rồi tôi xin thưa một điều. Đó là ngay cả những câu chuyện bề ngoài rất vô hại và đôi khi còn có tính giáo dục, cũng có thể chuyển chỗ những giá trị rất độc hại. Càng độc hại hơn nữa khi chúng là những câu chuyện bà kể cho cháu, vì chúng ta tiếp thu một cách ngây thơ, vô tình và không cảnh giác. Những câu chuyện như thế tiếp thu ở tuổi thơ ngây đã là những dấu ấn đầu tiên trong trí tuệ và khiến chúng ta chấp nhận một cách thụ động và không bàn cãi những giá trị thực ra có tác dụng quan trọng đối với xã hội và con người.

Cả bốn câu chuyện này không vô tư như chúng ta tưởng, chúng đều có tác dụng truyền bá những giá trị củng cố cho một trật tự có sẵn: quyền lực tuyệt đối của vua, lý tưởng nô dịch của kẻ sĩ, và thân phận thấp kém của phụ nữ.

Phù Đổng là một vị thần chứ không phải là một con người. Sinh ra được ba năm mà vẫn nằm im, rồi vươn vai một cái mà cao đến một trượng, rồi cười ngửa sất, một mình đánh tan giặc, rồi lên núi về trời. Một vị thần như vậy mà cũng phò vua thì chắc chắn vua phải là trời, và đã là trời thì dĩ nhiên quyền lực của vua phải tuyệt đối. Chuyện Thánh Gióng là một câu chuyện bịa đặt, có thể dựa trên một sự kiện có thực nhưng rất khác, trong mục đích đặt nền tảng cho chế độ quân chủ chuyên chế. Ngày nay trong nước đang có một khuynh hướng khai thác chuyện Thánh Gióng cho một mục đích chính trị đúng đắn, lấy gương Thánh Gióng cao thượng sau khi dẹp xong giặc đã bỏ đi để nhắc nhở đảng cộng sản và phê phán thái độ lì lợm khư khư giữa lấy quyền lực của họ. Tôi rất ngờ vực tác dụng của cuộc vận động này. Ví những chiến công của đảng cộng sản với Thánh Gióng là nhìn nhận rằng những cuộc

chiến mà đảng cộng sản khởi xướng và điều động có chính nghĩa và có ích cho dân tộc. Điều này không hiển nhiên, nhưng không phải là điều tôi muốn bàn. Điều tôi muốn bàn là sự thiếu sức thuyết phục của lập luận. Tại sao lại phải bỏ ra đi sau khi đã lập công? Tại sao không ở lại tiếp tục giúp nước? Thực ra chúng ta không có quyền đòi đảng cộng sản phải ra đi, chúng ta chỉ đòi họ ra đi khi không còn được nhân dân chấp nhận nữa. Chỉ có những cuộc bầu cử tự do mới cho thấy nhân dân còn muốn họ ở lại hay không.

Tại sao một công chúa, chỉ vì vô tình nhìn thấy một thanh niên khỏa thân mà lại có thể bị coi là mất tiết hạnh? Một công chúa mà còn như vậy thì một cô gái con nhà thứ dân ra sao? Số phận người phụ nữ sao mà rẻ rúng thế! Câu chuyện Chử Đồng Tử không vô tư, nó có mục đích củng cố sự thống trị của nam giới trên nữ giới, đồng thời nó cũng có mục đích tôn vinh quân quyền. Lấy công chúa được coi là diễm phúc lớn nhất của đời người. Bất luận công chúa tuổi tác, nhan sắc, đức hạnh ra sao. Trẻ em Việt Nam bị đầu độc nặng đến nỗi không có đứa nào đặt câu hỏi "thế Chử Đồng Tử có bằng lòng lấy công chúa không?". Giả thuyết Chử Đồng Tử không muốn lấy công chúa hình như không đặt ra, lấy được công chúa đã là hạnh phúc và vinh dự quá rồi. Câu chuyện không phải chỉ có mục đích giải trí, nó còn có dụng ý "giáo dục", giáo dục về một quan niệm tiết hạnh của người phụ nữ và một cách gián tiếp về sự cao quý của hoàng tộc.

Người "vợ" của Lưu Bình sau này sẽ tiếp tục là vợ Lưu Bình hay sẽ về với "chồng" cũ là Dương Lễ? Ở với Lưu Bình thì sẽ không còn được quý trọng vì đã qua tay Dương Lễ, nghĩa là đã "ô uế" rồi, mà về với Dương Lễ cũng không xong bởi vì cũng đã chung sống với Lưu Bình. Thân phận ti thiếp làm lúi là lối thoát hợp đạo lý duy nhất của cô. Ở cương vị ti thiếp, cô có thể bị trao đổi một cách rất phải đạo như một vật dùng. Cái chữ "trình" mà đàn ông bắt đàn bà phải tôn trọng như tính mạng, chính họ lại chà đạp lên một cách thần nhiên. Nhưng chuyện Lưu Bình - Dương Lễ không phải là chuyện trai gái mà còn là chuyện quan trường. Nó cho thấy mộng đời duy nhất của thanh niên là thi đỗ để

làm quan. Không làm quan thì không là gì cả, còn hề làm quan thì có tất cả, nhà cao cửa rộng, thế thiếp đầy đàn. Cái lý tưởng mà đứa trẻ được nhồi sọ ngay lúc ra chào đời là cố học để làm quan, là "trong sách có gái đẹp". Sách thánh hiền thật là cao quý!

Câu chuyện Lưu Bình - Dương Lễ còn chứa đựng cả một quan niệm về công quyền, đó là quan niệm "chức quyền" thay vì "chức trách". Chức vụ là một địa vị cho phép thụ hưởng chứ không phải là một trách nhiệm. Lưu Bình cũng như Dương Lễ chỉ mới đậu xong và ra làm quan đã lập tức trở thành giàu sang, phú quý. Đằng sau câu chuyện có mục đích giáo dục đó là cả một văn hóa tham nhũng.

Còn chuyện Thị Lộ? Câu chuyện này chắc chắn là một sự bịa đặt của triều đình nhà Lê để dùng sự huyền bí chạy tội ác man rợ tàn sát cả ba họ một khai quốc công thần. Nhưng nó cũng có tác dụng bình thường hóa bản chất thô bạo của văn hóa Khổng Giáo. Thị Lộ là phụ nữ và đã là phụ nữ thì nhân phẩm của bà không đáng kể. Bà là ái thiếp của Nguyễn Trãi, nhưng vua muốn thỏa mãn nhục dục bà cũng phải tuân theo. Cái chữ "tiết trinh" được đề cao như đạo lý cao nhất của phụ nữ cũng phải dừng lại trước đòi hỏi của nhà vua. Ở đây người đàn bà còn bị ví với rắn độc. Thật là tàn nhẫn, người phụ nữ Việt Nam không những chỉ bị chà đạp, khinh bỉ mà còn bị thù ghét.

Còn Nguyễn Trãi? Vị đệ nhất công thần này từng nằm gai nếm mật cạnh Lê Lợi, bố của Lê Thái Tôn, cũng phải nộp người yêu của mình cho một thằng bé bằng tuổi con mình hành lạc ngay tại nhà mình, không chừng còn phải lạy tạ ơn mưa móc và dọn giường chiếu cho nó. Và khi không may vua vì quá đê mê mà chết thì bị kết tội và bị giết cả ba họ. Vua là trời, quần thần không là gì cả. Một ông quan, nghĩa là một kẻ sĩ may mắn thành đạt, dù tài giỏi tới đâu đi nữa, dù chức phẩm cao tới đâu đi nữa cũng không hơn gì một con vật trước mặt vua, vua muốn nọc ra đánh vài chục trượng, muốn tiến, muốn giết bỏ tùy ý và muốn giết sạch cả cha mẹ, anh em, con cháu cũng được luôn. Vậy mà làm quan vẫn là giấc mơ của kẻ sĩ. Những đứa trẻ được nuôi dưỡng bằng những câu chuyện như

thế làm sao lớn lên giữ được phẩm cách, làm sao tránh khỏi tâm lý vong thân?

Văn hóa của một dân tộc là toàn bộ những giá trị đã được chấp nhận và tạo ra cách suy nghĩ, hành động và ứng xử của dân tộc đó. Khi nhận định về văn hóa cá nhân của mình, chúng ta thường mắc phải một sai lầm rất lớn là đồng hóa văn hóa với kiến thức, trong khi kiến thức chỉ là một phần không quan trọng của văn hóa. Chúng ta có thể có những kiến thức rất sâu sắc về y học, điện tử, động nhiệt học, kế toán và cả triết lý nữa, nhưng văn hóa của chúng ta, nghĩa là cách sống, suy nghĩ, hành động và ứng xử của chúng ta vẫn theo một hệ thống giá trị có sẵn nào đó.

Và văn hóa có cách lưu truyền của nó. Một số giá trị ban đầu, nảy sinh do một bối cảnh xã hội đặc thù hay được kẻ cầm quyền áp đặt, tạo ra một nếp sinh hoạt xã hội. Đến lượt nó, nếp sinh hoạt đó, với những thể hiện vật chất và tâm linh, điều kiện hóa con người, để rồi con người truyền lại cho nhau qua các thế hệ. Chúng ta tiếp thu một văn hóa lúc mới chào đời khi trí tuệ còn non nớt chưa có khả năng tự vệ, chúng ta chấp nhận những giá trị của văn hóa đó như những sự hiển nhiên không cần bàn cãi, bởi vì những giá trị đó không đến với chúng ta bằng lý luận. Chúng đến với chúng ta qua kiến trúc của làng xã, phố phường, bề rộng của những con đường, hình dạng của căn nhà, kích thước của cái cửa sổ. Chúng đến với chúng ta qua sinh hoạt gia đình và bằng hữu. Chúng cũng đến với chúng ta qua những câu chuyện bà kể cho cháu, cô giáo kể cho học trò. Nói chung, chúng thường đến một cách gián tiếp và giấu mặt khiến chúng ta chấp nhận một cách vô tình, chứ không đến một cách trực tiếp và lộ diện để chúng ta có thể nhận định và chọn lựa. Chính vì thế mà một số người Việt Nam có thể không hề nhìn thấy một lần trong đời cuốn Luận Ngữ và không biết gì về sử Trung Hoa mà vẫn thuộc văn hóa Khổng Giáo và vẫn là sản phẩm tinh thần của Đông Chu Liệt Quốc. Một cách tương tự một người Châu Âu dù chưa từng nghe nói tới Socrate, Platon và chưa đọc một chuyện thần thoại Hy Lạp nào, vẫn bị ảnh hưởng nặng nề của văn hóa Hy Lạp và vẫn là đứa con tinh

thần của Ulysse.

Rất có thể là có những bạn đọc trẻ không hề biết tới một chuyện nào trong cả bốn câu chuyện cổ tích mà tôi vừa kể, nhưng không nhiều thì ít, và nhiều chứ không ít, các bạn vẫn chịu ảnh hưởng của những giá trị mà chúng chuyên chở, bởi vì các giá trị ấy đã được môi trường sinh sống và những người đã tiếp thu chúng trước truyền lại cho các bạn. Tôi thường được nghe nhiều vị phân vân nếu bỏ văn hóa truyền thống thì chúng ta còn lại gì, chúng ta có mất mát lớn hay không. Xin quý vị yên lòng, quý vị dù muốn cũng không bỏ được đâu. Chính tôi, một người phê phán gay gắt Khổng Giáo, tôi vẫn là một sản phẩm của Khổng Giáo. Một văn hóa có sức sống dai dẳng khó tưởng tượng nổi của nó. Nếu thay đổi một nền văn hóa là việc dễ dàng thì bộ mặt thế giới đã khác hẳn, đã không có những quốc gia có lợi tức bình quân trên mỗi đầu người lớn gấp một trăm lần nhiều quốc gia khác.

Văn hóa quyết định tổ chức xã hội, và tổ chức xã hội quyết định chỗ đứng và sự hơn kém của các dân tộc. Chế độ cộng sản không phải là một sự ngẫu nhiên của lịch sử. Nó thành công và tồn tại được mà không gặp sự chống trả đáng lẽ phải có bởi vì nó chỉ là sự kết tinh của những giá trị nền tảng của xã hội ta và chúng ta vẫn chưa dứt khoát chọn lựa những giá trị vừa phản bác nó vừa khiến ta phần nộ vùng lên đòi dẹp bỏ nó dù phải trả giá nào.

Tôi sinh sống bằng nghề kỹ sư cơ vấn. Nghề nghiệp của tôi thường cho tôi cơ hội để thẩm định giá trị của các hệ thống quản trị bằng tin học. Kinh nghiệm cho thấy chỉ có hai nguyên nhân đưa tới một hệ thống tin học dở: một là máy (hardware) dở, hai là các chương trình (software) được đặt vào máy dở. Cùng thế, khi một quốc gia lạc hậu và thua kém thì chỉ có hai giả thuyết: một là con người tồi, hai là văn hóa tồi.

Nhưng con người của ta không tồi. Tỷ lệ thành công của các sinh viên Việt Nam trong các trường đại học không thua sinh viên Âu Mỹ. Người Việt hải ngoại trong một thời gian ngắn ngủi đã gần như đạt được mức sống trung bình tại các quốc gia phồn vinh khác. Chúng ta khá thông minh và chúng ta cũng rất

chăm làm. Vậy thì cái gì khiến chúng ta không vươn lên được, nếu không phải là vì văn hóa của ta độc hại?

Muốn vươn lên chúng ta phải thay đổi văn hóa, nghĩa là các giá trị nền tảng. Nhưng đây lại là một việc rất gian lao vì, xin nhắc lại một lần nữa, văn hóa có sức sống rất dai dẳng. Nếu quả quyết và dứt khoát thì cũng chưa chắc gì sau 50 năm nữa chúng ta đã thay đổi được. Nếu lại còn lưỡng lự tiếc nuối thì không biết đến bao giờ.

Thế kỷ 20 đối với chúng ta đã là một thế kỷ của canh tân, nhưng chúng ta chưa đi đến đâu trên lộ trình canh tân, bởi vì chúng ta tuy đã thấy được sự lạc hậu của các giá trị cũ nhưng lại không muốn chấp nhận những giá trị mới. Cái gốc của chúng ta dở nhưng chúng ta lại sợ mất gốc. Chúng ta như người muốn ra đi nhưng không biết đi đâu và chưa đi đã sợ đi quá xa, cho nên chúng ta không thể đi xa.

Thế giới đang nhỏ lại và các dân tộc đang đến gần nhau. Không có những giá trị phương Đông và những giá trị phương Tây, chỉ có những giá trị tốt và những giá trị có hại. Những giá trị tốt là hòa bình, tự do, dân chủ, bình đẳng, nhân quyền, nhà nước pháp trị, đối thoại, hợp tác, lợi nhuận. Những giá trị đó đã tạo ra sức mạnh của các nước phương Tây; chúng không phải là những giá trị của phương Tây mà là những giá trị phổ cập của loài người, có sẵn trong mọi dân tộc và mọi nền văn minh, nhưng chỉ gần đây mới có một số ít dân tộc triệt để phát huy chúng và trở thành giàu mạnh hơn hẳn phần còn lại của thế giới.

Đến đây tôi xin khẩn khoản thưa với độc giả đôi lời tha thiết. Tất cả người Việt chúng ta, dù ở trong hay ngoài nước, dù ở lứa tuổi nào vẫn còn bị nhiễm độc rất nặng nề vì một văn hóa Khổng Mạnh được du nhập vào nước ta với một nội dung còn tồi tệ hơn cả nguyên bản của nó tại Trung Quốc. Xin chớ vội nghĩ rằng tư tưởng của chúng ta đã hoàn toàn đổi mới. Cái di sản văn hóa hơn hai ngàn năm đó vẫn khống chế chúng ta. Chúng ta phải ý thức điều đó thì mới có hy vọng rũ bỏ được nó để bay bổng và tiến xa. Một bệnh nhân không biết mình mắc bệnh thì không thể chữa bệnh.

**Nguyễn Gia Kiểng**

# Mạn đàm về tập hợp

Phạm Ngọc Lân

Lại nhớ lúc còn đi học, lần đầu được tiếp xúc với "tập hợp" tại trường Đại học Khoa học Sài Gòn, tôi như người khát nước vớ được ly chanh đường! Bạn nào ngày xưa có đi học bằng xe đạp ở Sài Gòn vào những năm 60 (của thế kỷ 20, xin nói cho rõ!) hẳn không thể quên ly nước đá chanh đường uống dưới bóng cây phượng vĩ quán nước đầu đường, sau khi đã đạp vài cây số dưới nắng Sài Gòn (mà chẳng gặp một áo lụa Hà Đông nào cả!). Sở dĩ hôm nay tôi phải dông dài lẩn thẩn như thế để hy vọng các bạn chia sẻ cùng tôi nỗi hân hoan khi được học cái được gọi là "tân đại số".

Xin các bạn đừng nghĩ tôi có ý miệt thị khi dùng chữ "cái gọi là" đâu nhé! Chẳng qua vì cái gọi là "tân đại số" đã có tự đời nào đời nào rồi (từ thế kỷ 19, trước cả thế kỷ 20 nữa kia), nhưng mấy ông Tây soạn chương trình cho học sinh xứ Pháp thì làm việc rất chậm chạp nên phải đến những năm 60 (nhắc lại là của thế kỷ 20) mới được đưa vào chương trình học. Và mấy ông Ta soạn chương trình cho học sinh xứ mình cũng chỉ chờ mấy ông Tây làm xong là cứ đưa nguyên con vào chương trình của mình, cho nó khỏe!

Rồi đến phiên tôi dạy lại học trò, cùng lại tập hợp, rồi tiểu tập hợp, rồi phần giao của hai tập hợp, rồi phần hội của hai tập hợp, v.v... và v.v... (Khi được tiếp xúc với văn hóa Bắc kỳ 75 lại biết thêm được "tập hợp con", nhưng lại chẳng thấy "tập hợp cái"...). Tất cả những khái niệm được trình bày một cách lớp lang, dùng toàn những ký hiệu rất đơn giản, tiêu biểu cho một logic toán học làm cho tôi ngạc nhiên tại sao đến lúc đó người ta mới đưa vào chương trình học.

Sự thích thú của tôi không phải chỉ ngừng ở chỗ thỏa mãn về lý trí, mà còn vì được thỏa mãn cả về vật chất nữa. Thật vậy, thuở giao thời nào cũng tạo ra những lần ranh rất bất công. Những đàn anh của tôi, có khi chỉ vài năm thôi, bị

mang tiếng là không biết gì về "tân toán học" nên thế hệ của tôi rất ăn khách trên thị trường thầy dạy toán, vốn đã là một thị trường cung ít cầu nhiều.

Bằng đi một phần tư thế kỷ, những tưởng "tập hợp" đã vĩnh viễn đi vào kỷ niệm thời son trẻ, nào ngờ nó lại trở về chiếm ngự cả tâm tư và suy nghĩ. Lần này chẳng phải toán học, cũng chẳng phải logic. Nó đã đi sang lãnh vực khác, nó được gắn liền với "dân chủ", với "đa nguyên". Nó hành diện là một phần tử của cái tên mới ra đời: Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

Có bạn nào tự đặt câu hỏi về lý lịch của những người cha đẻ ra cái tên đó không? Chắc toàn mấy tay ghiền "tân toán học"? Cũng có thể có, cũng có thể không, nói theo kiểu mấy ông Tây Noóc-mãng. Phải công nhận là trong tập hợp này, cũng có nhiều tay tú tài toán, nhưng cũng có các thành phần khác nữa chứ. Kể cả những tay còn trẻ măng, không học trung học ở Việt Nam hay ở Pháp, nên không biết tú tài là gì...

Thật ra, nếu chịu khó đi ngược dòng thời gian 17 năm về trước, hai chữ "tập hợp" đã được dùng từ năm 1983 trong "nhóm thứ năm" khi nói về "một tập hợp dân tộc mới". "Nhóm thứ năm" có tên như thế chẳng phải vì đã có bốn nhóm họp vào tối thứ năm, cứ hai tuần họp một lần, tại một cao ốc ngoại ô phía nam Paris. Những "người ngày xưa" chắc còn nhớ một kỷ niệm đẹp. Chúng tôi độ mười người, cứ đúng giờ lại đến nơi họp, chạy thẳng từ sở ra, chẳng phải hẹn hò gì cả. Người bạn chủ nhà khi ấy còn độc thân đã làm cho mỗi người một chiếc chìa khóa. Ai đến trước cứ tự tiện mở cửa vào, đối bụng thì đã có bánh mì giò chả, khát thì đã sẵn nước trong tủ lạnh. Cứ thế mà họp, mà cãi nhau, đến một hai giờ sáng mới tan hàng, hôm sau lại đi cày như thường.

Sau gần hai năm suy nghĩ, thảo luận, đôi lúc cãi nhau như "mổ bò", cuối cùng cái tập hợp nhỏ bé đó cho ra đời tập "Cơ sở tư tưởng" năm 1984, viết tay, dưới dạng photocopy. Cho đến gần đây, tôi đã gặp lại được những người vẫn còn giữ bản viết tay này. Hơn một năm sau, một ấn bản được in ra bằng máy điện toán, có bổ sung những ý kiến mới. Lúc ấy không còn thu gọn trong tập hợp nữa, mà có sự đóng góp của rất nhiều người Việt Nam ở khắp năm châu. Bản này được tung ra ngày 15 tháng 2 năm 1986, ngay sau Tết Bình Dân.

Tỉnh tôi lắm cảm thích lưu trữ những gì mình xem là mồ hôi nước mắt của anh em mình, nên còn giữ cả các bản thảo viết tay từ 1983, đến bản in 1986 của "Cơ sở tư tưởng". Vì vậy bây giờ tôi có thể nói chắc như đinh đóng cột rằng chữ "một tập hợp dân tộc mới" được in bằng chữ đậm ở trang 19 của ấn bản 1986.

Rồi "nhóm thứ năm" không còn là "thứ năm" nữa, mà đã phát triển thêm nhiều chỉ hữu, và họp hành cũng không còn chỉ là tối thứ năm, mà họp cả vào cuối tuần. Anh em lúc bấy giờ quyết định ấn hành một tờ báo làm diễn đàn chính trị chung cho người Việt Nam, đồng thời phổ biến quan điểm của nhóm trình bày trong "Cơ sở tư tưởng". Nguyệt san Thông Luận ra đời tháng 1 năm 1988, và "nhóm Thông Luận" cũng ra đời từ đó, vì lý do giản dị là nhóm vẫn không có tên, nên người ngoài đành phải dùng tên tờ Báo để đặt tên cho nhóm.

Hai chữ "Tập hợp" đã xuất hiện lần đầu trên mặt báo Thông Luận (số 12, tháng 1-1989) trong một bài do kẻ hèn này viết, lấy nhan đề "Một tập hợp dân tộc mới", một chủ đề của "Cơ sở tư tưởng". Bài viết mở đầu bằng cụm từ "Hòa giải và hòa hợp dân tộc". Chắc các bạn cũng đoán ra phản ứng của những người chống đối thời đó khi Thông Luận "dám cả gan" đụng chạm đến một

ta-bu được xem như một thứ bùa mê của phe cộng sản mà "phe ta" không thể nào dùng được.

Thiên hạ được chia ba: thành phần bị thua, thành phần bị lừa và thành phần bị bịp bợm. "Tập hợp dân tộc mới" gồm hai "tập hợp con" bị thua và bị lừa, kết hợp lại với nhau bằng chất keo "hòa giải và hòa hợp dân tộc", để đánh bại thành phần bị bịp bợm. Bọn bị bịp bợm này thật ra chỉ là một nhóm nhỏ, nhưng do bản chất bị bịp bợm của chúng, biết sử dụng hai thành phần kia để hưởng lợi: chúng dùng thành phần bị lừa để đàn áp thành phần bị thua, và dùng thành phần bị thua để đe dọa thành phần bị chúng lừa gạt.

Chuyện xem ra đơn giản nhưng chẳng đơn giản chút nào! Kêu gọi "hòa giải dân tộc" thì có người lại tri hô lên là "hòa giải với cộng sản". Phe quốc gia (cũ) thì nói chẳng có gì phải hòa giải, tên Việt Cộng nào đã từ bỏ đảng cứ việc quay về với chính nghĩa quốc gia sẽ được tiếp đón nồng hậu, gương những người chiêu hồi còn rành rành đấy. Về phía cộng sản, những thành phần cấp tiến thực sự muốn dân chủ hóa đất nước cũng nghi ngờ thiện chí của những kẻ thù cũ. Và vì thế mà cái gì cũng chậm chạp.

Nhưng "nhóm Thông Luận" vẫn kiên trì đeo đuổi chủ trương mà mình cho là đúng. Chậm nhưng chắc. Những thành phần của nhóm đã phản ánh đúng "một tập hợp dân tộc mới", dĩ nhiên dưới dạng thu hẹp. Các chỉ hữu trong nhóm đến từ hai thành phần nói đến trong "Cơ sở tư tưởng", và đến như nhau như những người anh em, bình đẳng với nhau, vì cùng nhận ra cả hai đều là nạn nhân. Không ai chiêu hồi ai.

Và đã đến lúc hai chữ "tập hợp" lại trở lại với nhóm, trở lại một cách rất tự nhiên trong danh xưng chính thức của một tổ chức chính trị, "Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên", mà tôi rất hạnh diện là một thành viên.

**Phạm Ngọc Lân**  
tháng 1-2000

## **Bắc Kinh dùng thủ đoạn tráo trở thay các "Phật sống" ở Tây Tạng**

Ngày 5 tháng giêng vừa qua, Ugyen Trinley Dorjo 15 tuổi, một vị Phật sống thứ 17, chủng môn phái 'mũ đen' tẩu thoát từ Lhasa sang lánh nạn ở Dharamsala ở Ấn Độ cùng với ba người thân cận sau khi vượt núi bằng đường bộ hơn 1.000 cây số. Vị Phật sống này đứng vào hàng thứ ba trong hàng giáo phẩm Tây Tạng sau đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 và vị Ban Thiên Lạt Ma (Panchen Lama). Hai vị sau này thuộc môn phái 'mũ vàng', một người biểu tượng tinh thần, một người biểu tượng thế tục.

Báo Nhân Dân ra ngày 8-1-2000 đưa tin vị Phật sống này, theo những người thân cận nói lại, đi ra 'nước ngoài' (không nói ở Ấn Độ) là 'để mua mũ đen và nhạc khí chứ không có ý định bội phản hàng giáo phẩm và tổ quốc'. Tin này không những không thuyết phục được ai mà còn làm chính quyền Bắc Kinh trầm phần bối rối.

Cần nhắc lại vị Phật sống thứ 17 này lên kế nhiệm năm 1992, theo thuyết hóa kiếp, vị Phật sống thứ 16 đã tẩu thoát sang lánh nạn ở xứ Sikkim năm 1959 và sau đó từ trần năm 1981 ở Chicago. Đặc điểm của vị Phật sống vừa tẩu thoát là được đức Đạt Lai Lạt Ma và chính quyền Bắc Kinh công nhận. Do đó, vị này trong nhiều năm được Bắc Kinh 'o bế' và nuông chiều vì ông là người duy nhất còn ở lại Tây Tạng. Ông được Giang Trạch Dân tiếp đón chính thức và dự lễ Quốc Khánh năm 1994. Ông chủ trì miếu Tsurphu cách Lhasa độ 70 cây số về phía Tây Bắc. Người viết những dòng này có một may mắn hi hữu là được vị Phật sống này 'ban phúc lành' cách đây ngoài hai năm trong một chuyến đi ở Tây Tạng!

Điều làm chính quyền Bắc Kinh bối rối và căm phẫn là ngày nay ở Tây Tạng không còn vị Phật sống nào nữa. Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 (năm nay 64 tuổi) thì lưu vong ở Dharamsala, vị Ban Thiên Lạt Ma chính thức thì đã từ trần năm 1989 nhưng lại bị Bắc Kinh tráo trở cho một trẻ con 10 tuổi tên Gyaincain Norbu lên thay năm 1995 nhưng không được đức Đạt Lai Lạt Ma công nhận trong khi em bé khác tên Gedhun Choeky Nyima được công nhận thì bị Bắc Kinh cho quản thúc ở Lan Châu (?). Để tránh mất mặt với người Tây Tạng và dư luận quốc tế, Bắc Kinh dùng một cái tuyên bố ngày 12-1 là đã 'tìm' được một vị Phật sống khác mới lên 2 tuổi để thay vị Phật sống thứ 17 vừa tẩu thoát. Từ

Dharamsala, đức Đạt Lai Lạt Ma tuyên bố không công nhận vị Phật sống của Bắc Kinh.

Đây không phải lần đầu tiên cùng như lần chót mà chính quyền Bắc Kinh làm tráo trở một cách lộ bịch để thay các vị Phật sống theo ý muốn của mình.

## **Một vụ buôn lậu lớn nhất ở Trung quốc**

Nạn buôn lậu và tham nhũng đã trở thành quốc nạn ở các xứ cộng sản đặc biệt là ở Việt Nam và Trung Quốc. Theo thống kê năm 1999, đã có 132.000 quan chức ở Trung Quốc bị trừng phạt trong đó có 17 người ở hàng bộ trưởng. Điều mỉa mai là những người được đưa ra 'chống buôn lậu' lại bị tội về tham nhũng như trường hợp nổi tiếng của một thứ trưởng bộ công an tên Lý Kỳ Châu (Li Ji Zhou) trong năm qua.

Đầu tháng giêng, chính quyền Bắc Kinh vừa đưa ra ánh sáng một vụ buôn lậu lớn nhất từ trước đến nay ở Hạ Môn (Xia Men) thuộc tỉnh Phúc Kiến. Hạ Môn là trong những đặc khu kinh tế nằm ngang đảo Đài Loan. Vụ buôn lậu này không những khổng lồ với số tiền 10 tỷ USD mà còn có liên quan với nhiều nhân vật đầu não của chế độ. Người đứng đầu trong vụ này là tên Lai Xương Tinh (Lai Chang Xing), một cựu nông dân tỉnh Phúc Kiến sang lập nghiệp ở Hương Cảng trở thành tỷ phú. Tập đoàn Viên Hoa (Yuan Hua) của ông này có nhiều cửa hàng lớn ở trên phố Nathan Road ở Hương Cảng. Trở về đầu tư ở Hạ Môn, ông trở thành một thương gia tên tuổi của tỉnh. Tủi quán 'Hồng Lâu' của ông là nơi tập tụ 'huống lạc' của các quan chức của tỉnh. Ông lại còn có ý định xây cất một 'Cấm Cung' như ở Bắc Kinh để thu hút du khách bốn phương. Tập đoàn Viên Hoa của ông cho nhập cảng bất hợp pháp xe hơi, xăng dầu, hoá chất, thuốc lá, điện tử, vũ khí v.v. Các thuyền buôn lậu của ông được thuyền của hải quan hộ tống! Họ Lai không thể làm việc này nếu không có sự thông đồng và giúp đỡ của chính quyền địa phương. Trước khi nội vụ bị đổ bể ra trước ánh sáng, chính quyền trung ương đã gửi, từ tháng 8 năm qua, 400 nhân viên từ Bắc Kinh về Hạ Môn để điều tra. Họ đã khám phá có tới 160 quan chức của tỉnh tham dự vào buôn lậu trong đó phần lớn là các trưởng ngành của đảng, tỉnh, công an, hải quan, ngân hàng, tư pháp như Lưu Phong, phó bí thư tỉnh uỷ, Trương Tông Tự, phó thị trưởng, Trương Như Thuận, phó cục trưởng công an, Dương Tiền

# THỜI SỰ... TUA TỨC... THỜI SỰ...

Tuyển, cục trưởng hải quan, Lô Vinh Chính, cục trưởng điều sát hải quan v.v.

Vụ buôn lậu này lại còn có liên quan xa gần với nhiều nhân vật đầu não ở bộ chính trị. Bà Lâm Áu Phương (Lin You Fang), vợ hay đúng hơn vợ cũ (vừa ly dị đúng lúc) của Giả Khánh Lâm (Jia Qing Lin), đương kim bí thư thành ủy Bắc Kinh cùng con trai và dâu của cựu ủy viên thường vụ bộ chính trị đô đốc Lưu Hoa Thanh (Liu Hua Qing) đang bị thẩm vấn.

Thực ra, chưa ai biết rõ vai trò chính xác của họ Giả trong việc buôn lậu khổng lồ này vì họ Giả còn được ông Giang che chở. Điều chắc chắn là ông chỉ từ hôn với bà vợ một tháng trước khi nội vụ được đưa ra ánh sáng. Tên của Lý Kỳ Châu cũng được nhắc tới trong vụ buôn lậu này nhưng ông ta chỉ bị cách chức chứ không bị xét xử nhờ có sự che chở của Lý Bằng. Song song đó, một vụ biển thủ 'nhỏ' (chỉ có 600 triệu USD) cũng được phát hiện trong công trình xây dựng tháp đập 'Tam Khe Lũng' ở sông Trường Giang. Số tiền biển thủ lên đến hơn 1/10 của số tiền dự trù cho di chuyển và định cư cho hơn một triệu người bắt buộc phải đi nơi khác.

Ai cũng biết người hăng say chủ trương xây tháp đập là Lý Bằng. Thủ tướng Chu Dung Cơ tuyên bố quyết tâm đưa các vụ tham ô, buôn lậu ra ánh sáng dù có cấp cao che chở hay không. Cuộc tranh chấp ở đầu nào lần này diễn ra ở 'chiến trường' tham nhũng!

## Ăn xương rồng chống đói

Thứ Bảy tuần trước, báo Người Lao Động ở Việt Nam loan tin tại Xã Bình Dương, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam trong sáu thôn có 5 thôn "nhân dân không còn lương thực để ăn." Trong số báo đầu tuần này, tờ báo đã đăng bài tường thuật của phóng viên về tận Bình Dương nhìn rõ cảnh dân chúng ăn xương rồng để đói Nhà báo trong nước dùng các chữ "ăn xương rồng chống đói" chắc vì quen sống trong một chế độ thường hay hô khẩu hiệu. Báo Người Lao Động giải thích rằng nguyên nhân nạn đói là do nạn lũ lụt cuối năm 1999. Nhưng bản tin đầu tiên cũng cho biết "Thông thường, hàng năm nhân dân vùng này ăn khoai lang trừ cơm từ Tháng Mười đến Tháng Hai âm lịch." Thông thường, nghĩa là dù có nạn lụt hay không. "Năm nào cũng đói. Bài phóng sự kể lời anh Phan Đức Lý: "Dân Bình Dương ăn cây xương rồng và khoai mài là chuyện bình thường". Bài báo kể chuyện mấy gia đình ăn ngày một, hai bữa, "thức ăn chính

là cây xương rồng. Người dân ở đây lấy cây xương rồng loại bốn cạnh, chặt cây non, bóc vỏ, xắt mỏng ra từng lát, sau đó đem luộc trong nước sôi hai lần rồi mới nấu ăn." Tôi chú ý đọc kỹ phương pháp nấu cây xương rồng để ăn đỡ độc, vì nhớ lại một chuyện cũ. Năm 1974 (chiến tranh còn khốc liệt), tôi đã được nghe chuyện người đói ăn cây xương rồng, năm đó ở Thừa Thiên và Quảng Trị có nạn đói. Tôi đi cùng một đoàn sinh viên Huế tới Hương Điền phát thực phẩm cứu trợ đồng bào. Các đoàn thể và chính quyền cung cấp phẩm vật, quân đội giúp chuyên chở. Các sinh viên học sinh tình nguyện làm việc. Buổi tối trên đường về, trời mưa lớn, đứng trong chiếc xe vận tải nhà binh không mui, nước mưa hắt đầy mặt mũi, một sinh viên kể chuyện lần trước anh tới đây phát thực phẩm. Khi xe chở các anh sửa soạn ra về, nhiều đồng bào còn bám lấy thành xe hỏi xem còn chi ăn không. Trong số những khuôn mặt nhìn lên trông đợi vô vọng, có một cô gái có vẻ rất ngại ngùng e thẹn, chắc vì suốt đời cô chưa từng phải ngửa tay xin ăn; cô nhìn lên nói một câu, rồi cúi xuống, nhiều lần. Anh sinh viên giải thích với đồng bào, năn nỉ xin lỗi và hứa hẹn, cố chống lại cảm giác mình là kẻ có tội: Bữa nay hết cả rồi, xin quý vị đợi tuần sau chúng tôi lại tới. Và tuần sau anh tới, tìm mãi không thấy cô gái kia, anh hỏi thăm, nói muốn biếu mấy ký gạo là quà của riêng anh. Người làng cho biết cô gái đó đã chết, vì ăn cây xương rồng luộc không đúng cách, bị trúng độc. Cả đời tôi không bao giờ quên nét mặt người sinh viên kể chuyện đó, và cứ tưởng tượng hình ảnh cô gái mà tôi không được gặp. Tội nghiệp cô Nếu như cô biết chọn loại xương rồng bốn cạnh, chặt cây non, bóc vỏ, xắt mỏng ra từng lát, luộc hai lần...

Nhìn trên bản đồ Việt Nam, xã Bình Dương ở ven biển, phía đông và cách Quốc lộ số 1 khoảng 15 cây số. Ở ngay bên trục lộ giao thông chính mà người dân đói như vậy, ở các xã xa xôi thì sao Phóng viên báo Người Lao Động cho biết người dân Bình Dương đang lo sau Tết thì xương rồng cũng hết, không còn gì để ăn nữa.

Trong một bài viết, sau khi lãnh giải Nobel về kinh tế học năm 1998, Giáo sư Amartya Sen khẳng định: "Một điểm nổi bật trong lịch sử nạn đói ghê gớm, là chưa bao giờ nạn đói xảy ra ở một nước có chính quyền dân chủ và có tự do báo chí!". Và Giáo sư Sen giải thích tại sao có mối liên hệ nhân quả giữa chế độ độc tài và nạn đói Ông viết: "Câu trả lời rất dễ. Đói kém đã

giết hại hàng triệu con người trong nhiều nước trên thế giới, nhưng không hề giết những vị chủ nhân cầm đầu các nước đó. Các ông vua và các ông Chủ tịch nước, các quan chức và các thủ trưởng, các sĩ quan... chẳng bao giờ chết đói cả! Và nếu không có bầu cử tự do, không có đảng phái đối lập, không có chỗ cho người ta tự do công khai phê bình, thì chính quyền không bao giờ phải gánh hậu quả chính trị về tình trạng nó bất tài, bất lực, không ngăn chặn được nạn đói".

Thí dụ từ năm 1958 đến 1961 ở Trung Hoa có 30 triệu người chết đói, mà sau đó, chính phủ Bắc Kinh vẫn tiếp tục cái chính sách kinh tế gây ra nạn đói đó. Vì không ai được lên tiếng phê bình một câu nào cả! Trong một nước dân chủ, có bầu cử tự do, người dân có thể lật đổ nhà cầm quyền bằng lá phiếu, thì quyền tự do thông tin ngăn ngừa được nạn đói vì chính quyền có thể biết trước tin tức. Ngoài ra, người cầm quyền bị áp lực phải đối phó trước khi nạn đói xảy ra, vì sợ thất cử. Báo Người Lao Động đăng tin về nạn đói ở Quảng Nam, liệu có tạo được áp lực đối với nhà cầm quyền ở Hà Nội hay không? Rất khó, vì những người đang nắm quyền không cần người dân nào bầu họ lên hết. Hiện giờ họ đang bàn tính với nhau tới Đại Hội Đảng tới thì ai sẽ giữ chức gì, hoàn toàn trong vòng bí mật, không cho ai biết!

Nhà cầm quyền Hà Nội không thiếu tin tức. Tháng Ba năm 1999, báo chí ở Việt Nam loan tin có đến một triệu rưỡi người trong 32 tỉnh (chắc phải có huyện Thăng Bình, Quảng Nam trong đó) đang bị thiếu đói trầm trọng. Tin này lấy từ báo cáo của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội trình thủ tướng chính phủ. Nhưng năm nay người dân vẫn đói! Và trong năm 1999 Việt Nam vẫn xuất cảng 4.5 triệu tấn gạo, thu về một tỷ đô la Mỹ.

Nạn đói phần lớn không do thiên tai mà do con người tạo ra, đó là điều mà nhà kinh tế học Sen đã tìm ra sau khi nghiên cứu nạn đói ở khắp thế giới. Ở Việt Nam, đó là do các chế độ chính trị không chịu trách nhiệm với dân, như thời Pháp thuộc, Nhật thuộc, hay dưới chế độ độc tài, độc đảng. Chúng ta đã gây quỹ, đóng góp lo cứu đồng bào bị nạn bão, nạn lụt, còn nạn đói do những con người tạo ra thì phải làm gì? Chắc chắn không một đợt cứu trợ nào làm giảm được mối nguy là dân ta sẽ còn đói nữa, đói năm này sang năm khác, không phải vì bão lụt, thiên tai, mà vì cả một chế độ.

(Ngô Nhân Dụng, Nhật báo Người Việt)



## Mong ước đầu Xuân

Mùa xuân là mùa của những mong ước đẹp.

Xuân Canh Thìn, tôi ước mong một điều: trên báo chí và Internet, người Việt trong và ngoài nước hãy trao đổi ý kiến về vấn đề thù hận.

Theo tôi đây là vấn đề cần thiết, quan trọng, bổ ích, phong phú để cùng nhau đối thoại. Đây cũng là chìa khóa để mở cửa cho đoàn kết dân tộc, đổi mới và phát triển. Nó là điều kiện để kết thúc một thời kỳ lịch sử, chuyển hẳn sang một thời kỳ mới.

Đây là một cái nhìn trung tâm cần cùng nhau cõ ra bằng thảo luận công khai. Đây cũng là một vấn đề cực khó, cần nhìn thẳng vào sự thật để giải cho bằng được thiện chí của mỗi người, dù trước đây thuộc phe phái, hàng ngũ nào.

Tôi xin phép gợi ý vài điểm:

- Hận thù trong nội bộ dân tộc Việt Nam hiện có ra sao?
- Nó biểu hiện thế nào?
- Nguồn gốc nó từ đâu?
- Hận thù ấy có lợi hay có hại? Lợi, hại ra sao?
- Ta có thể giải hận thù được không? Làm thế nào để giải?
- Những kẻ thù cũ có thể trở thành bạn bè, anh chị em của nhau được không?

Những kinh nghiệm lịch sử về nung nấu hận thù cũng như về hóa giải hận thù. Những biện pháp, kiến nghị, sáng kiến, quan niệm để hóa giải hận thù.

Nào xin mời các bạn suy nghĩ và phát biểu thật sôi nổi và hào hứng.

Bùi Tín

### Quảng cáo văn nghệ 19-2-2000

Để mừng Xuân Canh Thìn, các hội đoàn VOVINAM, Solidarité France-Vietnam, Hoa Lư và Avenir sẽ tổ chức

#### Đêm Văn Nghệ

"Tết 2000, Année du Dragon"

thứ bảy 19-2-2000, từ 17 giờ đến 2 giờ sáng

tại Salle des Fêtes Jacques Brel

Rue du Plateau, 77340 Pontault Combault

#### Chương trình:

Từ 17 giờ: Biểu diễn võ thuật Việt Nam do Vovinam Vietvodoa Ile de France, đua kéo dây

Từ 20 giờ đến 21 giờ 30: Văn nghệ gồm có các tiết mục ca múa, trình diễn áo dài và xổ số

(lô độc đặc là một vé khứ hồi Paris-Sài Gòn do hãng Air France tặng)

Từ 22 giờ đến 2 giờ sáng: Dạ vũ do nhóm Trùng Dương thực hiện.

Vé vào cửa: sinh viên, học sinh: 80 Francs; người lớn: 100 Francs

Đặt mua: Nguyễn Văn Huy; điện thoại: 01 60 17 68 00.

## Mục lục

2. Những sắp xếp nhân sự không gây được sự chú ý **Thông Luận**
3. Những câu đối Tết Canh Thìn **Hà Sĩ Phu**
4. Cuộc chiến thắng của nền kinh tế mới **Huỳnh Hùng**
5. Một thế giới quá cách biệt **Nguyễn Phi Phụng**
9. Hội nhập và chủ quyền **Nguyễn Thanh Giang**
8. Tổng kết kinh tế Việt Nam 1999 và dự báo cho năm 2000 **Nguyễn Ngọc Hiệp**
11. Về những người dân chủ trong nước **Phòng vấn Nguyễn Gia Kiểng**
13. Mười nhân vật tiêu biểu của Châu Á trong thế kỷ 20 **Bùi Tín**
16. Các vấn đề đang được tranh cãi hiện nay ở VN trong lãnh vực giáo dục **Tôn Thất Long**
19. Việt Nam vào đầu thế kỷ 21 **Vương Văn Đông**
21. Việt Nam và Á Châu thế kỷ 21 **Phòng vấn Carlyle Thayer**
24. Một nghìn năm văn học **Đặng Tiến**
30. Chuyện cổ tích **Nguyễn Gia Kiểng**
33. Mạn đàm về tập hợp **Phạm Ngọc Lân**
34. Tin tức thời sự
36. Mong ước đầu xuân **Bùi Tín**

## THÔNG LUẬN

Nguyệt san

Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 và 8 chỉ ra một số);

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité,  
37 rue du Clos de l'Erable  
77400 Saint Thibault des Vignes,  
FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF hoặc tương đương.

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề:

**VIETNAM FRATERNITE**

(xin đừng đề Thông Luận)